

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13/TTr-CP

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2024

## TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế,  
chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

Kính gửi: Quốc hội khóa XV.

Tại Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”, Quốc hội đã giao Chính phủ xây dựng, trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm thực hiện một số cơ chế đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Kết luận Phiên họp thứ 29 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV tại Thông báo số 3263/TB-TTKQH ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Tổng Thư ký Quốc hội, Chính phủ báo cáo Quốc hội về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết). Cụ thể như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

#### 1. Căn cứ, cơ sở đề xuất

- Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”.

- Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV, trong đó: “nghiên cứu, đề xuất thực hiện thí điểm việc phân cấp cho cấp huyện chủ động quyết định, điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn, danh mục dự án đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn, báo cáo Quốc hội khi tiến hành giám sát tối cao chuyên đề về 03 chương trình mục tiêu quốc gia tại Kỳ họp thứ 6”.

- Báo cáo số 550/BC-ĐGS ngày 21 tháng 10 năm 2023 của Đoàn Giám sát của Quốc hội; kiến nghị của cử tri và đại biểu Quốc hội tại Kỳ họp thứ 6 của Quốc hội (đã được tổng hợp tại Báo cáo số 3077/BC-TTKQH ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Tổng Thư ký Quốc hội).

- Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV tại Phiên họp thứ 29 tại Thông báo số 3263/TB-TTKQH ngày 11 tháng 01 năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 1350/BC-HĐDT15 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng Dân tộc Quốc hội.

## 2. Sự cần thiết

Thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, trong thời gian qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quyết liệt chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tập trung triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Đến nay, đã đạt được một số kết quả bước đầu: Hệ thống cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đã cơ bản được ban hành đầy đủ; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2022 là 4,03%; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số năm 2022 là 21,02%; tỷ lệ hộ nghèo trên 74 huyện nghèo là 38,62%; cả nước có 73,65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, có 1.331 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 176 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có 40,8% đơn vị cấp huyện thuộc 58 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới; có 20 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, có 05 tỉnh<sup>1</sup> đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Tuy nhiên, kết quả triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia còn hạn chế, tiến độ giải ngân vốn ngân sách trung ương được giao còn rất chậm. Nguyên nhân chủ yếu do một số khó khăn, vướng mắc cần phải được kịp thời tháo gỡ về: Phân bổ, giao dự toán ngân sách trung ương (chỉ thường xuyên) hằng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; quy định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất; cơ chế sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng;... Những khó khăn, vướng mắc nêu trên liên quan đến các quy định của một số Luật có liên quan, vượt thẩm quyền của Chính phủ và cần phải báo cáo Quốc hội.

Trước thực trạng đó, Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định một số giải pháp chính sách đặc thù vượt thẩm quyền của Chính phủ. Các giải pháp này nếu được thông qua sẽ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt là giải ngân vốn sự nghiệp.

<sup>1</sup> Bao gồm các địa phương: tỉnh Nam Định, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Hà Nam, tỉnh Hưng Yên và tỉnh Hải Dương.

## II. VỀ SỰ PHÙ HỢP VỚI CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 ban hành theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra chủ trương “Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với đô thị hóa, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững, lấy cư dân nông thôn làm chủ thể, đem lại sự chuyển biến tích cực rõ nét hơn về nếp sống tới từng thôn, bản, ấp, hộ gia đình và cuộc sống trực tiếp của mỗi người dân sinh sống ở nông thôn”; “Quan tâm phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”; “Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Đổi mới thực chất cách tiếp cận trong giảm nghèo bằng các chính sách hỗ trợ có điều kiện, giảm hỗ trợ cho không, khơi dậy ý chí chủ động vươn lên tự thoát nghèo; hạn chế bất bình đẳng xã hội”. Trên tinh thần đó, Quốc hội đã thông qua chủ trương đầu tư 03 chương trình mục tiêu quốc gia: Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội), giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (tại Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội), xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội); Chính phủ đã ban hành các Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022, số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định; các bộ, cơ quan trung ương theo thẩm quyền đã ban hành các thông tư, văn bản hướng dẫn thực hiện các chương trình.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Chính phủ đã kịp thời ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; các bộ, cơ quan trung ương ban hành các thông tư, văn bản sửa đổi, bổ sung một số quy định để giải quyết những vướng mắc khó khăn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Bên cạnh đó, trên cơ sở đề xuất của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Chính phủ kịp thời rà soát, đề xuất giải pháp xử lý các khó khăn khi áp dụng các quy định của một số Luật chuyên ngành trong triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia để trình Quốc hội Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Việc đề xuất giải pháp đặc thù này đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện các chương trình và phù hợp với chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia đã được Quốc hội thông qua tại các Nghị quyết: số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020, số 24/2021/QH15 và số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021.

### **III. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

#### **1. Mục tiêu**

Việc xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm xử lý các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong áp dụng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

#### **2. Quan điểm**

- Bảo đảm tuân thủ các quy định Hiến pháp năm 2013, phù hợp với chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia tại các Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020, số 24/2021/QH15 và số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội và đáp ứng yêu cầu của Đại biểu Quốc hội và của các cử tri cả nước.

- Quy định một số cơ chế đặc thù nhằm thể chế hóa đầy đủ các quy định, chính sách về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đoạn 2021 - 2025 theo hướng tăng cường phân cấp, trao quyền, tạo điều kiện thuận lợi cho các bộ, ngành, địa phương đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện, hoàn thành mục tiêu từng chương trình theo yêu cầu của Quốc hội.

### **IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI**

1. Thực hiện kế hoạch giám sát của Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã tích cực phối hợp với Đoàn Giám sát của Quốc hội khóa XV để đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế, khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Chính phủ đã có các báo cáo số 100/BC-CP ngày 01 tháng 4 năm 2023; số 388/BC-CP ngày 16 tháng 8 năm 2023, số 445/BC-CP ngày 12 tháng 9 năm 2023, Tờ trình số 444/TTr-CP ngày 12 tháng 9 năm 2023 báo cáo Đoàn Giám sát, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội về kết quả thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện và đề xuất giải pháp, cơ chế đặc thù tháo gỡ khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trong thời gian tới.

2. Thực hiện kết luận Phiên họp thứ 27 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV tại Thông báo số 2901/TB-TTKQH ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tổng Thư ký Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan xây dựng hồ sơ trình Quốc hội; lãnh đạo Chính phủ đã chủ trì cuộc họp ngày 16 tháng 10 năm 2023 với các bộ, cơ quan: Tài chính, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội để cho ý kiến và thống nhất với Hồ sơ trình Quốc hội; Chính phủ thông qua

Tờ trình số 557/TTr-CP ngày 16 tháng 10 năm 2023 về các cơ chế đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 để báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 6 của Quốc hội.

3. Thực hiện Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV; trên cơ sở các Báo cáo số 550/BC-ĐGS ngày 21 tháng 10 năm 2023 của Đoàn Giám sát của Quốc hội, số 3077/BC-TTKQH ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Tổng Thư ký Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc và các cơ quan liên quan xây dựng, tổ chức lấy ý kiến các bộ, ngành và địa phương đối với Hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo quy định.

4. Thực hiện Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn; Bộ Tư pháp thẩm định Hồ sơ đề xuất theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05 tháng 12 năm 2023).

5. Trên cơ sở ý kiến các Thành viên Chính phủ, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 210/NQ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2023 thông qua dự thảo Tờ trình của Chính phủ về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thực hiện các cơ chế đặc thù để tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình số 686/TTr-CP ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự thảo Nghị quyết.

6. Thực hiện Kết luận Phiên họp thứ 29 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV tại Thông báo số 3263/TB-TTKQH ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Tổng Thư ký Quốc hội và trên cơ sở Báo cáo thẩm tra số 1350/BC-HĐDT15 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng Dân tộc Quốc hội, Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Quốc hội lấy ý kiến các thành viên Chính phủ. Ngày 12 tháng 01 năm 2024, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 13/NQ-CP thông qua Hồ sơ dự thảo Nghị quyết; đồng thời, giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình của Chính phủ trình Quốc hội tại kỳ họp tháng 1 năm 2024.

## V. BỐ CỤC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VÀ NỘI DUNG CƠ CHẾ ĐẶC THÙ ĐỀ XUẤT ĐƯA VÀO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết bao gồm 6 Điều, cụ thể:

### 1. Về tên gọi dự thảo Nghị quyết

Trên cơ sở Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề xuất tên gọi là: **“Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia”**.

### 2. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Nghị quyết quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù khác quy định hoặc chưa được quy định tại các một số Luật (như: Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đấu thầu) để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

### 3. Về đối tượng áp dụng (Điều 2)

Nghị quyết áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

### 4. Về giải thích từ ngữ (Điều 3)

Tại dự thảo Nghị quyết, đề xuất 01 Điều quy định về giải thích một số từ ngữ được sử dụng trong Nghị quyết để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong cách hiểu, áp dụng quy định pháp luật trong tổ chức, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Nội dung cụ thể:

a) “Dự án thành phần” bao gồm: Dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; nội dung thành phần, nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; dự án, tiểu dự án, nội dung, nội dung thành phần thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm.

Việc giải thích từ ngữ “dự án thành phần” được sử dụng tại dự thảo Nghị quyết nhằm phân biệt giữa “dự án thành phần” thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia với “dự án đầu tư phát triển” hoặc “dự án hỗ trợ phát

triển sản xuất”. Trong đó, mục tiêu, nhiệm vụ và cơ quan chủ “dự án thành phần” được xác định cụ thể tại từng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia trong từng giai đoạn. Danh mục dự án thành phần của các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tại Phụ lục I.

b) “Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị” bao gồm: Dự án, kế hoạch phát triển sản xuất do doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là chủ trì liên kết) hợp tác với cá nhân, hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, các tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác (gọi chung là các đối tượng liên kết) xây dựng, đề xuất và được cấp có thẩm quyền phê duyệt để liên kết hình thành chuỗi giá trị thực hiện các hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

Việc giải thích từ ngữ “Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị” được sử dụng tại Nghị quyết nhằm xác định thuật ngữ thay thế cho các loại hình liên kết trong phát triển sản xuất. Các từ ngữ “Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị”, “Phương án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị” đã được quy định tại các Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

c) “Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng” bao gồm: Dự án, phương án phát triển sản xuất do cộng đồng người dân (tổ, nhóm dân cư hoặc hộ gia đình) xây dựng, đề xuất và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc giải thích từ ngữ “Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng” được sử dụng tại Nghị quyết nhằm xác định thuật ngữ thay thế cho các loại hình phát triển sản xuất do cộng đồng đề xuất và tự thực hiện. Các thuật ngữ “Dự án phát triển sản xuất cộng đồng”, “Phương án phát triển sản xuất cộng đồng” đã được quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và một số thông tư cấp bộ hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí, thực hiện nội dung của các chương trình mục tiêu quốc gia.

d) “Chủ dự án phát triển sản xuất” là chủ trì liên kết, cộng đồng người dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt cụ thể tại dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

đ) “Cơ quan quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất” là cơ quan nhà nước được giao dự toán thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, được xác định cụ thể tại quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

e) “Dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp” là dự án đầu tư xây dựng đáp ứng các tiêu chí: Thuộc nội dung đầu tư của chương

trình mục tiêu quốc gia, được thực hiện trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã, do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; có tổng mức đầu tư dự án không vượt quá 05 tỷ đồng; kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện; thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

#### 5. Về nội dung cơ chế đặc thù (Điều 4)

Tại dự thảo Nghị quyết, Chính phủ trình Quốc hội quyết định thí điểm 08 cơ chế, chính sách đặc thù. Cụ thể:

a) Khoản 1 quy định về phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm:

Hằng năm, Quốc hội quyết nghị phân bổ dự toán chi thường xuyên thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết đến từng lĩnh vực chi sự nghiệp. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ giao dự toán ngân sách nhà nước hằng năm cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chi tiết chi thường xuyên theo dự án thành phần, lĩnh vực chi sự nghiệp. Tuy nhiên, quy định này không tạo được sự chủ động, tự quyết định, tự chịu trách nhiệm của địa phương trong phân bổ, sử dụng nguồn lực theo điều kiện thực tiễn của địa phương; các địa phương không được chủ động, linh hoạt điều chỉnh từ nội dung chi không còn đối tượng chi, hoặc có tỷ lệ giải ngân thấp để tập trung vốn cho những nội dung có đối tượng hoặc các dự án đang có hiệu quả cao nhưng thiếu nguồn lực. Điều này là một trong những nguyên nhân dẫn đến kết quả giải ngân kinh phí thường xuyên của 03 chương trình mục tiêu quốc gia trong năm 2023 chỉ đạt khoảng 23%. Trước thực trạng đó, các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương kiến nghị Trung ương giao dự toán chi ngân sách trung ương cho các địa phương theo từng chương trình; phân cấp cho địa phương quyết định việc phân bổ chi tiết đến dự án thành phần.

Trên cơ sở rà soát quy định của Luật Ngân sách nhà nước, tổng hợp đề xuất của nhiều địa phương, Chính phủ đề xuất cơ chế đặc thù khác quy định của Luật Ngân sách nhà nước<sup>2</sup> để thực hiện phân cấp, tạo sự chủ động, linh hoạt cho các địa phương, đồng thời để thống nhất quy định về phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên hằng năm thực hiện giữa các chương trình mục tiêu quốc gia<sup>3</sup>. Nội dung cơ chế đặc thù bao gồm các quy định:

- Quốc hội quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung

<sup>2</sup> Cơ chế phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương của các chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết theo lĩnh vực, nhiệm vụ chi đang được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Ngân sách nhà nước.

<sup>3</sup> Theo quy định tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội, việc phân bổ, giao dự toán ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương theo tổng mức vốn của Chương trình.



ương hằng năm cho từng địa phương theo tổng mức kinh phí từng chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thủ tướng Chính phủ giao dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm cho từng địa phương theo tổng kinh phí chi thường xuyên từng chương trình mục tiêu quốc gia.

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết đến dự án thành phần. Trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ chi tiết đến từng dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Khoản 2 quy định điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm:

Kết quả giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia thời gian qua, đặc biệt là vốn sự nghiệp, chưa đạt được mục tiêu một phần do các địa phương gặp khó khăn, vướng mắc trong áp dụng các quy định của pháp luật chuyên ngành. Trong đó: (1) Đối với dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương các năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được giao chi tiết theo dự án thành phần, lĩnh vực chi làm cho các địa phương không được điều chỉnh vốn giữa các nội dung, dự án thành phần, lĩnh vực chi đã được Trung ương giao do Luật Ngân sách nhà nước không có quy định cho phép địa phương được điều chỉnh dự toán ngân sách trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ giao; (2) Các địa phương không thực hiện được việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn các năm 2021, 2022, 2023 được kéo dài sang thực hiện trong năm 2024 do Luật Đầu tư công không có quy định cho phép điều chỉnh nguồn vốn được kéo dài.

Trước thực trạng đó, Chính phủ đề xuất Quốc hội thông qua cơ chế đặc thù cho phép địa phương điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước (chi thường xuyên) năm 2024, dự toán, kế hoạch ngân sách nhà nước từ các năm trước được kéo dài sang năm 2024 để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương và đảm bảo đồng bộ với cơ chế giao dự toán chi thường xuyên đề xuất tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị quyết (Chính sách 1). Trong đó, nội dung cơ chế đặc thù bao gồm các quy định:

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước 2024 (chi thường xuyên) và dự toán ngân sách nhà nước chưa giải ngân hết trong năm 2023 (bao gồm chi đầu tư, chi thường xuyên được chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2023) của các chương trình mục tiêu quốc gia đã được chuyển sang năm 2024 theo quy định tại các Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, theo thẩm quyền phân cấp, quyết định việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước của các chương

trình mục tiêu quốc gia chưa giải ngân hết trong năm 2023 đã được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2024 theo quy định tại các Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội.

- Nguyên tắc thực hiện:

+ Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước từ các dự án thành phần không còn đối tượng hỗ trợ, hoặc không đủ điều kiện để giải ngân kinh phí theo quy định, hoặc có tỷ lệ giải ngân thấp để bổ sung dự toán thực hiện các dự án thành phần khác trong cùng chương trình mục tiêu quốc gia phải đảm bảo không vượt tổng dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.

+ Điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm giữa các dự án đầu tư trong danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trong cùng chương trình mục tiêu quốc gia phải đảm bảo không vượt quá tổng mức vốn đầu tư công đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch cho từng chương trình.

c) Khoản 3 về ban hành quy định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án phát triển sản xuất:

Tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ) đã quy định phân cấp cho địa phương quyết định trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Thực hiện theo quy định phân cấp này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chính sách theo thẩm quyền theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Đến nay, về cơ bản đã có 44 địa phương (Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo) đã ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định về trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Tuy nhiên, qua tổng hợp báo cáo, ghi nhận nhiều địa phương phản ánh gặp khó khăn, mất nhiều thời gian hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Một số địa phương cho rằng việc ban hành quy định trình tự, thủ tục là nội dung điều hành của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nên Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chưa xem xét thông qua. Việc chậm trễ ban hành quy định này đã làm chậm tiến độ triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất tại địa phương. Bên cạnh đó, các địa phương cũng phản ánh, do lần đầu xây dựng, ban hành quy định về trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, nên trong quá trình triển khai thực hiện còn phát sinh một số vướng mắc cần điều chỉnh. Để rút ngắn quá trình thực hiện điều chỉnh này, hầu

hết các địa phương tiếp tục đề xuất, kiến nghị giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, mô hình trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm cả ban hành mới và điều chỉnh các quy định đã ban hành).

Trên cơ sở rà soát quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tổng hợp đề xuất của nhiều địa phương, Chính phủ đề xuất Quốc hội quyết nghị cơ chế đặc thù khác quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, nội dung cơ chế đặc thù quy định:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án phát triển sản xuất trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia.

- Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã ban hành quy định về trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyết định việc sửa đổi, bổ sung quy định và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

d) Khoản 4 quy định về sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp giao chủ dự án phát triển sản xuất tự thực hiện việc mua sắm hàng hóa phục vụ hoạt động phát triển sản xuất:

- Việc áp dụng quy định của Luật Đấu thầu năm 2013 trong trường hợp giao cho chủ dự án (doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người dân) thực hiện mua sắm hàng hóa từ vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ không gặp vướng mắc, khó khăn. Tuy nhiên, khi áp dụng quy định tại Luật Đấu thầu năm 2023 đã phát sinh khó khăn, vướng mắc, chưa đủ cơ sở pháp lý để tiếp tục áp dụng cơ chế giao chủ dự án tự thực hiện việc mua sắm hàng hóa từ vốn ngân sách nhà nước. Cụ thể:

+ Các đối tượng chủ dự án phát triển sản xuất đều là đối tượng ngoài nhà nước, việc bắt buộc phải thực hiện các quy trình đấu thầu gặp nhiều khó khăn, nhất là đối tượng người dân không thuộc đối tượng “bên mời thầu” theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 để thực hiện các quy trình đấu thầu theo quy định.

+ Chủ dự án phát triển sản xuất không đủ điều kiện, hoặc không có khả năng thực hiện (nhất là người dân vùng dân tộc thiểu số) các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 22 (Đấu thầu hạn chế), Điều 23 (Chỉ định thầu), Điều 24 (Chào hàng cạnh tranh), Điều 25 (Mua sắm trực tiếp), Điều 26 (Tự thực hiện) của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

+ Chủ dự án không thuộc đối tượng áp dụng quy định tại Điều 27 (Tham gia thực hiện cộng đồng) do hình thức này chỉ áp dụng cho tổ, nhóm thợ tại địa

phương tham gia gói thầu xây lắp.

- Bên cạnh đó, hàng hóa để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất không chỉ được đầu tư từ ngân sách nhà nước mà còn được đầu tư từ nguồn vốn tự có của chủ dự án. Nếu bắt buộc chủ dự án phải thực hiện các quy định về đấu thầu mua sắm với cả nguồn vốn tự có sẽ không thu hút được các đối tượng này tham gia thực hiện các hoạt động phát triển sản xuất tại địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn, vùng khó khăn.

- Qua tổng hợp, nhiều địa phương kiến nghị cho phép giao các đối tượng ngoài nhà nước (chủ trì liên kết, tổ, nhóm cộng đồng) được tự quyết định phương thức mua sắm hàng hóa (không bắt buộc phải thực hiện đấu thầu mua sắm theo các hình thức đấu thầu tại Luật Đấu thầu); cơ quan nhà nước sẽ thanh toán phần hỗ trợ sau khi có hóa đơn, chứng từ chứng minh việc mua sắm theo đúng nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Để giải quyết vướng mắc nêu trên, Chính phủ đề xuất Quốc hội quyết nghị cơ chế đặc thù khác quy định tại Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15. Trong đó, cho phép chủ dự án phát triển sản xuất (gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người dân) khi được giao thực hiện việc mua sắm hàng hóa từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước cũng được tự quyết định phương thức mua sắm hàng hóa trong phạm vi nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Chính sách này được Quốc hội thông qua sẽ cho phép các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tiếp tục thực hiện được cơ chế mua sắm hàng hóa như đã thực hiện trong năm 2023 như đã quy định, hướng dẫn chi tiết tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính. Nội dung cơ chế đặc thù như sau:

- Chủ dự án phát triển sản xuất được giao thực hiện việc mua sắm hàng hóa từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước được quyết định phương thức mua sắm hàng hóa thuộc nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất phù hợp với nội dung hỗ trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Căn cứ quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, cơ quan quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thanh toán tiền hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho chủ dự án phát triển sản xuất để thực hiện việc mua sắm hàng hóa như sau:

+ Trường hợp chủ dự án phát triển sản xuất trực tiếp sản xuất, cung ứng giống cây trồng vật nuôi, cơ quan quản lý dự án thanh toán trực tiếp chi phí sản xuất, cung ứng giống cây trồng vật nuôi theo giá thị trường tại địa bàn thực hiện dự án, hoặc theo định mức hỗ trợ theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Cơ quan tài chính cùng cấp, hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm xác định giá thị trường của hàng hóa trong trường hợp thanh toán theo giá thị trường.

+ Trường hợp chủ dự án ký kết hợp đồng mua sắm hàng hóa với bên cung cấp hàng hóa không phải là thành viên tham gia dự án phát triển sản xuất, chủ dự án có văn bản (hoặc đơn) đề xuất (kèm theo bản gốc hợp đồng mua bán có chứng nhận của cơ quan quản lý dự án) gửi cơ quan quản lý dự án để thực hiện thanh toán cho bên cung cấp hàng hóa. Chủ dự án phát triển sản xuất có trách nhiệm cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh hoạt động mua sắm (bao gồm tài liệu đánh giá, so sánh mức giá bán hàng hóa của bên cung cấp với giá bán hàng hóa cùng loại của tối thiểu 03 nhà cung cấp khác trên thị trường) làm cơ sở quyết toán dự án.

- Đối với các trường hợp cơ quan nhà nước trực tiếp thực hiện việc mua sắm hàng hóa để bàn giao lại chủ dự án, hoặc hỗ trợ trực tiếp cho người dân trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất phải thực hiện đấu thầu mua sắm hàng hóa theo quy định Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

đ) Khoản 5 quy định về quản lý, sử dụng tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất:

Tài sản hình thành từ các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được hỗ trợ từ cả nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn tự có của chủ dự án (chủ trì liên kết, cộng đồng người dân). Tuy nhiên, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ) chỉ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản dự án sử dụng vốn nhà nước; không quy định về việc xử lý tài sản của dự án hỗn hợp trong đó có một phần ngân sách nhà nước hỗ trợ cho dự án. Bên cạnh đó, thực tiễn triển khai cho thấy các tài sản có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trong các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất phần lớn có giá trị không lớn. Do vậy, các địa phương đang gặp khó khăn trong việc triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; đồng thời, đề nghị thực hiện cơ chế chuyển giao quyền quản lý, sử dụng và sở hữu tài sản này cho các đối tượng chủ trì liên kết, người dân; đề xuất quy định rõ tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất không phải là tài sản công.

Trên cơ sở rà soát quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành và xét tính đặc thù trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia gắn với đối tượng chính sách, Chính phủ đề xuất cơ chế đặc thù chưa được quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 và các quy định khác có liên quan. Trong đó, đề xuất 02 phương án như sau:

**Phương án 1:** Trên cơ sở Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Báo cáo thẩm tra của Hội đồng Dân tộc, Chính phủ đề xuất quy định các nội dung cơ chế như sau:

- Thực hiện chính sách hỗ trợ theo dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, không

áp dụng quy định quản lý tài sản công đối với tài sản có vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước dưới 500 triệu đồng, hoặc tài sản hỗ trợ cho cộng đồng người dân tham gia thực hiện dự án phát triển sản xuất. Việc xác định từng loại tài sản cụ thể cho từng đối tượng cụ thể do cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án quyết định khi phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Ưu tiên thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho chủ trì liên kết vay để đầu tư tài sản phục vụ hoạt động phát triển sản xuất có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên; không thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước.

Cơ chế đề xuất tại Phương án 1 có thể tổ chức thực hiện ngay sau khi Nghị quyết được thông qua, không phải ban hành các quy định chi tiết và cơ bản bám sát giải pháp đề xuất tại Báo cáo thẩm tra của Hội đồng Dân tộc Quốc hội, đáp ứng yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, việc xác định mức giá trị tài sản để thực hiện chính sách hỗ trợ mới dựa trên cơ sở tham khảo mức giá trị tài sản theo quy định về xác định giá trị tài sản, vật tư, vật liệu trong quá trình tổ chức thanh lý tài sản công quy định tại Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 và quy định về giá trị tài sản lớn của một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương (quy định theo phân cấp) như: Bộ Tài chính (tài sản lớn là tài sản có giá trị từ 500 triệu trở lên)<sup>4</sup>, Hải Phòng (có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên)<sup>5</sup>, Sơn La (có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên)<sup>6</sup>, Cao Bằng (có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên)<sup>7</sup>, Nam Định (có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên)<sup>8</sup>, Hải Dương (có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên)<sup>9</sup>...; chưa có một đánh giá, tính toán đầy đủ cho từng loại tài sản sử dụng cho từng loại dự án phát triển sản xuất cụ thể.

**Phương án 2:** Đề xuất nội dung chính sách đặc thù như phương án tại Tờ trình số 686/TTr-CP ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Quốc hội. Theo đó, quy định các nội dung:

- Chủ dự án phát triển sản xuất quản lý, sử dụng tài sản hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước trong thời gian thực hiện dự án. Cơ quan quản lý dự án chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát quá trình quản lý, sử dụng tài sản.

- Sau thời điểm kết thúc dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, cơ quan quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và chủ dự án phát triển sản xuất tổ chức kiểm kê, đánh giá và xử lý tài sản hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân

<sup>4</sup> Tại Quyết định số 409/QĐ-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tài chính.

<sup>5</sup> Tại Quyết định số 43/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố

Hải Phòng.

<sup>6</sup> Tại Quyết định số 45/2020/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

<sup>7</sup> Tại Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

<sup>8</sup> Tại Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

<sup>9</sup> Tại Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

sách nhà nước.

+ Trường hợp chủ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị có nhu cầu tiếp tục sử dụng tài sản của dự án, chủ dự án phát triển sản xuất nộp lại ngân sách nhà nước phần giá trị còn lại của tài sản hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước để được tiếp nhận quyền sở hữu tài sản.

+ Trường hợp cộng đồng người dân tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng cùng thống nhất đề xuất tiếp tục sử dụng các tài sản hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước, cơ quan quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xem xét, quyết định giao những tài sản này hỗ trợ cho người dân tiếp tục thực hiện phát triển sản xuất (tài sản đã chuyển giao không phải là tài sản công).

- Cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, căn cứ điều kiện thực tiễn, quyết định việc hỗ trợ, chuyển giao quyền sử dụng, quyền sở hữu các trang thiết bị, công cụ, tài sản có giá trị nhỏ được hình thành từ hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cho đối tượng người dân, hộ gia đình tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Chính phủ quy định tiêu chí xác định các trang thiết bị, công cụ, tài sản có giá trị nhỏ; cơ chế đặc thù trong xác định giá trị còn lại và xử lý tài sản được hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước theo nguyên tắc công khai, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Cơ chế đề xuất như tại Phương án 2 đảm bảo tính chặt chẽ, hạn chế tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài sản công, hạn chế thất thoát ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, Cơ quan quản lý nhà nước tại các cấp sẽ phải bố trí thêm nhân lực, nguồn lực thực hiện công tác theo dõi, giám sát đối với các tài sản này; đồng thời, Chính phủ chưa xây dựng được dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về “tiêu chí xác định các trang thiết bị, công cụ, tài sản có giá trị nhỏ; cơ chế đặc thù trong xác định giá trị còn lại và xử lý tài sản được hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước” để báo cáo Quốc hội ngay tại kỳ họp này. Do vậy, dự kiến sẽ gặp nhiều khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện, nhất là tại cấp cơ sở.

e) Khoản 6 quy định về ủy thác vốn tự cân đối của ngân sách địa phương qua hệ thống ngân hàng chính sách xã hội:

Qua tổng hợp báo cáo, nhiều địa phương chưa có đủ cơ sở pháp lý để sử dụng vốn đầu tư công để ủy thác qua hệ thống các ngân hàng chính sách hỗ trợ các đối tượng người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia vay vốn với lãi suất ưu đãi để phát triển sản xuất, tạo việc làm do Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước chưa quy định cơ chế sử dụng vốn đầu

tư công ngân sách địa phương để ủy thác cho vay. Bên cạnh đó, Kiểm toán Nhà nước đã kiến nghị việc ủy thác ngân sách nhà nước qua hệ thống các ngân hàng chính sách từ nguồn chi đầu tư phát triển (không sử dụng kinh phí thường xuyên để thực hiện cơ chế ủy thác). Như vậy, các địa phương không được bố trí chi thường xuyên để thực hiện ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh địa phương như đã thực hiện trong giai đoạn trước.

Trên cơ sở rà soát quy định Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và tổng hợp đề xuất của Ngân hàng chính sách xã hội, các địa phương, Chính phủ đề xuất cơ chế sử dụng ngân sách cân đối của địa phương để ủy thác cho vay ưu đãi chưa được quy định tại các Luật nhằm tạo điều kiện cho các địa phương chủ động, linh hoạt bố trí ngân sách hỗ trợ cho các đối tượng của chương trình mục tiêu quốc gia vay vốn ưu đãi. Trong đó, nội dung cơ chế quy định như sau:

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện được quyết định việc bố trí vốn ngân sách cân đối của địa phương (bao gồm: vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển khác, kinh phí thường xuyên) để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới thông qua việc giao Ủy ban nhân dân cùng cấp ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương để thực hiện một số hoạt động phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế và phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm, duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống, Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong triển khai các dự án thành phần thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện từng chính sách tín dụng cho các đối tượng được hỗ trợ vay vốn ưu đãi theo cơ chế ủy thác quy định tại điểm a khoản 6 dự thảo Nghị quyết.

- Đối tượng được vay vốn ưu đãi bao gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn, huyện nghèo; cá nhân người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt và giao dự toán, kế hoạch để thực hiện ủy thác:

+ Việc lập dự toán, phương án phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước (bao gồm chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) hằng năm để ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương thực hiện theo cơ chế lập dự toán, phương án phân bổ ngân sách địa phương theo quy định Luật Ngân sách nhà nước.



+ Việc lập, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm để ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương theo trình tự quy định tại Điều 62, Điều 63 Luật Đầu tư công. Giao kế hoạch đầu tư công theo nội dung thực hiện ủy thác (không theo danh mục chương trình, dự án đầu tư công).

g) Khoản 7 quy định về cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia:

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Quốc hội tại Phiên họp thứ 29 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đề xuất cơ chế thí điểm phân cấp để triển khai quy định tại Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội như sau:

**Phương án 1:** Chưa thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp cho cấp huyện ngay trong giai đoạn 2021-2025; quy định cơ chế định hướng cho tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030. Nội dung đề xuất cụ thể:

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tiêu chí lựa chọn huyện thực hiện cơ chế thí điểm, trong đó ưu tiên lựa chọn huyện đã hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; có nhiều điển hình cách làm hay trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; có kết quả đánh giá sự hài lòng của người dân của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện đạt trên 70%. Tổng số huyện được lựa chọn thí điểm không vượt quá 50% số đơn vị cấp huyện trên địa bàn.

- Nội dung phân cấp:

+ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm cho huyện được lựa chọn thí điểm theo tổng số vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 và hằng năm giao cho huyện được lựa chọn thí điểm.

+ Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định việc phân bổ vốn thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết đến từng dự án thành phần thuộc từng chương trình mục tiêu quốc gia; danh mục dự án đầu tư công thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Quy định cơ chế thí điểm như Phương án 1 để làm cơ sở cho quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 sẽ đảm

bảo tính thận trọng; không làm xáo trộn các kế hoạch, dự toán ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và hằng năm đã được Quốc hội quyết nghị.

**Phương án 2:** Thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024-2025 như tại Tờ trình số 686/TTr-CP ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ. Nội dung cụ thể như sau:

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, căn cứ điều kiện thực tiễn, được quyết định lựa chọn một huyện (01 huyện) thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao mục tiêu, nhiệm vụ, yêu cầu cụ thể đối với từng chương trình mục tiêu quốc gia cho cấp huyện được lựa chọn thí điểm.

- Hội đồng nhân dân cấp huyện được quyết định điều chỉnh phương án phân bổ vốn đầu tư công, kinh phí thường xuyên giữa các chương trình mục tiêu quốc gia trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm đã được cấp có thẩm quyền giao; cơ cấu nguồn vốn ngân sách nhà nước giữa chi đầu tư, chi thường xuyên của các dự án thành phần không còn đối tượng hỗ trợ để tập trung vốn thực hiện các dự án thành phần khác thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Nguyên tắc thực hiện:

+ Điều chỉnh phương án phân bổ vốn, cơ cấu nguồn vốn ngân sách nhà nước phải đảm bảo nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các chính sách, chế độ hỗ trợ cho người dân, hộ gia đình thuộc nội dung thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia. Việc sử dụng từng loại nguồn vốn sau khi được điều chỉnh cơ cấu giữa chi đầu tư, chi thường xuyên phải tuân thủ đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định có liên quan.

+ Tổng hợp, giải trình quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm của các huyện thực hiện cơ chế thí điểm được thực hiện theo dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện điều chỉnh theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 4 của dự thảo Nghị quyết.

Mặc dù đẩy mạnh phân cấp sẽ tạo sự chủ động cho cấp huyện tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, linh hoạt điều chỉnh theo thực tiễn của địa phương. Tuy nhiên, việc thực hiện thí điểm theo các đề xuất tại Phương án 2 sẽ làm phát sinh những bất cập như: (1) Địa phương phải mất thời gian xây dựng, ban hành các quy định cụ thể để triển khai thực hiện cơ chế, dự kiến sẽ

làm chậm tiến độ thực hiện các chương trình tại địa bàn thí điểm; (2) Có thể xảy ra tình trạng địa phương chỉ ưu tiên vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng, không ưu tiên thực hiện các chính sách an sinh, hỗ trợ trực tiếp các đối tượng chính sách theo mục tiêu Quốc hội giao tại các Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; (3) Việc điều chỉnh cơ cấu vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa vốn đầu tư, vốn sự nghiệp sẽ làm thay đổi cơ cấu vốn thực hiện các chương trình đã được Quốc hội quyết nghị trong giai đoạn 2021-2025. Do vậy, đề xuất cho phép các địa phương được quyết định lựa chọn thực hiện hoặc không thực hiện cơ chế thí điểm tùy theo điều kiện thực tiễn; đồng thời, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, cấp trong triển khai thực hiện cơ chế.

h) Khoản 8 quy định về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, đầu tư vốn hằng năm đối với dự án đầu tư xây dựng có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp:

Thực hiện quy định tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội, Chính phủ đã ban hành quy định về cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện các dự án đầu tư quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022. Trong đó, từ Điều 13 đến Điều 19 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã quy định tiêu chí lựa chọn dự án quy mô nhỏ kỹ thuật không phức tạp, quy trình lập hồ sơ, thẩm định hồ sơ, lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án này,...

Trong quá trình tổ chức thực hiện, cơ chế này đã tạo điều kiện cho địa phương phân cấp cho cấp xã thực hiện các loại dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp. Tuy vậy, địa phương phản ánh còn gặp khó khăn khi không thể xác định chính xác từng dự án này từ đầu giai đoạn để giao kế hoạch đầu tư công trung hạn; hằng năm phải mất nhiều thời gian thực hiện quy trình điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, phê duyệt dự án, phân bổ, giao kế hoạch hằng năm theo quy định của Luật Đầu tư công.

Trên cơ sở đề xuất của nhiều địa phương, Chính phủ đề xuất Quốc hội quyết nghị cơ chế đặc thù khác quy định tại Luật Đầu tư công. Trong đó, đề xuất quy định:

- Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn thực hiện các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo tổng vốn thực hiện các dự án; không bắt buộc giao tên danh mục dự án trong trung hạn.

- Phân bổ, giao kế hoạch đầu tư vốn hằng năm thực hiện các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp chi tiết đến từng dự án theo

nguyên tắc tổng vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước lũy kế đến thời điểm giao vốn không vượt quá tổng vốn thực hiện các dự án này trong kế hoạch trung hạn.

(Chính phủ báo cáo chi tiết nội dung đánh giá tác động của các cơ chế đặc thù tại Báo cáo đánh giá tác động của các cơ chế đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia).

#### 6. Về tổ chức thực hiện Nghị quyết (Điều 5)

a) Trách nhiệm của Chính phủ tổ chức thực hiện Nghị quyết; tổng kết, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp đầu năm 2026, hoặc cùng thời điểm đề xuất chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030.

b) Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết của Quốc hội.

c) Trách nhiệm của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đại biểu Quốc hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội.

#### 7. Về điều khoản thi hành (Điều 6)

a) Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 01 năm 2024 cho đến khi có quy định mới.

b) Cơ chế, chính sách quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị quyết để điều chỉnh dự toán, kế hoạch vốn hằng năm không áp dụng đối với quản lý, sử dụng nguồn vốn nước ngoài huy động cho thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Trường hợp trước thời điểm dự thảo Nghị quyết có hiệu lực thi hành, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã thực hiện việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 (bao gồm dự toán, kế hoạch đã được kéo dài sang năm 2023 theo quy định) phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị quyết thì được tiếp tục thực hiện.

### **VI. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ VIỆC LÒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ TRONG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

#### 1. Về đánh giá tác động các chính sách

Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề xuất tại dự thảo Nghị quyết được trình kèm theo Tờ trình.

## 2. Về đánh giá thủ tục hành chính

a) Các quy định không làm phát sinh thủ tục hành chính (bao gồm cả thủ tục hành chính trong nội bộ cơ quan nhà nước, thủ tục hành chính giữa nhà nước và đối tượng ngoài nhà nước) so với quy trình thực hiện theo pháp luật hiện hành, bao gồm: (1) Phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên nguồn ngân sách trung ương hằng năm; (2) Thẩm quyền ban hành quy định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất.

b) Các quy định giúp đơn giản quy trình thủ tục hiện hành, bao gồm: (1) Sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; (2) Quản lý tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; (3) Giao danh mục dự án đầu tư quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm.

c) Các quy định làm phát sinh thêm các quy trình, thủ tục hành chính (bao gồm cả thủ tục hành chính trong nội bộ cơ quan nhà nước, thủ tục hành chính giữa nhà nước và đối tượng ngoài nhà nước), bao gồm: (1) Cơ chế ủy thác vốn tự cân đối của ngân sách địa phương; (2) Cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

## 3. Đánh giá về vấn đề bình đẳng giới

Dự thảo Nghị quyết không có yếu tố gây nên vấn đề bất bình đẳng giới.

## 4. Đánh giá về thực hiện các điều ước quốc tế

Dự thảo Nghị quyết đã đề xuất quy định không áp dụng cơ chế đặc thù đối với quản lý, sử dụng nguồn vốn nước ngoài huy động cho thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Do vậy, dự thảo Nghị quyết không có nội dung liên quan đến thực hiện các điều ước quốc tế.

## VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Phạm vi dự thảo Nghị quyết không có quy định làm phát sinh thêm nguồn lực so với nguồn lực đã được Quốc hội thông qua tại các Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư từng chương trình mục tiêu quốc gia: số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020, số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021, số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021. Đồng thời, quy định tại Nghị quyết là cơ sở pháp lý để tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân nguồn lực đã được Quốc hội thông qua một cách có hiệu quả.

Sau khi Nghị quyết được ban hành, nguồn lực và điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết không thay đổi so với các quy định có liên quan quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

## VIII. BÁO CÁO GIẢI TRÌNH VIỆC XỬ LÝ CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN THỰC HIỆN KẾT LUẬN KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VỀ 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TẠI MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG

### 1. Các vấn đề cần xử lý theo kết luận của Kiểm toán nhà nước

a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tại Báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản số 59/KTNN-TH ngày 28 tháng 6 năm 2023, Kiểm toán nhà nước kiến nghị các nội dung:

- Kiến nghị về xử lý tài chính tại một số địa phương như sau: (1) Thu hồi nộp ngân sách nhà nước, giảm thanh toán và bố trí vốn hoàn trả Chương trình, hủy dự toán là 13.674,128 triệu đồng<sup>10</sup> tại 6/12 tỉnh được kiểm toán; (2) Xử lý tài chính khác là 19.991,234 triệu đồng<sup>11</sup> tại 02/12 tỉnh được kiểm toán.

- Kiến nghị về chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác quản lý, chỉ đạo chương trình, công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công cụ thể tại Ủy ban Dân tộc và 12 địa phương được kiểm toán.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Tại Báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản số 60/KTNN-TH ngày 28 tháng 6 năm 2023, Kiểm toán nhà nước kiến nghị các nội dung:

- Kiến nghị về xử lý tài chính tại một số địa phương như sau: (1) Thu hồi nộp ngân sách nhà nước các khoản chi sai chế độ là 161,829 triệu đồng<sup>12</sup> tại

<sup>10</sup> Trong đó:

- Thu hồi nộp ngân sách nhà nước các khoản chi sai chế độ là 2.198,701 triệu đồng, gồm: (1) Tỉnh Gia Lai có 2.134 triệu đồng do phân bổ không đúng đối tượng hỗ trợ của Chương trình; (2) Tỉnh Kon Tum có 57,227 triệu đồng do nghiệm thu, thanh toán sai khối lượng; (3) Tỉnh Đắk Nông là 7,424 triệu đồng do phân bổ vượt hạn mức diện tích rừng nhận khoán.

- Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau là 150,801 triệu đồng tại các tỉnh Lạng Sơn (68,661 triệu đồng), tỉnh Bắc Cạn (71,364 triệu đồng), tỉnh Kon Tum (10,776 triệu đồng) do nghiệm thu sai khối lượng.

- Bố trí hoàn trả vốn Chương trình là 9.616,897 triệu đồng, gồm: (1) Tỉnh Lạng Sơn là 9.471,867 triệu đồng do bố trí vốn của Chương trình thanh toán cho công trình đã hoàn thành trước khi kế hoạch thực hiện Chương trình được phê duyệt; phân bổ vốn cho các dự án không phù hợp với quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; (2) Tỉnh Sơn La là 145,03 triệu đồng do sử dụng vốn Chương trình trả nợ các công trình không thuộc danh mục dự án đầu tư công trung hạn của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hủy dự toán là 1.707,720 triệu đồng của tỉnh Lạng Sơn do phân bổ cho công trình, dự án không thuộc danh mục dự án đầu tư Chương trình đã được cấp có thẩm quyền ban hành, hoặc phân bổ không đúng đối tượng của Chương trình.

<sup>11</sup> Trong đó:

- Tại tỉnh Lạng Sơn: (1) Chưa giảm trừ thuế giá trị gia tăng khi nghiệm thu một số gói thầu là 206,234 triệu đồng; (2) Chưa làm rõ được cơ sở phân bổ công trình, dự án thuộc nội dung thực hiện của Chương trình là 3.600 triệu đồng.

- Tại tỉnh Điện Biên phân bổ vốn Chương trình thực hiện các dự án tại địa bàn không thuộc phạm vi, đối tượng hỗ trợ của Chương trình là 16.185 triệu đồng.

<sup>12</sup> Các địa phương: Tỉnh Quảng Trị là 72,106 triệu đồng do phân bổ không theo nhiệm vụ; tỉnh Nghệ An là 20,075 triệu đồng do nghiệm thu sai khối lượng công trình, xác định chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ thầu... sai quy định; tỉnh Bến Tre là 42,053 triệu đồng do nghiệm thu sai khối lượng công trình, sai đơn

04/12 tỉnh được kiểm toán; (2) Hủy dự toán, thu hồi kinh phí thừa là 930,084 triệu đồng<sup>13</sup> tại 04/12 tỉnh được kiểm toán; (3) Giảm thanh toán dự toán năm sau là 132,285 triệu đồng<sup>14</sup> tại 03/12 tỉnh được kiểm toán; (4) Bố trí nguồn ngân sách địa phương để hoàn trả kinh phí Chương trình là 14.634,133 triệu đồng<sup>15</sup> tại 04/12 tỉnh được kiểm toán; (5) Nộp trả ngân sách trung ương kinh phí còn dư đến 31 tháng 12 năm 2022 chưa sử dụng là 26.785,293 triệu đồng<sup>16</sup> tại 6/12 địa phương được kiểm toán.

- Kiến nghị về chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác quản lý, chỉ đạo chương trình, công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công cụ thể tại Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và 12 địa phương được kiểm toán.

c) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

Tại Báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản số 57/KTNN-TH ngày 28 tháng 6 năm 2023, Kiểm toán nhà nước kiến nghị các nội dung:

- Kiến nghị về xử lý tài chính tại một số địa phương như sau: (1) Thu hồi nộp ngân sách nhà nước các khoản chi sai chế độ là 46,321 triệu đồng<sup>17</sup> tại 01/13 tỉnh được kiểm toán; (2) Thu hồi kinh phí thừa là 36.724 triệu đồng<sup>18</sup> tại 03/13 tỉnh được kiểm toán; (3) Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau là 6.597,644 triệu đồng<sup>19</sup> tại 09/13 tỉnh được kiểm toán; (4) Bố trí nguồn ngân

giá khảo sát tại địa phương; tỉnh Yên Bái là 27,595 triệu đồng do phân bổ kinh phí cho các đơn vị cấp xã không phù hợp với quy định.

<sup>13</sup> Các địa phương: Tỉnh Hòa Bình là 567,690 triệu đồng hủy dự toán do chưa sử dụng hết; tỉnh Quảng Trị là 27,894 triệu đồng hủy dự toán do phân bổ sai đối tượng; tỉnh Quảng Nam là 34,5 triệu đồng và tỉnh Bến Tre là 300 triệu đồng hủy dự toán do phân bổ sai đối tượng.

<sup>14</sup> Các địa phương: Tỉnh Quảng Nam là 49,202 triệu đồng do tính sai khối lượng công trình; tỉnh Yên Bái là 24,123 triệu đồng do nghiệm thu sai khối lượng công trình; tỉnh Khánh Hòa là 58,960 triệu đồng do nghiệm thu sai khối lượng công trình.

<sup>15</sup> Các địa phương: Tỉnh Điện Biên là 7.439 triệu đồng phân bổ sai đối tượng thụ hưởng; tỉnh Lai Châu là 1.925,349 triệu đồng phân bổ vốn trả nợ công trình chưa đúng quy định của Luật Đầu tư công; tỉnh Sơn La là 700 triệu đồng phân bổ cho nội dung không thuộc nội dung Chương trình; tỉnh Bến Tre là 4.569,784 triệu đồng phân bổ trả nợ xây dựng cơ bản để trả nợ đầu tư công trình không đúng quy định của Luật Đầu tư công.

<sup>16</sup> Nộp về ngân sách trung ương kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp và an toàn lao động đã được tích hợp trong nội dung của Chương trình. Trong đó: Tỉnh Lào Cai đã nộp trước khi có kết luận của Kiểm toán nhà nước (8.000 triệu đồng), tỉnh Nghệ An (1.575,045 triệu đồng), tỉnh Yên Bái (14.000 triệu đồng), tỉnh Điện Biên (98,232 triệu đồng), tỉnh Cao Bằng (38.984 triệu đồng), tỉnh Sơn La (3.073,032 triệu đồng).

<sup>17</sup> Tỉnh Thanh Hóa là 46,321 triệu đồng do sai khối lượng công tác khảo sát địa hình và các chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.

<sup>18</sup> Các địa phương: Thành phố Hải Phòng là 432,621 triệu đồng (vốn ngân sách địa phương) hủy dự toán do sai khối lượng công tác khảo sát địa hình và chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật; tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là 36.138,411 triệu đồng (vốn ngân sách địa phương) hủy dự toán các khoản kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi; tỉnh Tây Ninh 152,977 triệu đồng hủy dự toán do hết nhiệm vụ chi.

<sup>19</sup> Các địa phương: Thành phố Hà Nội là 1.633,888 triệu đồng (vốn ngân sách địa phương) do sai khối lượng nghiệm thu thanh toán, giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 43/2022/QH15; thành phố Cần Thơ là 1.726,512 triệu đồng (vốn ngân sách địa phương) do giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 43/2022/QH15; tỉnh Bình Dương là 401,674 triệu đồng (vốn ngân sách địa phương) do trùng hạng mục chi và giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 43/2022/QH15; thành phố Hải Phòng là 826,612 triệu đồng (vốn ngân sách địa phương) do sai khối lượng nghiệm thu thanh toán; tỉnh Thanh Hóa là 7,661 triệu đồng do sai khối lượng công tác khảo sát địa hình và chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật; tỉnh Vĩnh Long là 1.586,816 triệu đồng do sai khối lượng nghiệm thu thanh toán, giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 43/2022/QH15; tỉnh Bình Phước là 129,879 triệu đồng do sai khối lượng nguyên vật liệu, đơn giá; tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là

sách địa phương để hoàn trả kinh phí Chương trình là 102.360,848 triệu đồng<sup>20</sup> tại 05/12 tỉnh được kiểm toán.

- Kiến nghị về chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác quản lý, chỉ đạo chương trình, công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công cụ thể tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và 13 địa phương được kiểm toán.

2. Về tổng hợp kiến nghị, đề xuất của các địa phương liên quan đến thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước

Để đảm bảo kỷ luật, kỷ cương trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương đã yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương và địa phương nghiêm túc thực hiện các kết luận của Kiểm toán nhà nước về 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; đồng thời, báo cáo kết quả thực hiện trước 31 tháng 12 năm 2023.

Theo thông tin từ Kiểm toán nhà nước; tổng hợp sơ bộ của các cơ quan chủ chương trình, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương được kiểm toán đã và đang triển khai thực hiện các kết luận kiểm toán của Kiểm toán nhà nước về 03 chương trình mục tiêu quốc gia. Tiến độ thực hiện như sau:

- Các cơ quan: Ủy ban Dân tộc, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đã thực hiện: (1) Sửa đổi, bổ sung hoặc trình sửa đổi, bổ sung một số quy định để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương; hoàn thiện việc ban hành các chương trình, kế hoạch còn thiếu; thông báo dự kiến mức kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương theo từng chương trình; (2) Đang tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu, thiết lập Hệ thống giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia của quốc gia; (3) Đang xây dựng hệ thống dữ liệu thông tin về quản lý từng chương trình mục tiêu quốc gia.

- Các địa phương được kiểm toán đã và đang tổ chức triển khai thực hiện các kết luận của Kiểm toán nhà nước; chưa có báo cáo, kiến nghị về vướng mắc, khó khăn trong thực hiện kết luận kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

3. Về thực hiện yêu cầu của Quốc hội đối với xây dựng cơ chế thí điểm xử lý một số kiến nghị của địa phương liên quan đến thực hiện kết luận kiểm toán của Kiểm toán nhà nước

217,135 triệu đồng (vốn ngân sách địa phương) do giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 43/2022/QH15; tỉnh Tây Ninh là 67,467 triệu đồng do sai khối lượng, định mức chi.

<sup>20</sup> Các địa phương: Tỉnh Hải Dương là 54.400 triệu đồng, tỉnh Phú Thọ là 3.958,848 triệu đồng và tỉnh Tây Ninh là 23.801,482 triệu đồng do phân bổ vốn sai quy định; tỉnh Vĩnh Long là 7.286,664 triệu đồng và tỉnh Bình Phước là 12.913,854 triệu đồng do chi không đúng nội dung chi, bố trí kinh phí sự nghiệp để nâng cấp, cải tạo công trình không đúng quy định.



a) Tại Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023, Quốc hội giao Chính phủ đề xuất cơ chế thí điểm xử lý một số kiến nghị của địa phương liên quan đến thực hiện kết luận kiểm toán của Kiểm toán nhà nước đối với việc thu hồi kinh phí, hoàn trả ngân sách nhà nước trong triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Tuy nhiên, như báo cáo nêu trên, hiện tại Chính phủ và các bộ, ngành chưa nhận được đề xuất, kiến nghị của các địa phương liên quan đến thực hiện kết luận kiểm toán của Kiểm toán nhà nước. Do vậy, chưa có đầy đủ cơ sở để tổng hợp, đề xuất cơ chế đặc thù, thí điểm xử lý các vấn đề liên quan đến thực hiện kết luận kiểm toán của Kiểm toán nhà nước ngay tại Hồ sơ trình Quốc hội tại Kỳ họp tháng 01 năm 2024.

b) Qua rà soát, nội dung kết luận xử lý tài chính đối với từng chương trình mục tiêu quốc gia của Kiểm toán nhà nước tập trung vào xử lý các khoản chi đã chi sai đối tượng, hoặc chi sai nội dung của từng chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các khoản chi không rõ nhiệm vụ, hoặc không gắn với nhiệm vụ; các khoản chi chưa thực hiện, bị hủy dự toán, cần nộp trả ngân sách trung ương theo quy định; các khoản chi nộp thuế giá trị gia tăng đã được giảm theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội; các khoản chi của ngân sách địa phương. Do vậy, Chính phủ chưa có cơ sở để đề xuất cơ chế đặc thù, khác quy định của pháp luật hiện hành để xử lý các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

Tuy nhiên, theo tổng hợp báo cáo từ các địa phương ghi nhận có một số địa phương đã có Nghị quyết điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước (chi đầu tư, chi thường xuyên) đối với phần kinh phí được kéo dài thời hạn thực hiện sang năm 2023 để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn. Mặc dù việc điều chỉnh này góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn trong năm 2023, nhưng chưa đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý theo quy định Luật Ngân sách nhà nước và một trong những trường hợp phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước. Do vậy, để tạo điều kiện cho địa phương trong sử dụng nguồn vốn đã được giao, Chính phủ đề xuất bổ sung điều khoản thi hành tại Điều 6 dự thảo Nghị quyết để chấp thuận cho các trường hợp đã có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thực hiện điều chỉnh dự toán, kế hoạch vốn kéo dài từ năm trước sang năm 2023.

## **IX. KIẾN NGHỊ CỦA CHÍNH PHỦ**

Trên cơ sở các nội dung báo cáo nêu trên, Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết nghị thông qua Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ một cách triệt để các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Chính phủ gửi kèm theo Tờ trình này các tài liệu, gồm: (1) Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; (2) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; (3) Báo cáo rà soát các văn bản pháp luật có liên quan; (4) Báo cáo tiếp thu, giải trình các

ý kiến Thành viên Chính phủ; (5) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (6) Báo cáo tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (7) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến các bộ, cơ quan trung ương; bản chụp ý kiến góp ý; (8) Phụ lục I: Tổng hợp danh mục các dự án thành phần thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; (9) Phụ lục II: Tổng hợp danh sách các địa phương đã ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án phát triển sản xuất.

Trên đây là Tờ trình của Chính phủ về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, quyết nghị.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ (đề b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Các Phó Chủ tịch Quốc hội (đề b/c);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (50);
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: QHĐP, NN, KGVX, PL, TH;
- Lưu: VT, KTTH (02).

**TM. CHÍNH PHỦ  
TU. THỦ TƯỚNG  
BỘ TRƯỞNG  
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**



**Nguyễn Chí Dũng**

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: /2024/QH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

## NGHỊ QUYẾT

Về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các  
chương trình mục tiêu quốc gia

## QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số ...../TTr-CP ngày ... tháng 01 năm 2024 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số ...../BC-..... ngày ... tháng ... năm 2024 của Hội đồng Dân tộc Quốc hội khóa XV, Báo cáo tiếp thu, giải trình số ...../BC-UBTVQH15 ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến của các đại biểu Quốc hội;

## QUYẾT NGHỊ:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Dự án thành phần” bao gồm: Dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

giai đoạn 2021-2025; nội dung thành phần, nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; dự án, tiểu dự án, nội dung, nội dung thành phần thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. “Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị” bao gồm: Dự án, kế hoạch phát triển sản xuất do doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là chủ trì liên kết) hợp tác với cá nhân, hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, các tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác (gọi chung là các đối tượng liên kết) xây dựng, đề xuất và được cấp có thẩm quyền phê duyệt để liên kết hình thành chuỗi giá trị thực hiện các hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

3. “Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng” bao gồm: Dự án, phương án phát triển sản xuất do cộng đồng người dân (tổ, nhóm dân cư hoặc hộ gia đình) xây dựng, đề xuất và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. “Chủ dự án phát triển sản xuất” là chủ trì liên kết, cộng đồng người dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt cụ thể tại dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

5. “Cơ quan quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất” là cơ quan nhà nước được giao dự toán thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, được xác định cụ thể tại quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

6. “Dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp” là dự án đầu tư đáp ứng các tiêu chí: Thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia, được thực hiện trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã, do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; có tổng mức đầu tư dự án không vượt quá 05 tỷ đồng; kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện; thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

#### **Điều 4. Cơ chế, chính sách đặc thù trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia**

1. Về phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm:

a) Quốc hội quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm cho từng địa phương theo tổng mức kinh phí từng chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Thủ tướng Chính phủ giao dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm cho từng địa phương theo tổng kinh phí chi thường xuyên từng chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết đến dự án thành phần. Trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết

định phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ chi tiết đến từng dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Về điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước, điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn hằng năm:

a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước 2024 (chi thường xuyên) và dự toán ngân sách nhà nước chưa giải ngân hết trong năm 2023 (bao gồm chi đầu tư, chi thường xuyên được chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2023) của các chương trình mục tiêu quốc gia đã được chuyển sang năm 2024 theo quy định tại các Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, theo thẩm quyền phân cấp, quyết định việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước của các chương trình mục tiêu quốc gia chưa giải ngân hết trong năm 2023 đã được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2024 theo quy định tại các Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội.

c) Nguyên tắc thực hiện:

Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước từ các dự án thành phần không còn đối tượng hỗ trợ, hoặc không đủ điều kiện để giải ngân kinh phí theo quy định, hoặc có tỷ lệ giải ngân thấp để bổ sung dự toán thực hiện các dự án thành phần khác trong cùng chương trình mục tiêu quốc gia phải đảm bảo không vượt tổng dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án đầu tư trong danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trong cùng chương trình mục tiêu quốc gia phải đảm bảo không vượt quá tổng mức vốn đầu tư đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch cho từng chương trình.

3. Về ban hành quy định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án phát triển sản xuất:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án phát triển sản xuất trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã ban hành quy định về trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyết định việc sửa đổi, bổ sung quy định và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

4. Về sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp giao chủ dự án phát triển sản xuất tự thực hiện việc mua sắm hàng hóa cho hoạt động phát triển sản xuất:

a) Chủ dự án phát triển sản xuất được giao thực hiện việc mua sắm hàng hóa từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước được quyết định phương thức mua

sắm hàng hóa thuộc nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất phù hợp với nội dung hỗ trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Căn cứ Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, cơ quan quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thanh toán tiền hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho chủ dự án phát triển sản xuất thực hiện việc mua sắm hàng hóa như sau:

Trường hợp chủ dự án phát triển sản xuất trực tiếp sản xuất, cung ứng giống cây trồng vật nuôi, cơ quan quản lý dự án thanh toán trực tiếp chi phí sản xuất, cung ứng giống cây trồng vật nuôi theo giá thị trường tại địa bàn thực hiện dự án, hoặc theo định mức hỗ trợ theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Cơ quan tài chính cùng cấp, hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm xác định giá thị trường của hàng hóa trong trường hợp thanh toán theo giá thị trường.

Trường hợp chủ dự án ký kết hợp đồng mua sắm hàng hóa với bên cung cấp hàng hóa không phải là thành viên tham gia dự án phát triển sản xuất, chủ dự án có văn bản (hoặc đơn) đề xuất (kèm theo bản gốc hợp đồng mua bán có chứng nhận của cơ quan quản lý dự án) gửi cơ quan quản lý dự án để thực hiện thanh toán cho bên cung cấp hàng hóa. Chủ dự án phát triển sản xuất có trách nhiệm cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh hoạt động mua sắm (bao gồm tài liệu đánh giá, so sánh mức giá bán hàng hóa của bên cung cấp với giá bán hàng hóa cùng loại của tối thiểu 03 nhà cung cấp khác trên thị trường) làm cơ sở quyết toán dự án.

5. Về quản lý, sử dụng tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất:

#### **Phương án 1:**

a) Thực hiện chính sách hỗ trợ theo dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, không áp dụng quy định quản lý tài sản công đối với tài sản có vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước dưới 500 triệu đồng, hoặc tài sản hỗ trợ cho cộng đồng người dân tham gia thực hiện dự án phát triển sản xuất. Việc xác định từng loại tài sản cụ thể cho từng đối tượng cụ thể do cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án quyết định khi phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

b) Ưu tiên thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho chủ trì liên kết vay để đầu tư tài sản phục vụ hoạt động phát triển sản xuất có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên; không thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước.

#### **Phương án 2:**

a) Chủ dự án phát triển sản xuất quản lý, sử dụng tài sản hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước trong thời gian thực hiện dự án. Cơ quan quản lý dự án chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát quá trình quản lý, sử dụng tài sản.

b) Sau thời điểm kết thúc dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, cơ quan quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và chủ dự án phát triển sản xuất tổ chức kiểm kê, đánh giá và xử lý tài sản hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước.

Trường hợp chủ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị có nhu cầu tiếp tục sử dụng tài sản của dự án, chủ dự án phát triển sản xuất nộp lại ngân

sách nhà nước phần giá trị còn lại của tài sản hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước để được tiếp nhận quyền sở hữu tài sản.

Trường hợp cộng đồng người dân tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng cùng thống nhất đề xuất tiếp tục sử dụng các tài sản hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước, cơ quan quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xem xét, quyết định giao những tài sản này hỗ trợ cho người dân tiếp tục thực hiện phát triển sản xuất (tài sản đã chuyển giao không phải là tài sản công).

c) Cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, căn cứ điều kiện thực tiễn, quyết định việc hỗ trợ, chuyển giao quyền sử dụng, quyền sở hữu các trang thiết bị, công cụ, tài sản có giá trị nhỏ được hình thành từ hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cho đối tượng người dân, hộ gia đình tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

d) Chính phủ quy định tiêu chí xác định các trang thiết bị, công cụ, tài sản có giá trị nhỏ; cơ chế đặc thù trong xác định giá trị còn lại và xử lý tài sản được hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước theo nguyên tắc công khai, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

6. Về ủy thác vốn cân đối của ngân sách địa phương qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội:

a) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện được quyết định việc bố trí vốn ngân sách cân đối của địa phương (bao gồm: vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển khác, kinh phí thường xuyên) để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới thông qua việc giao Ủy ban nhân dân cùng cấp ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương để thực hiện một số hoạt động phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế và phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm, duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống, Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong triển khai các dự án thành phần thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện từng chính sách tín dụng cho các đối tượng được hỗ trợ vay vốn ưu đãi theo cơ chế ủy thác quy định tại điểm a khoản 6 Nghị quyết này.

c) Đối tượng được hỗ trợ vay vốn ưu đãi bao gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn, huyện nghèo; cá nhân người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt và giao dự toán, kế hoạch để thực hiện ủy thác:

Việc lập dự toán, phương án phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước (bao gồm chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) hằng năm để ủy thác cho Ngân

hàng Chính sách xã hội tại địa phương thực hiện theo cơ chế lập dự toán, phương án phân bổ ngân sách địa phương theo quy định Luật Ngân sách nhà nước.

Việc lập, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm để ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương theo trình tự quy định tại Điều 62, Điều 63 Luật Đầu tư công. Giao kế hoạch đầu tư công theo nội dung thực hiện ủy thác (không theo danh mục chương trình, dự án đầu tư công).

7. Về cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia:

### **Phương án 1:**

*7. Về cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030:*

a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tiêu chí lựa chọn huyện thực hiện cơ chế thí điểm, trong đó ưu tiên lựa chọn huyện đã hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; có nhiều điển hình cách làm hay trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; có kết quả đánh giá sự hài lòng của người dân của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện đạt trên 70%. Tổng số huyện được lựa chọn thực hiện thí điểm không vượt quá 50% số đơn vị cấp huyện trên địa bàn.

b) Nội dung phân cấp:

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm cho huyện được lựa chọn thí điểm theo tổng số vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 và hằng năm giao cho huyện được lựa chọn thí điểm.

Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định việc phân bổ vốn thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết đến từng dự án thành phần thuộc từng chương trình mục tiêu quốc gia; danh mục dự án đầu tư công thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

### **Phương án 2:**

*7. Về cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024-2025:*

a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, căn cứ điều kiện thực tiễn, được quyết định lựa chọn một huyện (01 huyện) thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao mục tiêu, nhiệm vụ, yêu cầu cụ thể đối với từng chương trình mục tiêu quốc gia cho cấp huyện được lựa chọn thí điểm.



b) Hội đồng nhân dân cấp huyện được quyết định điều chỉnh phương án phân bổ vốn đầu tư công, kinh phí thường xuyên giữa các chương trình mục tiêu quốc gia trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm đã được cấp có thẩm quyền giao; cơ cấu nguồn vốn ngân sách nhà nước giữa chi đầu tư, chi thường xuyên của các dự án thành phần không còn đối tượng hỗ trợ để tập trung vốn thực hiện các dự án thành phần khác thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

c) Nguyên tắc thực hiện:

Điều chỉnh phương án phân bổ vốn, cơ cấu nguồn vốn ngân sách nhà nước phải đảm bảo nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các chính sách, chế độ hỗ trợ cho người dân, hộ gia đình thuộc nội dung thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia. Việc sử dụng từng loại nguồn vốn sau khi được điều chỉnh cơ cấu giữa chi đầu tư, chi thường xuyên phải tuân thủ đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định có liên quan.

Tổng hợp, giải trình quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm của các huyện thực hiện cơ chế thí điểm được thực hiện theo dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện điều chỉnh theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 4 của Nghị quyết này.

8. Về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, đầu tư vốn hằng năm đối với dự án đầu tư xây dựng có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp:

a) Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn thực hiện các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo tổng vốn thực hiện các dự án; không bắt buộc giao tên danh mục dự án trong trung hạn.

b) Phân bổ, giao kế hoạch đầu tư vốn hằng năm thực hiện các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp chi tiết đến từng dự án theo nguyên tắc tổng vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước lũy kế đến thời điểm giao vốn không vượt quá tổng vốn thực hiện các dự án này trong kế hoạch trung hạn.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Chính phủ có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này; tổng kết, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp đầu năm 2026, hoặc cùng thời điểm đề xuất chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết này.

3. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đại biểu Quốc hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 01 năm 2024 cho đến khi có quy định mới.

2. Cơ chế, chính sách quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này không áp dụng đối với quản lý, sử dụng nguồn vốn nước ngoài huy động cho thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Trường hợp trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã thực hiện việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 (bao gồm dự toán, kế hoạch đã được kéo dài sang năm 2023 theo quy định) phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này thì được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024./.

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Vương Đình Huệ**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**  
**Của các cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các**  
**chương trình mục tiêu quốc gia**

*(Kèm theo Tờ trình số 13/TTr-CP ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ)*

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ báo cáo đánh giá tác động của các cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia như sau:

**I. TỔNG QUAN VỀ BỐI CẢNH VÀ MỤC TIÊU XÂY DỰNG CÁC CƠ CHẾ ĐẶC THÙ**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, trong thời gian qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quyết liệt chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tập trung triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Đến nay, đã đạt được một số kết quả bước đầu: Hệ thống cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đã cơ bản được ban hành đầy đủ; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2022 là 4,03%; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số năm 2022 là 21,02%; tỷ lệ hộ nghèo trên 74 huyện nghèo là 38,62%; cả nước có 73,65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, có 1.331 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 176 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có 40,8% đơn vị cấp huyện thuộc 58 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới; có 20 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, có 05 tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Tuy nhiên, kết quả triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia còn hạn chế, tiến độ giải ngân vốn ngân sách trung ương được giao còn rất chậm. Nguyên nhân chủ yếu do một số khó khăn, vướng mắc cần phải được kịp thời tháo gỡ về: Phân bổ, giao dự toán ngân sách trung ương (chi thường xuyên) hằng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; quy định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất; cơ chế sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng;... Những khó khăn, vướng mắc nêu trên liên quan đến các quy định của một số Luật có liên quan, vượt thẩm quyền của Chính phủ và cần phải báo cáo Quốc hội.

Trước thực trạng đó, Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định một số giải pháp chính sách đặc thù vượt thẩm quyền của Chính phủ. Các giải pháp này nếu được thông qua sẽ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt là giải ngân vốn sự nghiệp.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

Việc xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm xử lý các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong áp dụng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

### **1. Chính sách 1: Về phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm**

#### **a) Xác định vấn đề bất cập:**

- Tại các Nghị quyết của Quốc hội về phân bổ dự toán ngân sách trung ương hằng năm (như: Nghị quyết số 70/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về phân bổ dự toán ngân sách trung ương năm 2023), Quốc hội quyết nghị phân bổ dự toán chi thường xuyên thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết đến từng lĩnh vực chi sự nghiệp. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ giao dự toán ngân sách nhà nước hằng năm cho các bộ, cơ quan trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết chi thường xuyên theo dự án thành phần, lĩnh vực chi sự nghiệp.

- Mặc dù việc giao chi tiết dự toán chi thường xuyên nguồn ngân sách trung ương của từng chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết theo lĩnh vực chi sự nghiệp góp phần quản lý việc phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước theo đúng lĩnh vực chi đã được Quốc hội thông qua. Tuy nhiên, việc giao chi tiết này không tạo được sự chủ động, tự quyết định, tự chịu trách nhiệm của địa phương trong phân bổ, sử dụng nguồn lực theo điều kiện thực tiễn của địa phương; các địa phương không được chủ động, linh hoạt điều chỉnh từ nội dung chi không còn đối tượng chi, không có khả năng giải ngân được vốn để tập trung vốn cho những nội dung có đối tượng hoặc các dự án đang có hiệu quả cao nhưng thiếu nguồn lực. Điều này là một trong những nguyên nhân dẫn đến kết quả giải ngân vốn sự nghiệp của 03 chương trình mục tiêu quốc gia trong năm 2023 chỉ đạt khoảng 23%.

Trước thực trạng đó, các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương kiến nghị Trung ương giao dự toán chi ngân sách trung ương cho các địa phương theo từng chương trình; phân cấp cho địa phương quyết định việc phân bổ chi tiết đến dự án thành phần, lĩnh vực chi để tạo sự chủ động, linh hoạt trong quá trình triển khai thực hiện.

#### **b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:**

- Thống nhất cơ chế đặc thù trong phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên hằng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia với cơ chế phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên hằng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo quy định tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền, tạo sự chủ động, linh hoạt cho các địa

phương trong triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo yêu cầu của Quốc hội tại các Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020, số 24/2021/QH15 và số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021; tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình theo yêu cầu của Quốc hội tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Quốc hội quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm cho từng địa phương theo tổng mức kinh phí từng chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thủ tướng Chính phủ giao dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm cho từng địa phương theo tổng kinh phí chi thường xuyên từng chương trình mục tiêu quốc gia.

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết đến dự án thành phần. Trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ chi tiết đến từng dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Đánh giá tác động của giải pháp chính sách:

- Tác động tích cực:

Việc Quốc hội quyết định phân bổ, Thủ tướng Chính phủ giao dự toán chi thường xuyên cho các địa phương theo tổng số từng chương trình và phân cấp cho cấp tỉnh quyết định việc phân bổ, giao dự toán chi tiết đến dự án thành phần là cơ chế đã có tiền lệ áp dụng trong các giai đoạn trước và được Quốc hội cho phép tiếp tục áp dụng đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Quốc hội). Qua ghi nhận báo cáo của các địa phương, cơ chế giao này đã tạo sự chủ động cho địa phương trong phân bổ, sử dụng và lồng ghép các nguồn lực trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Do vậy, nếu áp dụng cơ chế này cho cả 02 chương trình mục tiêu quốc gia còn lại sẽ góp phần kịp thời tháo gỡ, khắc phục tình trạng chậm giải ngân vốn sự nghiệp như tình hình thực hiện trong 9 tháng đầu năm 2023 vừa qua. Đồng thời, việc phân cấp cho cấp tỉnh quyết định chi tiết việc sử dụng kinh phí sự nghiệp cũng là giải pháp giúp các địa phương có thể thực hiện được cơ chế lồng ghép nguồn vốn theo yêu cầu của Quốc hội tại Nghị quyết số 25/2021/QH15, hạn chế được tình trạng dàn trải, lãng phí trong sử dụng vốn sự nghiệp của từng chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tác động tiêu cực và giải pháp xử lý tác động tiêu cực:

+ Tác động tiêu cực: Tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025, Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ, mức bố trí kinh phí sự nghiệp chi tiết theo từng dự án thành phần. Do vậy, việc Trung ương giao tổng số; giao địa phương quyết định chi tiết phân bổ, sử dụng vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương có thể ảnh hưởng tới việc theo dõi, giám sát của các bộ, cơ quan trung ương được giao chủ trì dự án, tiêu dự án thành phần đối với kết quả thực hiện các dự án, tiêu dự án thành phần này; ảnh hưởng đến việc đảm bảo kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của một số dự án thành phần này.

+ Giải pháp khắc phục: Để khắc phục tình trạng này, các cơ quan chủ chương trình, chủ dự án thành phần cần kịp thời ban hành văn bản đề hướng dẫn các địa phương thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của từng dự án, tiêu dự án thành phần ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ giao dự toán.

đ) Cơ sở xác định thẩm quyền ban hành chính sách:

Chính phủ đề xuất Quốc hội quyết nghị cơ chế phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm của các chương trình mục tiêu quốc gia trên cơ sở xác định thẩm quyền của Quốc hội về quyết định các vấn đề khác quy định pháp luật hiện hành, cụ thể: (1) Cơ chế phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương của các chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết theo lĩnh vực, nhiệm vụ chi đang được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Ngân sách nhà nước; (2) Quốc hội đã từng quyết nghị cơ chế đặc thù trong phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên hằng năm theo tổng kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo quy định tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội.

## **2. Chính sách 2: Về điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia**

a) Xác định vấn đề bất cập:

- Đến tháng 8 năm 2023, việc sửa đổi, bổ sung một số vướng mắc, khó khăn về thể chế thuộc thẩm quyền Chính phủ, các bộ ngành đã cơ bản hoàn thành, bao gồm: 01 Nghị định của Chính phủ, 02 Quyết định của Thủ tướng, 06 Thông tư và một số văn bản hướng dẫn của cấp Bộ. Về cơ bản các chính sách này đã kịp thời tháo gỡ được vướng mắc, khó khăn trong triển khai thực hiện, giải ngân nguồn vốn đầu tư công của các chương trình mục tiêu quốc gia. Tuy nhiên, kết quả giải ngân vốn ngân sách trung ương năm 2023 của 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 chỉ đạt 43%, trong đó, vốn đầu tư công đạt khoảng 59%, vốn sự nghiệp đạt khoảng 23%.

Kết quả giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt là vốn sự nghiệp, chưa đạt được mục tiêu một phần do các địa phương gặp khó khăn, vướng mắc trong áp dụng các quy định của pháp luật chuyên ngành. Trong đó: (1) Việc giao dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương các năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 chi tiết theo dự án thành phần, lĩnh vực chi chưa tạo sự chủ

động cho các địa phương trong triển khai thực hiện (khó khăn này đã đề xuất xử lý tại Chính sách 1 nêu trên) nhưng các địa phương cũng không được điều chỉnh vốn giữa các nội dung, dự án thành phần, lĩnh vực chi đã được Trung ương giao do Luật Ngân sách nhà nước không có quy định cho phép địa phương được điều chỉnh dự toán ngân sách trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ giao; (2) Các địa phương không thực hiện được việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn các năm 2021, 2022, 2023 được kéo dài sang thực hiện trong năm 2024 do Luật Đầu tư công không có quy định cho phép điều chỉnh nguồn vốn được kéo dài.

Tại các Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023, Quốc hội đã quyết nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, năm 2022 (bao gồm cả vốn năm 2021 được chuyển nguồn sang năm 2023 theo quy định) chưa giải ngân hết trong năm 2023 sang năm 2024 thực hiện. Bên cạnh đó, tại Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2023, Quốc hội quyết nghị phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của 03 chương trình mục tiêu quốc gia theo lĩnh vực chi (tức là việc giao dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 vẫn chi tiết đến dự án thành phần, lĩnh vực chi). Do vậy, nếu không có cơ chế đặc thù cho phép các địa phương được quyền điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước của các năm 2021, 2022, 2023 được kéo dài sang năm 2024 thực hiện và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 thì tình trạng chậm giải ngân vốn ngân sách trung ương của từng chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt là vốn sự nghiệp vẫn chưa được giải quyết triệt để.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Bổ sung cơ chế đặc thù nhằm tháo gỡ vướng mắc, khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước 2024 (chi thường xuyên) và dự toán ngân sách nhà nước chưa giải ngân hết trong năm 2023 (bao gồm chi đầu tư, chi thường xuyên được chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2023) của các chương trình mục tiêu quốc gia đã được chuyển sang năm 2024 theo quy định tại các Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, theo thẩm quyền phân cấp, quyết định việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước của các chương trình mục tiêu quốc gia chưa giải ngân hết trong năm 2023 đã được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2024 theo quy định tại các Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội.

- Nguyên tắc thực hiện:

+ Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước từ các dự án thành phần không còn đối tượng hỗ trợ, hoặc không đủ điều kiện để giải ngân kinh phí theo quy

định, hoặc có tỷ lệ giải ngân thấp để bổ sung dự toán thực hiện các dự án thành phần khác trong cùng chương trình mục tiêu quốc gia phải đảm bảo không vượt tổng dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.

+ Điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án đầu tư trong danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trong cùng chương trình mục tiêu quốc gia phải đảm bảo không vượt quá tổng mức vốn đầu tư đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch cho từng chương trình.

d) Đánh giá tác động của giải pháp chính sách:

- Tác động tích cực:

Giải pháp cho phép điều chỉnh vốn từ nội dung, dự án không còn đối tượng, không hiệu quả sang dự án có đối tượng nhưng chưa đủ nguồn lực, hoặc dự án, nội dung có khả năng giải ngân vốn nhanh sẽ góp phần tháo gỡ, khắc phục tình trạng giải ngân vốn thấp, đặc biệt là vốn sự nghiệp trong đầu năm 2023.

- Tác động tiêu cực và giải pháp xử lý tác động tiêu cực:

+ Tác động tiêu cực:

Việc cho phép các địa phương được điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước sẽ làm thay đổi dự toán chi tiết đã được Quốc hội quyết nghị, đã được Thủ tướng Chính phủ giao và có thể ảnh hưởng tới việc theo dõi, giám sát kết quả thực hiện các dự án thành phần của các bộ, cơ quan trung ương được giao chủ trì; ảnh hưởng đến việc đảm bảo kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của một số dự án thành phần này.

+ Giải pháp khắc phục:

Tại nội dung giải pháp đã quy định điều kiện chỉ được điều chỉnh giữa các dự án thành phần trong cùng một chương trình mục tiêu quốc gia và các địa phương phải đảm bảo việc điều chỉnh không ảnh hưởng tới việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025, hằng năm trong giai đoạn đã được Thủ tướng Chính phủ giao. Bên cạnh đó, các cơ quan chủ chương trình, chủ dự án thành phần cần kịp thời ban hành văn bản để hướng dẫn các địa phương thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của từng dự án thành phần.

đ) Cơ sở xác định thẩm quyền ban hành chính sách:

Chính phủ đề xuất Quốc hội quyết nghị cơ chế điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm do tại các Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công chưa quy định về điều chỉnh đối với dự toán, kế hoạch từ những năm trước được kéo dài thời gian thực hiện sang năm hiện tại.

### **3. Chính sách 3: Về ban hành quy định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án phát triển sản xuất**

a) Xác định vấn đề bất cập:

- Tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm



2023 của Chính phủ), Chính phủ phân cấp cho địa phương quyết định trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Thực hiện theo quy định phân cấp này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chính sách theo thẩm quyền quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật<sup>1</sup>.

- Qua tổng hợp báo cáo của các địa phương, đến nay có 44/52 địa phương<sup>2</sup> đã có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định về trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Tuy nhiên, nhiều địa phương phản ánh gặp khó khăn, lúng túng, mất nhiều thời gian hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tại một số địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho rằng việc ban hành quy định trình tự, thủ tục là nội dung điều hành của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nên chưa xem xét thông qua. Việc chậm trễ ban hành quy định này đã làm chậm tiến độ triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất tại địa phương.

- Các địa phương cũng phản ánh, do lần đầu xây dựng, ban hành quy định về trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, nên trong quá trình triển khai thực hiện còn phát sinh một số vướng mắc cần điều chỉnh. Quy trình xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh cũng sẽ mất nhiều thời gian, làm chậm quá trình thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, làm chậm tiến độ giải ngân vốn sự nghiệp của các chương trình.

Trước thực trạng đó, hầu hết các địa phương tiếp tục đề xuất, kiến nghị giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, mô hình trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm cả ban hành mới và điều chỉnh các quy định đã ban hành).

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Bổ sung quy định đặc thù về thẩm quyền ban hành các thủ tục hành chính trong thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất phù hợp với điều kiện thực tiễn và đáp ứng kiến nghị của nhiều địa phương.

<sup>1</sup> - Tại khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) quy định những hành vi bị nghiêm cấm "4. Quy định thủ tục hành chính trong thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này."

- Tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định: "1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;" "2. Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;" "4. Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương."

- Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, "1. "Thủ tục hành chính" là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức."

<sup>2</sup> Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án phát triển sản xuất trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia.

- Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã ban hành quy định về trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án phát triển sản xuất trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyết định việc sửa đổi, bổ sung quy định và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

d) Đánh giá tác động của giải pháp chính sách:

- Tác động tích cực:

Dự kiến giải pháp chính sách nêu trên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương khẩn trương hoàn thành việc ban hành các quy định tại địa phương theo phân cấp, hoặc sửa đổi, bổ sung quy định có phát sinh vướng mắc nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn sự nghiệp của các chương trình, trong đó:

+ Các địa phương chưa ban hành quy định có thể rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục ban hành quy định về trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất.

+ Các địa phương đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định có thể rút ngắn thời gian, quy trình ban hành quy định điều chỉnh, bổ sung để kịp thời xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tác động tiêu cực và giải pháp xử lý tác động tiêu cực: Không có.

đ) Cơ sở xác định thẩm quyền ban hành chính sách:

Tại khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã quy định: (1) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh mới có thẩm quyền ban hành quy định liên quan đến thủ tục hành chính; (2) Một trong những hành vi bị cấm trong ban hành văn bản quy phạm pháp luật là ban hành quy định về thủ tục hành chính tại quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Do vậy, Chính phủ đề xuất Quốc hội quyết nghị cơ chế đặc thù cho phép Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định việc giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành các quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lựa chọn các dự án phát triển sản xuất tại địa phương.

**4. Chính sách 4: Về sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp giao chủ dự án phát triển sản xuất tự thực hiện việc mua sắm hàng hóa phục vụ hoạt động phát triển sản xuất**

a) Xác định vấn đề bất cập:

Việc áp dụng quy định Luật Đấu thầu năm 2013 trong trường hợp giao cho chủ dự án (doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người dân) không gặp vướng mắc, khó khăn và đã được Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể tại Thông tư số

55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023. Tuy nhiên, khi áp dụng quy định tại Luật Đấu thầu năm 2023 đã phát sinh khó khăn, vướng mắc, chưa đủ cơ sở pháp lý để tiếp tục áp dụng cơ chế giao chủ dự án tự thực hiện việc mua sắm hàng hóa từ vốn ngân sách nhà nước. Cụ thể:

- Các đối tượng chủ dự án phát triển sản xuất đều là đối tượng ngoài nhà nước, việc bắt buộc phải thực hiện các quy trình đấu thầu gặp nhiều khó khăn, nhất là đối tượng người dân không thuộc đối tượng “bên mời thầu” theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu thầu năm 2023 để thực hiện các quy trình đấu thầu theo quy định.

- Chủ dự án phát triển sản xuất không đủ điều kiện, hoặc không có khả năng thực hiện (nhất là người dân vùng dân tộc thiểu số) các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 22 (Đấu thầu hạn chế), Điều 23 (Chỉ định thầu), Điều 24 (Chào hàng cạnh tranh), Điều 25 (Mua sắm trực tiếp), Điều 26 (Tự thực hiện) của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

- Chủ dự án không thuộc đối tượng áp dụng quy định tại Điều 27 (Tham gia thực hiện cộng đồng) do hình thức này chỉ áp dụng cho tổ, nhóm thợ tại địa phương tham gia gói thầu xây lắp.

Bên cạnh đó, hàng hóa để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất không chỉ được đầu tư từ ngân sách nhà nước mà còn được đầu tư từ nguồn vốn tự có của chủ dự án. Nếu bắt buộc chủ dự án phải thực hiện các quy định về đấu thầu mua sắm với cả nguồn vốn tự có sẽ không thu hút được các đối tượng này tham gia thực hiện các hoạt động phát triển sản xuất tại địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn, vùng khó khăn.

Trước thực trạng đó, nhiều địa phương kiến nghị cho phép giao các đối tượng ngoài nhà nước (chủ trì liên kết, tổ, nhóm cộng đồng) được tự quyết định phương thức mua sắm hàng hóa (bổ sung đối tượng được tự thực hiện việc mua sắm hàng hóa từ vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ); cơ quan nhà nước sẽ thanh toán phần hỗ trợ sau khi có hóa đơn, chứng từ chứng minh việc mua sắm theo đúng nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Bổ sung quy định đặc thù về sử dụng ngân sách nhà nước trong thực hiện một số chính sách hỗ trợ một số đối tượng cụ thể của các chương trình mục tiêu quốc gia chưa được quy định rõ tại Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách nhà nước để tháo gỡ khó khăn cho các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Chủ dự án phát triển sản xuất được giao thực hiện việc mua sắm hàng hóa từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước được quyết định phương thức mua

sắm hàng hóa thuộc nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất phù hợp với nội dung hỗ trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Căn cứ Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, cơ quan quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thanh toán tiền hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho chủ dự án phát triển sản xuất thực hiện việc mua sắm hàng hóa như sau:

+ Trường hợp chủ dự án phát triển sản xuất trực tiếp sản xuất, cung ứng giống cây trồng vật nuôi, cơ quan quản lý dự án thanh toán trực tiếp chi phí sản xuất, cung ứng giống cây trồng vật nuôi theo giá thị trường tại địa bàn thực hiện dự án, hoặc theo định mức hỗ trợ theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Cơ quan tài chính cùng cấp, hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm xác định giá thị trường của hàng hóa trong trường hợp thanh toán theo giá thị trường.

+ Trường hợp chủ dự án ký kết hợp đồng mua sắm hàng hóa với bên cung cấp hàng hóa không phải là thành viên tham gia dự án phát triển sản xuất, chủ dự án có văn bản (hoặc đơn) đề xuất (kèm theo bản gốc hợp đồng mua bán có chứng nhận của cơ quan quản lý dự án) gửi cơ quan quản lý dự án để thực hiện thanh toán cho bên cung cấp hàng hóa. Chủ dự án phát triển sản xuất có trách nhiệm cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh hoạt động mua sắm (bao gồm tài liệu đánh giá, so sánh mức giá bán hàng hóa của bên cung cấp với giá bán hàng hóa của tối thiểu 03 nhà cung cấp khác trên thị trường) làm cơ sở quyết toán dự án.

d) Đánh giá tác động của chính sách:

- Tác động tích cực:

+ Bổ sung, làm rõ quy định đặc thù về sử dụng ngân sách nhà nước trong thực hiện một số chính sách hỗ trợ một số đối tượng cụ thể của các chương trình mục tiêu quốc gia chưa được quy định rõ tại Luật Đấu thầu. Qua đó, bổ sung quy định để các địa phương có cơ sở pháp lý rõ ràng để đẩy nhanh tiến độ triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia; khắc phục và đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn sự nghiệp thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trong các năm tiếp theo.

+ Cơ chế giao chủ trì liên kết, người dân tự quyết định phương thức mua sắm hàng hóa trong thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất sẽ tạo cơ chế thu hút sự tham gia của đối tượng ngoài nhà nước vào thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn huyện, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng nông thôn. Qua đó, đạt hiệu quả cao hơn trong thực hiện các mục tiêu về đảm bảo thu nhập ổn định, bền vững theo yêu cầu tại các Nghị quyết của Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư từng chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tác động tiêu cực và giải pháp khắc phục:

+ Tác động tiêu cực: Việc giao chủ trì liên kết, người dân tự thực hiện, tự quyết định phương thức mua sắm có thể dẫn đến tình trạng lợi dụng chính sách hỗ trợ của nhà nước để thu lợi cho doanh nghiệp, cá nhân, làm thất thoát ngân sách nhà nước.

+ Giải pháp xử lý:

Để hạn chế được tối đa tác động tiêu cực, đòi hỏi cơ quan nhà nước phải thực hiện tốt các công đoạn xác định mục tiêu, yêu cầu đối với dự án; giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức thực hiện dự án; tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức các cấp chính quyền, chủ trì liên kết, người dân.

Bên cạnh đó, tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị các cấp trong toàn bộ quá trình triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

đ) Cơ sở xác định thẩm quyền ban hành chính sách:

Chính phủ đề xuất Quốc hội quyết nghị cơ chế đặc thù này để thí điểm áp dụng cơ chế khác quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 trong trường hợp nhà nước hỗ trợ kinh phí để các chủ dự án phát triển sản xuất thực hiện việc mua sắm hàng hóa (như: vật tư, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, máy móc,...) cho tiến hành các hoạt động sản xuất thuộc nội dung hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia.

### **5. Chính sách 5: Về quản lý, sử dụng tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất**

a) Xác định vấn đề bất cập:

Tài sản hình thành từ các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được hỗ trợ từ cả nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn tự có của chủ dự án (chủ trì liên kết, cộng đồng người dân). Tuy nhiên, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ) chỉ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản dự án sử dụng vốn nhà nước; không quy định về việc xử lý tài sản của dự án hỗn hợp trong đó có một phần ngân sách nhà nước hỗ trợ cho dự án. Do vậy, các địa phương đang gặp khó khăn trong việc triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; đồng thời, đề nghị thực hiện cơ chế chuyển giao quyền quản lý, sử dụng và sở hữu tài sản này cho các đối tượng chủ trì liên kết, người dân; đề xuất quy định rõ tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất không phải là tài sản công.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Bổ sung quy định đặc thù về quản lý tài sản được hình thành từ phần vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước trong thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nội dung các chương trình mục tiêu quốc gia để quản lý tài sản công đúng mục tiêu, mục đích, hạn chế thất thoát ngân sách nhà nước và tháo gỡ khó khăn cho các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

#### **Phương án 1:**

- Thực hiện chính sách hỗ trợ theo dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, không áp dụng quy định quản lý tài sản công đối với tài sản có vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước dưới 500 triệu đồng, hoặc tài sản hỗ trợ cho cộng đồng người dân tham

gia thực hiện dự án phát triển sản xuất. Việc xác định từng loại tài sản cụ thể cho từng đối tượng cụ thể do cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án quyết định khi phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Ưu tiên thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho chủ trì liên kết để đầu tư tài sản phục vụ hoạt động phát triển sản xuất có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên; không thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước.

Cơ chế đề xuất tại Phương án 1 cơ bản đáp ứng yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là đơn giản quy trình cho tổ chức thực hiện, bám sát giải pháp đề xuất tại Báo cáo thẩm tra của Hội đồng Dân tộc Quốc hội. Tuy nhiên, việc xác định mức giá trị tài sản để thực hiện chính sách hỗ trợ mới dựa trên cơ sở tham khảo mức giá trị tài sản theo quy định về xác định giá trị tài sản, vật tư, vật liệu trong quá trình tổ chức thanh lý tài sản công quy định tại Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 và quy định về giá trị tài sản lớn của một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương (quy định theo phân cấp) như: Bộ Tài chính (tài sản lớn là tài sản có giá trị từ 500 triệu trở lên)<sup>3</sup>, Hải Phòng (có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên)<sup>4</sup>, Sơn La (có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên)<sup>5</sup>, Cao Bằng (có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên)<sup>6</sup>, Nam Định (có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên)<sup>7</sup>, Hải Dương (có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên)<sup>8</sup>...; chưa có một đánh giá, tính toán đầy đủ cho từng loại tài sản sử dụng cho từng loại dự án phát triển sản xuất cụ thể.

### **Phương án 2:**

- Chủ dự án phát triển sản xuất quản lý, sử dụng tài sản hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước trong thời gian thực hiện dự án. Cơ quan quản lý dự án chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát quá trình quản lý, sử dụng tài sản.

- Sau thời điểm kết thúc dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, cơ quan quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và chủ dự án phát triển sản xuất tổ chức kiểm kê, đánh giá và xử lý tài sản hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước.

Trường hợp chủ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị có nhu cầu tiếp tục sử dụng tài sản của dự án, chủ dự án phát triển sản xuất nộp lại ngân sách nhà nước phần giá trị còn lại của tài sản hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước để được tiếp nhận quyền sở hữu tài sản.

Trường hợp cộng đồng người dân tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng cùng thống nhất đề xuất tiếp tục sử dụng các tài sản hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước, cơ quan quản lý dự án hỗ trợ phát

<sup>3</sup> Tại Quyết định số 409/QĐ-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tài chính.

<sup>4</sup> Tại Quyết định số 43/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng.

<sup>5</sup> Tại Quyết định số 45/2020/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

<sup>6</sup> Tại Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

<sup>7</sup> Tại Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

<sup>8</sup> Tại Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

triển sản xuất báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xem xét, quyết định giao những tài sản này hỗ trợ cho người dân tiếp tục thực hiện phát triển sản xuất (tài sản đã chuyển giao không phải là tài sản công).

- Cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, căn cứ điều kiện thực tiễn, quyết định việc hỗ trợ, chuyển giao quyền sử dụng, quyền sở hữu các trang thiết bị, công cụ, tài sản có giá trị nhỏ được hình thành từ hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cho đối tượng người dân, hộ gia đình tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Chính phủ quy định tiêu chí xác định các trang thiết bị, công cụ, tài sản có giá trị nhỏ; cơ chế đặc thù trong xác định giá trị còn lại và xử lý tài sản được hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước theo nguyên tắc công khai, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Cơ chế đề xuất tại Phương án 2 đảm bảo tính chặt chẽ, hạn chế tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài sản công, hạn chế thất thoát ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, Chính phủ chưa hoàn thành dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về “tiêu chí xác định các trang thiết bị, công cụ, tài sản có giá trị nhỏ; cơ chế đặc thù trong xác định giá trị còn lại và xử lý tài sản được hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước”. Do vậy, chưa đáp ứng yêu cầu tại Báo cáo thẩm tra của Hội đồng Dân tộc Quốc hội, bên cạnh đó, dự kiến sẽ gặp nhiều khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện, nhất là tại cấp cơ sở.

d) Đánh giá tác động của chính sách:

- Tác động tích cực:

Giải pháp chính sách này, nếu được thông qua sẽ đảm bảo cơ sở pháp lý rõ ràng, đồng bộ cho các địa phương thực hiện việc quản lý, giám sát quá trình sử dụng các tài sản công được hình thành trong quá trình thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất. Trong đó:

+ Việc quy định Thực hiện chính sách hỗ trợ, không áp dụng quy định quản lý tài sản công đối với các tài sản có tổng mức vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước dưới 500 triệu đồng, hoặc tài sản hỗ trợ cho cộng đồng người dân như Phương án 1 sẽ đảm bảo dễ tổ chức thực hiện, đảm bảo tiếp nối được chính sách hỗ trợ của nhà nước tới đối tượng hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ dân vùng nông thôn tiếp tục duy trì hoạt động phát triển sản xuất. Đây được xem là chính sách hỗ trợ an sinh, tạo sinh kế ổn định của nhà nước cho các đối tượng yếu thế.

+ Việc quy định rõ trách nhiệm trong và sau hỗ trợ dự án phát triển sản xuất như Phương án 2 sẽ đảm bảo việc quản lý tài sản công đúng mục tiêu, mục đích, hạn chế thất thoát ngân sách nhà nước. Đồng thời, việc quy định được thực hiện chính sách hỗ trợ cho người dân đối với các tài sản giá trị nhỏ cũng là giải pháp tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ của nhà nước tới đối tượng hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ dân vùng nông thôn.

- Tác động tiêu cực và giải pháp khắc phục:

+ Tác động tiêu cực:

Đối với cả hai phương án, việc nhà nước hỗ trợ, chuyển giao tài sản công cho đối tượng hộ gia đình có thể không đạt được mục tiêu duy trì kết quả thực hiện các hoạt động phát triển sản xuất trong trường hợp người dân không có ý thức, mong muốn thoát nghèo, chủ động tạo sinh kế, việc làm, thu nhập ổn định.

Bên cạnh đó, nếu thực hiện theo Phương án 2 thì Chính phủ chưa hoàn thành dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về “tiêu chí xác định các trang thiết bị, công cụ, tài sản có giá trị nhỏ; cơ chế đặc thù trong xác định giá trị còn lại và xử lý tài sản được hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước”. Do vậy, chưa đáp ứng yêu cầu tại Báo cáo thẩm tra của Hội đồng Dân tộc Quốc hội, bên cạnh đó, dự kiến sẽ gặp nhiều khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện, nhất là tại cấp cơ sở.

+ Giải pháp xử lý:

Để hạn chế tác động tiêu cực, cần đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền nâng cao nhận thức của đối tượng được hỗ trợ về chủ trương, chính sách của Đảng về giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội ổn định tiến tới xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan khẩn trương xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết việc xác định tài sản có giá trị nhỏ và quy trình xử lý tài sản trong Quý II năm 2024.

đ) Cơ sở xác định thẩm quyền ban hành chính sách:

Chính phủ đề xuất Quốc hội quyết nghị cơ chế đặc thù chưa được quy định tại Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ để thí điểm áp dụng cơ chế quản lý, sử dụng đối với các tài sản được hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước thông qua các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

**6. Chính sách 6: Về ủy thác vốn tự cân đối của ngân sách địa phương qua hệ thống ngân hàng chính sách xã hội**

a) Xác định vấn đề bất cập:

Qua tổng hợp báo cáo, nhiều địa phương chưa có đủ cơ sở pháp lý để sử dụng vốn đầu tư công để ủy thác qua hệ thống các ngân hàng chính sách hỗ trợ các đối tượng người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia vay vốn với lãi suất ưu đãi để phát triển sản xuất, tạo việc làm do Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước chưa quy định cơ chế sử dụng vốn đầu tư công ngân sách địa phương để ủy thác cho vay.

Bên cạnh đó, Kiểm toán Nhà nước đã kiến nghị việc ủy thác ngân sách nhà nước qua hệ thống các ngân hàng chính sách từ nguồn chi đầu tư phát triển (không sử dụng kinh phí thường xuyên để thực hiện cơ chế ủy thác). Tại Thông tư số 51/2023/TT-BTC đã hướng dẫn các địa phương bố trí vốn ủy thác ngân sách địa



phương qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ chi đầu tư phát triển. Như vậy, các địa phương không được bố trí chi thường xuyên để thực hiện ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh địa phương như đã thực hiện trong giai đoạn trước.

Để có cơ sở pháp lý triển khai thực hiện, các địa phương này kiến nghị Trung ương bổ sung quy định sử dụng vốn đầu tư công, hoặc kinh phí thường xuyên nguồn tự cân đối của ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện các chính sách hỗ trợ tín dụng của địa phương (tương tự cơ chế Quốc hội đã quyết nghị áp dụng cho Thành phố Hồ Chí Minh<sup>9</sup> và cơ chế đã được thực hiện trong giai đoạn trước).

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Bổ sung quy định đặc thù về sử dụng vốn đầu tư công nguồn tự cân đối của ngân sách địa phương để ủy thác qua hệ thống ngân hàng chính sách nhằm tạo điều kiện cho các địa phương thực hiện một số chính sách hỗ trợ có thu hồi vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề:

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện được quyết định việc bố trí vốn ngân sách cân đối của địa phương (bao gồm: vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển khác, kinh phí thường xuyên) để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới thông qua việc giao Ủy ban nhân dân cùng cấp ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương để thực hiện một số hoạt động phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế và phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm, duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống, Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong triển khai các dự án thành phần thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện từng chính sách tín dụng cho các đối tượng được hỗ trợ vay vốn ưu đãi theo cơ chế ủy thác.

- Đối tượng được hỗ trợ vay vốn ưu đãi bao gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn, huyện nghèo; cá nhân người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới

<sup>9</sup> Quốc hội quyết nghị cho phép Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh “quyết định bố trí vốn đầu tư công để hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm thông qua việc giao Ủy ban nhân dân Thành phố ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, giải quyết việc làm. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tiêu chí, điều kiện, mức, nội dung, hình thức và thời gian hỗ trợ.” tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội.

thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình và người lao động tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt và giao dự toán, kế hoạch để thực hiện ủy thác:

+ Việc lập dự toán, phương án phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước (bao gồm chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) hằng năm để ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương thực hiện theo cơ chế lập dự toán, phương án phân bổ ngân sách địa phương theo quy định Luật Ngân sách nhà nước.

+ Việc lập, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm để ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương theo trình tự quy định tại Điều 62, Điều 63 Luật Đầu tư công. Giao kế hoạch đầu tư công theo nội dung thực hiện ủy thác (không theo danh mục chương trình, dự án đầu tư công).

d) Đánh giá tác động của chính sách:

- Tác động tích cực:

Giải pháp đề xuất là cơ sở pháp lý quan trọng để các địa phương có nguồn lực có thể thực hiện một số chính sách hỗ trợ có thu hồi vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Thông qua đó, để thực hiện cơ chế hỗ trợ cho vay có thu hồi vốn, thay thế dần hình thức hỗ trợ cho không. Việc thực hiện chính sách sẽ giúp Nhà nước vẫn bảo toàn được vốn ngân sách nhà nước, đồng thời, tạo tác động lan tỏa nhiều hơn tới các đối tượng cần hỗ trợ, khắc phục tâm lý ỷ lại, không chủ động vươn lên thoát nghèo của một bộ phận nhỏ đối tượng hộ nghèo.

- Tác động tiêu cực: Không có.

đ) Cơ sở xác định thẩm quyền ban hành chính sách:

Chính phủ đề xuất Quốc hội quyết nghị cơ chế đặc thù chưa được quy định cụ thể tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công để thí điểm áp dụng cơ chế cho phép địa phương sử dụng vốn tự cân đối của ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tại địa phương để cho một số đối tượng của các chương trình mục tiêu quốc gia vay vốn ưu đãi trong thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ của từng chương trình.

**7. Chính sách 7: Về cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia**

a) Xác định vấn đề:

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội, Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các bộ, ngành và địa phương khảo sát nhu cầu, xây dựng, đề xuất nội dung cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Theo báo cáo, có 52 địa phương báo cáo về nhu cầu thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình. Trong đó:

+ Có 49 địa phương không đề xuất cơ chế thí điểm, lý do: (1) Công tác phân bổ, giao kế hoạch ĐTC trung hạn và hằng năm tại các cấp đã cơ bản hoàn thành, không phát sinh vướng mắc khó khăn; (2) Nhiều địa phương đã lựa chọn phân cấp cho cấp huyện quyết định danh mục dự án đầu tư công; (3) Cơ chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia cơ bản đã hoàn thành, vận hành ổn định. Nếu thực hiện cơ chế thí điểm, địa phương sẽ mất thêm thời gian cho việc ban hành thể chế, trong khi thời gian thực hiện chỉ còn 02 năm.

+ Có 03 địa phương (bao gồm các tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang và Lào Cai) đề xuất thực hiện cơ chế thí điểm tập trung vào hai cơ chế: (1) Địa phương được điều chỉnh vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia cho nhau; (2) Địa phương được điều chỉnh từ vốn sự nghiệp sang vốn đầu tư.

Qua theo dõi giám sát, đánh giá, năm 2023, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã giải ngân được khoảng 28.180 tỷ đồng vốn của 03 chương trình mục tiêu quốc gia (đã bao gồm vốn năm 2022 được kéo dài sang năm 2023), đạt 43% kế hoạch, trong đó: vốn đầu tư phát triển khoảng 21.500 tỷ đồng, đạt 59%; vốn sự nghiệp khoảng 6.680 tỷ đồng, đạt khoảng 23%. Việc chậm giải ngân vốn do nhiều nguyên nhân, có cả nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan. Trong đó việc xác định, dự báo đối tượng thụ hưởng, xây dựng cơ chế phân bổ, sử dụng chưa được tính toán kỹ lưỡng là một trong những nguyên nhân dẫn tới một số nội dung của thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo bền vững không còn đối tượng để thực hiện dự toán chi, chưa giải ngân được kinh phí thường xuyên được giao. Nhiều địa phương kiến nghị các cơ quan trung ương cho phép các địa phương được điều chỉnh linh động phần kinh phí không còn đối tượng chi, hoặc thực hiện không có hiệu quả để tập trung vốn thực hiện các nội dung, hoạt động, dự án có hiệu quả.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Cụ thể hóa yêu cầu của Quốc hội tại các Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 và số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 để tạo sự chủ động, điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong điều tiết nguồn lực được giao trong triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

**Phương án 1:** Chưa thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong giai đoạn 2024-2025; quy định nguyên tắc thực hiện cơ chế thí điểm áp dụng cho quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030. Nội dung đề xuất cụ thể:

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tiêu chí lựa chọn huyện thực hiện cơ chế thí điểm theo nguyên tắc ưu tiên huyện đã hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; có nhiều điển hình cách làm hay trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; có kết quả đánh giá sự hài lòng của người dân của Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam cấp huyện đạt trên 70%. Tổng số huyện được lựa chọn thực hiện thí điểm không vượt quá 50% số đơn vị cấp huyện trên địa bàn.

- Nội dung phân cấp:

+ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm cho huyện được lựa chọn thí điểm theo tổng số vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 và hằng năm giao cho huyện được lựa chọn thí điểm; thực hiện kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện.

+ Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định việc phân bổ vốn thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết đến từng dự án thành phần thuộc từng chương trình mục tiêu quốc gia; danh mục dự án đầu tư công thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

**Phương án 2:** Thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp áp dụng trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. Nội dung cụ thể như sau:

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, căn cứ điều kiện thực tiễn, được quyết định lựa chọn một huyện (01 huyện) thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao mục tiêu, nhiệm vụ, yêu cầu cụ thể đối với từng chương trình mục tiêu quốc gia cho cấp huyện được lựa chọn thí điểm.

- Hội đồng nhân dân cấp huyện được quyết định điều chỉnh phương án phân bổ vốn đầu tư công, kinh phí thường xuyên giữa các chương trình mục tiêu quốc gia trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm đã được cấp có thẩm quyền giao; cơ cấu nguồn vốn ngân sách nhà nước giữa chi đầu tư, chi thường xuyên của các dự án thành phần không còn đối tượng hỗ trợ để tập trung vốn thực hiện các dự án thành phần khác thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Nguyên tắc thực hiện:

+ Điều chỉnh phương án phân bổ vốn, cơ cấu nguồn vốn ngân sách nhà nước phải đảm bảo nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các chính sách, chế độ hỗ trợ cho người dân, hộ gia đình thuộc nội dung thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia. Việc sử dụng từng loại nguồn vốn sau khi được điều chỉnh cơ cấu giữa chi đầu tư, chi thường xuyên phải tuân thủ đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định có liên quan.

+ Tổng hợp, giải trình quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm của các huyện thực hiện cơ chế thí điểm được thực hiện theo dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện điều chỉnh.

d) Đánh giá tác động của chính sách:

- Tác động tích cực: Việc thực hiện cơ chế phân cấp theo cả Phương án 1 và Phương án 2 đều tạo được sự chủ động, linh hoạt cho địa phương trong tổ chức thực hiện, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tác động tiêu cực và giải pháp xử lý:

+ Tác động tiêu cực:

Việc thực hiện thí điểm theo Phương án 2 sẽ làm phát sinh những bất cập như sau: (1) Địa phương phải mất thời gian xây dựng, ban hành các quy định cụ thể để triển khai thực hiện cơ chế, dự kiến sẽ làm chậm tiến độ thực hiện các chương trình tại địa bàn thí điểm; (2) Có thể xảy ra tình trạng địa phương chỉ ưu tiên vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng, không ưu tiên thực hiện các chính sách an sinh, hỗ trợ trực tiếp các đối tượng chính sách theo mục tiêu Quốc hội giao tại các Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; (3) Việc điều chỉnh cơ cấu vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa vốn đầu tư, vốn sự nghiệp sẽ làm thay đổi cơ cấu vốn thực hiện các chương trình đã được Quốc hội quyết nghị trong giai đoạn 2021-2025.

+ Giải pháp xử lý:

Để hạn chế các tác động tiêu cực có thể xảy ra, đòi hỏi công tác xây dựng, giao mục tiêu, nhiệm vụ từng chương trình mục tiêu quốc gia cho cấp huyện phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tính toán kỹ lưỡng, đặc biệt là mục tiêu cần đảm bảo về an sinh, xã hội, chế độ chính sách cho các đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong triển khai thực hiện cơ chế.

Bên cạnh đó, để khắc phục triệt để những tác động tiêu cực có thể xảy ra khi thực hiện theo Phương án 2, đề xuất thực hiện theo Phương án 1.

đ) Cơ sở xác định thẩm quyền ban hành chính sách:

Chính phủ đề xuất cơ chế thí điểm phân cấp để triển khai quy định tại Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội.

**8. Chính sách 8: Về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, đầu tư vốn hằng năm đối với dự án đầu tư xây dựng có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp**

a) Xác định vấn đề bất cập:

Thực hiện quy định tại Nghị quyết số 25/2021/QH15, Chính phủ đã ban hành quy định về cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện các dự án đầu tư quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP. Trong đó, từ Điều 13 đến Điều 19 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã quy định tiêu chí lựa chọn dự án quy mô nhỏ kỹ thuật không phức tạp, quy trình lập hồ sơ, thẩm định hồ sơ, lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án này...

Trong quá trình tổ chức thực hiện, cơ chế này đã tạo điều kiện cho địa phương

phân cấp cho cấp xã thực hiện các loại dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp. Tuy vậy, địa phương phản ánh còn gặp khó khăn khi không thể xác định chính xác từng dự án này từ đâu giai đoạn để giao kế hoạch đầu tư công trung hạn. Để thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công<sup>10</sup>, các địa phương chỉ dự kiến tên dự án, tổng mức đầu tư, chưa xác định được chính xác quy mô, vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và khả năng đối ứng, tham gia của người dân. Do vậy, trong quá trình thực hiện hằng năm, sau khi xác định rõ được phần đóng góp của người dân để xác định phần vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phải thực hiện các quy trình điều chỉnh trung hạn để đủ điều kiện phân bổ vốn hằng năm. Quy trình này làm chậm quá trình triển khai thực hiện và không khuyến khích các địa phương áp dụng cơ chế đặc thù, trao quyền cho người dân tham gia vào quá trình đầu tư, xây dựng các công trình.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Bổ sung cơ chế đặc thù nhằm tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các địa phương tích cực triển khai thực hiện các dự án, công trình có sự tham gia của người dân.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn thực hiện các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo tổng vốn thực hiện các dự án; không bắt buộc giao tên danh mục dự án trong trung hạn.

- Phân bổ, giao kế hoạch đầu tư vốn hằng năm thực hiện các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp chi tiết đến từng dự án theo nguyên tắc tổng vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước lũy kế đến thời điểm giao vốn không vượt quá tổng vốn thực hiện các dự án này trong kế hoạch trung hạn.

*(Dự án đầu tư đặc thù là dự án, công trình xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật, không phức tạp theo cơ chế đặc thù đáp ứng các tiêu chí sau: (i) Thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia; (ii) Dự án nằm trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã, do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; (iii) Tổng mức đầu tư dự án không vượt quá 05 tỷ đồng; (iv) Kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện).*

d) Đánh giá tác động của chính sách:

- Tác động tích cực:

Giải pháp xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với các loại danh mục dự án áp dụng cơ chế đặc thù sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện cơ chế đặc thù trong các năm còn lại của giai đoạn. Qua đó sẽ khuyến khích các địa phương tăng cường phân cấp, trao quyền trong thực hiện các công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp phù hợp với năng lực quản lý của cấp cơ sở và gắn liền với nhu cầu của chính người dân tại

<sup>10</sup> Quy định hiện hành của Luật Đầu tư công năm 2019 quy định phải thực hiện việc lập và giao danh mục dự án đầu tư công trung hạn (Điều 62); việc phân bổ vốn đầu tư công hằng năm phải trên cơ sở danh mục dự án đầu tư công trung hạn (Điều 50).

địa bàn nông thôn, vùng miền núi.

- Tác động tiêu cực và giải pháp xử lý:

+ Tác động tiêu cực: Việc không giao danh mục dự án đầu tư công trung hạn chưa đảm bảo theo quy định Luật Đầu tư công, có thể dẫn đến tình trạng tùy tiện trong phân bổ, sử dụng vốn đầu tư công hằng năm.

+ Giải pháp xử lý: Để hạn chế các tác động tiêu cực có thể xảy ra, đòi hỏi công tác quản lý, tổ chức thực hiện việc xây dựng, giao danh mục dự án, công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, có sự tham gia của người dân phải thực hiện công khai, minh bạch, đúng mục tiêu, mục đích, chủ trương đầu tư từng chương trình mục tiêu quốc gia. Bên cạnh đó, phải đánh giá, xác định hiệu quả thực hiện dự án gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

đ) Cơ sở xác định thẩm quyền ban hành chính sách:

Chính phủ đề xuất Quốc hội quyết nghị cơ chế đặc thù khác quy định tại Luật Đầu tư công để thí điểm áp dụng cơ chế cho phép địa phương không bắt buộc xác định ngay danh mục dự án đầu tư xây dựng có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, Nhà nước chỉ hỗ trợ đầu tư một phần kinh phí, phần còn lại do Nhân dân đóng góp, có sự tham gia giám sát của Nhân dân trong trung hạn giai đoạn 5 năm để phù hợp với đặc điểm đặc thù của loại dự án này.

### III. Ý KIẾN THAM VẤN

Để đảm bảo tính khả thi, trong quá trình xây dựng các chính sách, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức lấy ý kiến và tổng hợp, giải trình 68 bộ, cơ quan trung ương và địa phương để hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị quyết. Đồng thời, hồ sơ trình dự thảo Nghị quyết đã được Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định; được các thành viên Chính phủ đã biểu quyết thông qua.

Kết quả tổng hợp, tiếp thu, giải trình từng ý kiến tham vấn được tổng hợp tại (1) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến các bộ, cơ quan trung ương; bản chụp ý kiến góp ý; (2) Báo cáo của cơ quan soạn thảo Nghị quyết giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (3) Báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến Thành viên Chính phủ.

Trên đây là Báo cáo của Chính phủ về đánh giá tác động của các cơ chế, chính sách đặc thù hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Chính phủ báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội./.

## BÁO CÁO

Về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia  
(Kèm theo Tờ trình số 13/TTr-CP ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ)

Thực hiện quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ báo cáo việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 như sau:

### I. VỀ PHÂN BỐ, GIAO DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HÀNG NĂM

#### 1. Quy định hiện hành

Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và tại các Nghị quyết của Quốc hội về phân bổ dự toán ngân sách trung ương hằng năm, Quốc hội quyết nghị phân bổ dự toán chi thường xuyên thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết đến lĩnh vực chi sự nghiệp.

Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ giao dự toán ngân sách nhà nước hằng năm cho các bộ, cơ quan trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết chi thường xuyên theo dự án thành phần, lĩnh vực chi sự nghiệp.

#### 2. Thực trạng áp dụng và kiến nghị của các địa phương

Việc giao chi tiết dự toán chi thường xuyên nguồn ngân sách trung ương của từng chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết theo lĩnh vực sự nghiệp chi sẽ góp phần quản lý việc phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước theo đúng lĩnh vực chi đã được Quốc hội thông qua.

Việc phân bổ dự toán ngân sách hằng năm được xây dựng theo nguyên tắc, tiêu chí ban hành từ đầu giai đoạn. Tuy nhiên, qua quá trình triển khai thực hiện, một số nội dung không còn phù hợp với thực tiễn tại địa phương, một số đối tượng hộ nghèo đã thoát nghèo không còn đối tượng chi, một số nội dung chi không còn phù hợp với thực tiễn của địa phương hoặc chưa có hướng dẫn chi trong năm được giao dự toán. Đây là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến một số nội dung chi không giải ngân được vốn đã được cấp có thẩm quyền giao (kết quả giải ngân vốn sự nghiệp trong 9 tháng đầu năm 2023 đạt khoảng 15%); trong khi đó có nhiều nội dung có đối tượng chi, có nhu cầu thêm vốn để thực hiện.

Trước thực trạng đó, các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương kiến nghị Trung ương giao tổng số dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương cho các địa phương theo từng chương trình và phân cấp cho địa phương chủ động phân bổ chi tiết đến từng dự án thành phần, lĩnh vực chi để tạo sự chủ động, linh hoạt trong quá trình triển khai thực hiện.



### **3. Giải pháp xử lý kiến nghị của các địa phương**

Chính phủ đề xuất cơ chế giao dự toán chi thường xuyên nguồn ngân sách trung ương hằng năm cho các địa phương như sau:

a) Quốc hội quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm cho từng địa phương theo tổng mức kinh phí từng chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Thủ tướng Chính phủ giao dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm cho từng địa phương theo tổng kinh phí chi thường xuyên từng chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết đến dự án thành phần. Trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ chi tiết đến từng dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.

## **II. VỀ ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HẰNG NĂM CỦA TỪNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

### **1. Quy định hiện hành**

Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công hiện hành không quy định việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước của những năm trước được kéo dài thời gian thực hiện sang năm hiện tại.

Luật Ngân sách nhà nước quy định Quốc hội quyết định phân bổ ngân sách trung ương chi tiết theo lĩnh vực chi. Do vậy, nếu phát sinh việc điều chỉnh dự toán ngân sách trung ương hỗ trợ các địa phương làm thay đổi cơ cấu giữa các lĩnh vực chi thì phải báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định điều chỉnh.

### **2. Thực trạng áp dụng và kiến nghị của các địa phương**

- Đến tháng 8 năm 2023, việc sửa đổi, bổ sung một số vướng mắc, khó khăn về thể chế thuộc thẩm quyền Chính phủ, các bộ ngành đã cơ bản hoàn thành, bao gồm: 01 Nghị định của Chính phủ, 02 Quyết định của Thủ tướng, 06 Thông tư và một số văn bản hướng dẫn của cấp Bộ. Về cơ bản các chính sách này đã kịp thời tháo gỡ được vướng mắc, khó khăn trong triển khai thực hiện, giải ngân nguồn vốn đầu tư công của các chương trình mục tiêu quốc gia. Tuy nhiên, kết quả giải ngân vốn ngân sách trung ương năm 2023 của 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 chỉ đạt 43%, trong đó, vốn đầu tư công đạt khoảng 59%, vốn sự nghiệp đạt khoảng 23%.

Kết quả giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt là vốn sự nghiệp, chưa đạt được mục tiêu một phần do các địa phương gặp khó khăn, vướng mắc trong áp dụng các quy định của pháp luật chuyên ngành. Trong đó: (1) Việc giao dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương các năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 chi tiết theo dự án thành phần, lĩnh vực chi chưa tạo sự chủ động cho các địa phương trong triển khai thực hiện (khó khăn này đã đề xuất xử

lý tại Chính sách 1 nêu trên) nhưng các địa phương cũng không được điều chỉnh vốn giữa các nội dung, dự án thành phần, lĩnh vực chi đã được Trung ương giao do Luật Ngân sách nhà nước không có quy định cho phép địa phương được điều chỉnh dự toán ngân sách trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ giao; (2) Các địa phương không thực hiện được việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn các năm 2021, 2022, 2023 được kéo dài sang thực hiện trong năm 2024 do Luật Đầu tư công không có quy định cho phép điều chỉnh nguồn vốn được kéo dài.

Tại các Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023, Quốc hội đã quyết nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, năm 2022 (bao gồm cả vốn năm 2021 được chuyển nguồn sang năm 2023 theo quy định) chưa giải ngân hết trong năm 2023 sang năm 2024 thực hiện. Bên cạnh đó, tại Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2023, Quốc hội quyết nghị phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của 03 chương trình mục tiêu quốc gia theo lĩnh vực chi (tức là việc giao dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 vẫn chi tiết đến dự án thành phần, lĩnh vực chi). Do vậy, nếu không có cơ chế đặc thù cho phép các địa phương được quyền điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước của các năm 2021, 2022, 2023 được kéo dài sang năm 2024 thực hiện và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 thì tình trạng chậm giải ngân vốn ngân sách trung ương của từng chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt là vốn sự nghiệp vẫn chưa được giải quyết triệt để.

### 3. Giải pháp xử lý kiến nghị của các địa phương

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước 2024 (chi thường xuyên) và dự toán ngân sách nhà nước chưa giải ngân hết trong năm 2023 (bao gồm chi đầu tư, chi thường xuyên được chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2023) của các chương trình mục tiêu quốc gia đã được chuyển sang năm 2024 theo quy định tại các Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, theo thẩm quyền phân cấp, quyết định việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước của các chương trình mục tiêu quốc gia chưa giải ngân hết trong năm 2023 đã được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2024 theo quy định tại các Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội.

- Nguyên tắc thực hiện:

+ Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước từ các dự án thành phần không còn đối tượng hỗ trợ, hoặc không đủ điều kiện để giải ngân kinh phí theo quy định, hoặc có tỷ lệ giải ngân thấp để bổ sung dự toán thực hiện các dự án thành phần khác trong cùng chương trình mục tiêu quốc gia phải đảm bảo không vượt tổng dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.

+ Điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự

án đầu tư trong danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trong cùng chương trình mục tiêu quốc gia phải đảm bảo không vượt quá tổng mức vốn đầu tư đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch cho từng chương trình.

### III. VỀ BAN HÀNH QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, TIÊU CHÍ, MẪU HỒ SƠ LỰA CHỌN DỰ ÁN, MÔ HÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

#### 1. Quy định hiện hành

- Tại khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) quy định những hành vi bị nghiêm cấm “4. Quy định thủ tục hành chính trong thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này.”.

- Tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định: “1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”, “2. Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”, “4. Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.”.

- Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, “1. “Thủ tục hành chính” là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức.”

- Tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ), Chính phủ phân cấp cho địa phương quyết định trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định các nội dung chính sách này theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

#### 2. Thực trạng áp dụng và kiến nghị của các địa phương

Qua tổng hợp báo cáo của các địa phương, đến nay có 44 địa phương đã có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định về trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Tuy nhiên, các địa phương này đều phản ánh mất nhiều thời gian hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; làm chậm tiến độ triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất tại địa phương.

Các địa phương cũng phản ánh, do lần đầu xây dựng, ban hành quy định về trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, nên trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn phát sinh một số vướng mắc cần điều chỉnh. Bên cạnh đó, khi phát sinh vấn đề cần điều chỉnh, cũng mất nhiều thời gian xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định.

Trước thực trạng đó, hầu hết các địa phương đề xuất, kiến nghị giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyết định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, mô hình trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất (*bao gồm cả ban hành mới và điều chỉnh các quy định đã ban hành*).

### **3. Đề xuất giải pháp giải xử lý kiến nghị của địa phương**

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án phát triển sản xuất trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã ban hành quy định về trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án phát triển sản xuất trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyết định việc sửa đổi, bổ sung quy định và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại Kỳ họp gần nhất.

## **IV. VỀ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG TRƯỜNG HỢP GIAO CHỦ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT TỰ THỰC HIỆN VIỆC MUA SẮM HÀNG HÓA CHO THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT**

### **1. Quy định hiện hành**

Tại khoản 1 Điều 2 Luật Đấu thầu năm 2023 quy định đối tượng áp dụng Luật Đấu thầu bao gồm hoạt động lựa chọn nhà thầu có sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Đồng thời, tại điểm d khoản 2 Điều 12 Luật Ngân sách nhà nước quy định chi ngân sách nhà nước để mua sắm hàng hóa phải tổ chức đấu thầu theo quy định pháp luật đấu thầu.

Tuy nhiên, Luật Đấu thầu chưa quy định rõ về đối tượng, quy trình, phương pháp đấu thầu mua sắm khi nhà nước giao đối tượng ngoài nhà nước (chủ trì liên kết, tổ, nhóm cộng đồng) tự thực hiện việc mua sắm hàng hóa từ nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước để thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

### **2. Thực trạng áp dụng và kiến nghị của các địa phương**

Việc áp dụng quy định Luật Đấu thầu năm 2013 trong trường hợp giao cho chủ dự án (doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người dân) không gặp vướng mắc, khó khăn và đã được Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023. Tuy nhiên, khi áp dụng quy định tại Luật Đấu thầu năm 2023 đã phát sinh khó khăn, vướng mắc, chưa đủ cơ sở pháp lý để tiếp tục áp dụng cơ chế giao chủ dự án tự thực hiện việc mua sắm hàng hóa từ vốn ngân sách nhà nước. Cụ thể:

- Các đối tượng chủ dự án phát triển sản xuất đều là đối tượng ngoài nhà nước, việc bắt buộc phải thực hiện các quy trình đấu thầu gặp nhiều khó khăn, nhất là đối tượng người dân không thuộc đối tượng “bên mời thầu” theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu thầu năm 2023 để thực hiện các quy trình đấu thầu theo quy định.

- Chủ dự án phát triển sản xuất không đủ điều kiện, hoặc không có khả năng thực hiện (nhất là người dân vùng dân tộc thiểu số) các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 22 (Đấu thầu hạn chế), Điều 23 (Chỉ định thầu), Điều 24 (Chào hàng cạnh tranh), Điều 25 (Mua sắm trực tiếp), Điều 26 (Tự thực hiện) của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

- Chủ dự án không thuộc đối tượng áp dụng quy định tại Điều 27 (Tham gia thực hiện cộng đồng) do hình thức này chỉ áp dụng cho tổ, nhóm thợ tại địa phương tham gia gói thầu xây lắp.

Bên cạnh đó, hàng hóa để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất không chỉ được đầu tư từ ngân sách nhà nước mà còn được đầu tư từ nguồn vốn tự có của chủ dự án. Nếu bắt buộc chủ dự án phải thực hiện các quy định về đấu thầu mua sắm với cả nguồn vốn tự có sẽ không thu hút được các đối tượng này tham gia thực hiện các hoạt động phát triển sản xuất tại địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn, vùng khó khăn.

Trước thực trạng đó, nhiều địa phương kiến nghị cho phép giao các đối tượng ngoài nhà nước (chủ trì liên kết, tổ, nhóm cộng đồng) được tự quyết định phương thức mua sắm hàng hóa; cơ quan nhà nước sẽ thanh toán phần hỗ trợ sau khi có hóa đơn, chứng từ chứng minh việc mua sắm theo đúng nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **3. Đề xuất giải pháp xử lý kiến nghị của các địa phương**

- Chủ dự án phát triển sản xuất được giao thực hiện việc mua sắm hàng hóa từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước được quyết định phương thức mua sắm hàng hóa thuộc nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất phù hợp với nội dung hỗ trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Căn cứ Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, cơ quan quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thanh toán tiền hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho chủ dự án phát triển sản xuất thực hiện việc mua sắm hàng hóa như sau:

+ Trường hợp chủ dự án phát triển sản xuất trực tiếp sản xuất, cung ứng giống cây trồng vật nuôi, cơ quan quản lý dự án thanh toán trực tiếp chi phí sản xuất, cung ứng giống cây trồng vật nuôi theo giá thị trường tại địa bàn thực hiện dự án, hoặc theo định mức hỗ trợ theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Cơ quan tài chính cùng cấp, hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm xác định giá thị trường của hàng hóa trong trường hợp thanh toán theo giá thị trường.

+ Trường hợp chủ dự án ký kết hợp đồng mua sắm hàng hóa với bên cung cấp hàng hóa không phải là thành viên tham gia dự án phát triển sản xuất, chủ dự án có văn bản (hoặc đơn) đề xuất (kèm theo bản gốc hợp đồng mua bán có chứng nhận của cơ quan quản lý dự án) gửi cơ quan quản lý dự án để thực hiện thanh toán cho bên cung cấp hàng hóa. Chủ dự án phát triển sản xuất có trách nhiệm cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh hoạt động mua sắm (bao gồm tài liệu đánh giá, so sánh mức giá bán hàng hóa của bên cung cấp với giá bán hàng hóa cùng loại của tối thiểu 03 nhà cung cấp khác trên thị trường) làm cơ sở quyết toán dự án.

## **V. VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT**

### **1. Quy định hiện hành**

Điều 100 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 quy định chi tiết việc quản lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước (bao gồm tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của dự án).

### **2. Thực trạng áp dụng và kiến nghị của các địa phương**

Tài sản hình thành từ các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước nên phải quản lý theo quy định đối với tài sản công. Tuy nhiên, do các dự án nêu trên có sự tham gia đóng góp của các đối tượng ngoài nhà nước, vì vậy các địa phương gặp khó khăn trong việc theo dõi phần giá trị tài sản được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong và sau khi kết thúc vòng đời dự án hỗ trợ.

Bên cạnh đó, các tài sản hình thành từ dự án được giao cho chủ trì liên kết, người dân quản lý, sử dụng. Do vậy, không phù hợp để thực hiện quy trình quản lý, theo dõi như quy định hiện hành. Trước thực trạng đó, hầu hết các địa phương đề nghị thực hiện cơ chế chuyển giao quyền quản lý, sử dụng và sở hữu tài sản này cho các đối tượng chủ trì liên kết, người dân; quy định tài sản hình thành khi kết thúc vòng đời của dự án không phải là tài sản công.

### **3. Đề xuất giải pháp xử lý kiến nghị của địa phương**

Chính phủ đề xuất giải pháp xử lý tài sản sau khi kết thúc dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia như sau:

#### **a) Phương án 1:**

- Thực hiện chính sách hỗ trợ theo dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, không áp dụng quy định quản lý tài sản công đối với tài sản có vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước dưới 500 triệu đồng, hoặc tài sản hỗ trợ cho cộng đồng người dân tham gia thực hiện dự án phát triển sản xuất. Việc xác định từng loại tài sản cụ thể cho từng đối tượng cụ thể do cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án quyết định khi phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Ưu tiên thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho chủ trì liên kết vay để đầu tư tài sản phục vụ hoạt động phát triển sản xuất có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên; không thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước.

### b) Phương án 2:

- Chủ dự án phát triển sản xuất quản lý, sử dụng tài sản hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước trong thời gian thực hiện dự án. Cơ quan quản lý dự án chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát quá trình quản lý, sử dụng tài sản.

- Sau thời điểm kết thúc dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, cơ quan quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và chủ dự án phát triển sản xuất tổ chức kiểm kê, đánh giá và xử lý tài sản hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước.

+ Trường hợp chủ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị có nhu cầu tiếp tục sử dụng tài sản của dự án, chủ dự án phát triển sản xuất nộp lại ngân sách nhà nước phần giá trị còn lại của tài sản hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước để được tiếp nhận quyền sở hữu tài sản.

+ Trường hợp cộng đồng người dân tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng cùng thống nhất đề xuất tiếp tục sử dụng các tài sản hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước, cơ quan quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xem xét, quyết định giao những tài sản này hỗ trợ cho người dân tiếp tục thực hiện phát triển sản xuất (tài sản đã chuyển giao không phải là tài sản công).

- Cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, căn cứ điều kiện thực tiễn, quyết định việc hỗ trợ, chuyển giao quyền sử dụng, quyền sở hữu các trang thiết bị, công cụ, tài sản có giá trị nhỏ được hình thành từ hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cho đối tượng người dân, hộ gia đình tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Chính phủ quy định tiêu chí xác định các trang thiết bị, công cụ, tài sản có giá trị nhỏ; cơ chế đặc thù trong xác định giá trị còn lại và xử lý tài sản được hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước theo nguyên tắc công khai, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

## VI. VỀ CƠ CHẾ ỦY THÁC VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN CÂN ĐỐI CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

### 1. Quy định hiện hành

- Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công chưa quy định cụ thể việc bố trí vốn đầu tư công nguồn tự cân đối của ngân sách địa phương để ủy thác qua ngân hàng chính sách.

- Quốc hội mới quyết nghị cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh “quyết định bố trí vốn đầu tư công để hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm thông qua việc giao Ủy ban nhân dân Thành phố ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, giải quyết việc làm. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tiêu chí, điều kiện, mức, nội dung, hình thức và thời gian hỗ trợ.” tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội.

## 2. Thực trạng áp dụng và kiến nghị của các địa phương

Qua tổng hợp báo cáo, các địa phương chưa có đủ cơ sở pháp lý để sử dụng vốn đầu tư công để ủy thác qua hệ thống các ngân hàng chính sách hỗ trợ các đối tượng người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia vay vốn với lãi suất ưu đãi để phát triển sản xuất, tạo việc làm. Do vậy, các địa phương này kiến nghị Trung ương bổ sung quy định sử dụng vốn đầu tư công nguồn tự cân đối của ngân sách địa phương ủy thác qua hệ thống ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách hỗ trợ tín dụng của địa phương (tương tự cơ chế Quốc hội đã quyết nghị áp dụng cho Thành phố Hồ Chí Minh).

## 3. Đề xuất giải pháp xử lý kiến nghị của địa phương

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện được quyết định việc bố trí vốn ngân sách cân đối của địa phương (bao gồm: vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển khác, kinh phí thường xuyên) để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới thông qua việc giao Ủy ban nhân dân cùng cấp ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương để thực hiện một số hoạt động phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế và phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm, duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống, Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong triển khai các dự án thành phần thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện từng chính sách tín dụng cho các đối tượng được hỗ trợ vay vốn ưu đãi theo cơ chế ủy thác.

- Đối tượng được hỗ trợ vay vốn ưu đãi bao gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn, huyện nghèo; cá nhân người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt và giao dự toán, kế hoạch để thực hiện ủy thác:

+ Việc lập dự toán, phương án phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước (bao gồm chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) hằng năm để ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương thực hiện theo cơ chế lập dự toán, phương án phân bổ ngân sách địa phương theo quy định Luật Ngân sách nhà nước.

+ Việc lập, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm để ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương theo trình tự quy định tại Điều 62, Điều 63 Luật Đầu tư công. Giao kế hoạch đầu tư công theo nội dung thực hiện ủy thác (không theo danh mục chương trình, dự án đầu tư công).



## VII. VỀ CƠ CHẾ PHÂN CẤP CHO CẤP HUYỆN TRONG QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

### 1. Quy định hiện hành và chủ trương của Quốc hội

#### a) Quy định hiện hành:

Tại khoản 2 Điều 12 Luật Ngân sách nhà nước quy định “*Đối với chi thường xuyên phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định*”.

Tại Điều 19 Luật Ngân sách nhà nước quy định Quốc hội quyết định phân bổ ngân sách trung ương, quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước trong trường hợp cần thiết.

Căn cứ quy định này, các địa phương không có thẩm quyền điều chỉnh vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, cơ cấu giữa chi thường xuyên và chi đầu tư. Trong trường hợp phát sinh điều chỉnh, phải báo cáo Quốc hội quyết định.

#### b) Chủ trương của Quốc hội

Tại Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023, Quốc hội giao Chính phủ “*nghiên cứu, đề xuất thực hiện thí điểm việc phân cấp cho cấp huyện chủ động quyết định, điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn, danh mục dự án đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn, báo cáo Quốc hội khi tiến hành giám sát tối cao chuyên đề về 03 chương trình mục tiêu quốc gia tại Kỳ họp thứ 6*”.

### 2. Thực trạng áp dụng và kiến nghị của các địa phương

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội, Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các bộ, ngành và địa phương khảo sát nhu cầu, xây dựng, đề xuất nội dung cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Theo báo cáo, có 52 địa phương báo cáo về nhu cầu thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình. Trong đó:

+ Có 49 địa phương không đề xuất cơ chế thí điểm, lý do: (1) Công tác phân bổ, giao kế hoạch ĐTC trung hạn và hằng năm tại các cấp đã cơ bản hoàn thành, không phát sinh vướng mắc khó khăn; (2) Nhiều địa phương đã lựa chọn phân cấp cho cấp huyện quyết định danh mục dự án đầu tư công; (3) Cơ chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG cơ bản đã hoàn thành, vận hành ổn định. Nếu thực hiện cơ chế thí điểm, địa phương sẽ mất thêm thời gian cho việc ban hành thể chế, trong khi thời gian thực hiện chỉ còn 02 năm.

+ Có 03 địa phương (bao gồm các tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang và Lào Cai) đề xuất thực hiện cơ chế thí điểm tập trung vào hai cơ chế: (1) Địa phương được điều chỉnh vốn giữa các CTMTQG cho nhau; (2) Địa phương được điều chỉnh từ vốn sự nghiệp sang vốn đầu tư.

- Qua theo dõi giám sát, đánh giá, năm 2023, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã giải ngân được khoảng 28.180 tỷ đồng vốn của 03 chương trình mục tiêu quốc gia (đã bao gồm vốn năm 2022 được kéo dài sang năm 2023), đạt 43% kế hoạch, trong đó: vốn đầu tư phát triển khoảng 21.500 tỷ đồng, đạt 59%; vốn sự nghiệp khoảng 6.680 tỷ đồng, đạt khoảng 23%. Việc chậm giải ngân vốn do nhiều nguyên nhân, có cả nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan. Trong đó, việc xác định, dự báo đối tượng thụ hưởng, xây dựng cơ chế phân bổ, sử dụng chưa được tính toán kỹ lưỡng là một trong những nguyên nhân dẫn tới một số nội dung thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo bền vững không còn đối tượng để thực hiện dự toán chi, chưa giải ngân được kinh phí thường xuyên được giao. Nhiều địa phương kiến nghị các cơ quan trung ương cho phép các địa phương được điều chỉnh linh động phần kinh phí không còn đối tượng chi, hoặc thực hiện không có hiệu quả để tập trung vốn thực hiện các nội dung, hoạt động, dự án có hiệu quả.

### 3. Giải pháp xử lý kiến nghị của địa phương

a) **Phương án 1:** Chưa áp dụng cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong giai đoạn 2024-2025; quy định nguyên tắc định hướng thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030. Cụ thể:

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tiêu chí lựa chọn huyện thực hiện cơ chế thí điểm theo nguyên tắc ưu tiên huyện đã hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; có nhiều điển hình cách làm hay trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; có kết quả đánh giá sự hài lòng của người dân của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện đạt trên 70%.

- Nội dung phân cấp:

+ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm cho huyện được lựa chọn thí điểm theo tổng số vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 và hằng năm giao cho huyện được lựa chọn thí điểm; thực hiện kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện.

+ Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định việc phân bổ vốn thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết đến từng dự án thành phần thuộc từng chương trình mục tiêu quốc gia; danh mục dự án đầu tư công thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

b) **Phương án 2:** Thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. Cụ thể:

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, căn cứ điều kiện thực tiễn, được quyết định lựa chọn một huyện (01 huyện) thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao mục tiêu, nhiệm vụ, yêu cầu cụ thể đối với từng chương trình mục tiêu quốc gia cho cấp huyện được lựa chọn thí điểm.

- Hội đồng nhân dân cấp huyện được quyết định điều chỉnh phương án phân bổ vốn đầu tư công, kinh phí thường xuyên giữa các chương trình mục tiêu quốc gia trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm đã được cấp có thẩm quyền giao; cơ cấu nguồn vốn ngân sách nhà nước giữa chi đầu tư, chi thường xuyên của các dự án thành phần không còn đối tượng hỗ trợ để tập trung vốn thực hiện các dự án thành phần khác thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Nguyên tắc thực hiện:

+ Điều chỉnh phương án phân bổ vốn, cơ cấu nguồn vốn ngân sách nhà nước phải đảm bảo nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các chính sách, chế độ hỗ trợ cho người dân, hộ gia đình thuộc nội dung thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia. Việc sử dụng từng loại nguồn vốn sau khi được điều chỉnh cơ cấu giữa chi đầu tư, chi thường xuyên phải tuân thủ đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định có liên quan.

+ Tổng hợp, giải trình quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm của các huyện thực hiện cơ chế thí điểm được thực hiện theo dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện điều chỉnh.

## **VIII. VỀ GIAO DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN, ĐẦU TƯ VỐN HẰNG NĂM ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN QUY MÔ NHỎ, KỸ THUẬT KHÔNG PHỨC TẠP**

### **1. Quy định hiện hành**

Quy định hiện hành của Luật Đầu tư công năm 2019 quy định phải thực hiện việc lập và giao danh mục dự án đầu tư công trung hạn (Điều 62); việc phân bổ vốn đầu tư công hằng năm phải trên cơ sở danh mục dự án đầu tư công trung hạn (Điều 50).

### **2. Thực trạng áp dụng và kiến nghị của các địa phương**

Thực hiện quy định tại Nghị quyết số 25/2021/QH15, Chính phủ đã ban hành quy định về cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện các dự án đầu tư quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP. Trong đó, từ Điều 13 đến Điều 19 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã quy định tiêu chí lựa chọn dự án quy mô nhỏ kỹ thuật không phức tạp, quy trình lập hồ sơ, thẩm định hồ sơ, lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án này...

Trong quá trình tổ chức thực hiện, cơ chế này đã tạo điều kiện cho địa phương phân cấp cho cấp xã thực hiện các loại dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp. Tuy vậy, địa phương phản ánh còn gặp khó khăn khi không thể xác định chính

xác từng dự án này từ đầu giai đoạn để giao kế hoạch đầu tư công trung hạn. Để thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công, các địa phương chỉ dự kiến tên dự án, tổng mức đầu tư, chưa xác định được chính xác quy mô, vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và khả năng đối ứng, tham gia của người dân. Do vậy, trong quá trình thực hiện hằng năm, sau khi xác định rõ được phần đóng góp của người dân để xác định phần vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phải thực hiện các quy trình điều chỉnh trung hạn để đủ điều kiện phân bổ vốn hằng năm. Quy trình này làm chậm quá trình triển khai thực hiện và không khuyến khích các địa phương áp dụng cơ chế đặc thù, trao quyền cho người dân tham gia vào quá trình đầu tư, xây dựng các công trình.

### 3. Giải pháp xử lý kiến nghị của địa phương

- Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn thực hiện các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo tổng vốn thực hiện các dự án; không bắt buộc giao tên danh mục dự án trong trung hạn.

- Phân bổ, giao kế hoạch đầu tư vốn hằng năm thực hiện các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp chi tiết đến từng dự án theo nguyên tắc tổng vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước lũy kế đến thời điểm giao vốn không vượt quá tổng vốn thực hiện các dự án này trong kế hoạch trung hạn

*(Dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật, không phức tạp theo cơ chế đặc thù đáp ứng các tiêu chí sau: (i) Thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia; (ii) Dự án nằm trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã, do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; (iii) Tổng mức đầu tư dự án không vượt quá 05 tỷ đồng; (iv) Kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện).*

Trên đây là Báo cáo của Chính phủ về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

**BÁO CÁO**  
**TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CÁC THÀNH VIÊN CHÍNH PHỦ VÀO HỒ SƠ TRÌNH**  
**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI SAU KHI TIẾP THU Ý KIẾN CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC**  
**HỘI TẠI PHIÊN HỌP LẦN THỨ 29 NGÀY 08 THÁNG 01 NĂM 2024**  
*(Kèm theo Tờ trình số 13/TTr-CP ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ)*

STT	Tóm tắt ý kiến các Thành viên Chính phủ (Phiếu lấy ý kiến số 37/PLYK/2024 ngày 11/01/2024)	Nội dung giải trình, tiếp thu
<b>I</b>	<b>Các Thành viên Chính phủ đồng ý hoàn toàn với Hồ sơ dự thảo Nghị quyết</b>	
	20 ý kiến các Thành viên Chính phủ đồng ý hoàn toàn với Hồ sơ dự thảo Nghị quyết.	
<b>II</b>	<b>Các Thành viên Chính phủ đồng ý thông qua Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và có ý kiến tham gia góp ý</b>	
1	Ý kiến của đồng chí Trần Hồng Hà - Phó Thủ tướng chính phủ: Đồng ý thông qua sau khi tiếp thu, hoàn thiện theo quy định của pháp luật, quy chế làm việc của Chính phủ.	Cơ quan soạn thảo đã rà soát, tiếp thu ý kiến đồng chí Hồ Đức Phớc - Bộ trưởng Bộ Tài chính, bổ sung hoàn thiện các Tờ trình của Chính phủ, dự thảo Nghị quyết của Quốc hội.
2	Ý kiến của đồng chí Hồ Đức Phớc - Bộ trưởng Bộ Tài chính đề nghị:	
(1)	Đối với giải thích từ ngữ (khoản 6 Điều 3 dự thảo Nghị quyết), đề nghị: - Bổ sung cuối khoản 6 Điều 3 nội dung: “Thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành”. Lý do: Điều 14 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG đã	Cơ quan soạn thảo đã giải trình như sau:  - Tiếp thu, bổ sung hoàn thiện quy định tại khoản 6 Điều 3 dự thảo Nghị quyết.

STT	Tóm tắt ý kiến các Thành viên Chính phủ (Phiếu lấy ý kiến số 37/PLYK/2024 ngày 11/01/2024)	Nội dung giải trình, tiếp thu
	<p>quy định tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù. Vì vậy, đề nghị thêm nội dung như trên để thống nhất giữa quy định tại Nghị quyết của Quốc hội và Nghị định của Chính phủ, tránh vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện (hiện nay, các địa phương đã và đang thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP).</p> <p>- Đồng thời, đề nghị bổ sung nội dung giải thích cụ thể từ “kỹ thuật không phức tạp” để thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện.</p>	<p>Thực hiện quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, các địa phương đã xác định danh mục loại dự án đặc thù, trong đó, đã thực hiện xác định các dự án có “kỹ thuật không phức tạp” là dự án không nằm trong danh mục công trình có “kỹ thuật phức tạp” theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP<sup>1</sup>. Do vậy, không cần thiết bổ sung giải thích từ ngữ “kỹ thuật không phức tạp” tại Nghị quyết của Quốc hội.</p>
(2)	<p>Đối với chính sách về sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp giao chủ dự án phát triển sản xuất tự thực hiện việc mua sắm hàng hóa cho hoạt động phát triển sản xuất (khoản 4 Điều 4 dự thảo Nghị quyết), đề nghị bổ sung quy định mức tối đa mua sắm hàng hóa (không qua đấu thầu) để đảm bảo nguyên tắc vừa tạo điều kiện triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, nhưng cũng phải đảm bảo nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước đúng mục đích, hiệu quả, tránh thất thoát.</p>	<p>Theo quy định Luật Đấu thầu năm 2023, chủ đầu tư (doanh nghiệp, hợp tác xã, ...) cũng thuộc đối tượng thực hiện quy định đấu thầu khi sử dụng vốn ngân sách nhà nước mua sắm hàng hóa thông qua các phương thức: Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, hoặc tự thực hiện. Tuy nhiên, chủ dự án phát triển sản xuất (bao gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người dân) không đủ điều kiện để thực hiện phương thức “Tự thực hiện” như quy định tại Điều 26 Luật Đấu thầu. Vì vậy, tại dự thảo Nghị</p>

<sup>1</sup> Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ đã quy định Danh mục công trình quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp (tại Phụ lục VIII kèm theo Nghị định).

STT	Tóm tắt ý kiến các Thành viên Chính phủ (Phiếu lấy ý kiến số 37/PLYK/2024 ngày 11/01/2024)	Nội dung giải trình, tiếp thu
		<p>quyết cơ chế đặc thù cho phép những đối tượng này được thực hiện phương thức “tự thực hiện” việc mua sắm hàng hóa. Bên cạnh đó, Luật Đấu thầu 2023 không quy định mức tối đa mua sắm hàng hóa không phải qua đấu thầu mà chỉ quy định đối tượng khi mua sắm không phải qua đấu thầu. Do vậy, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa có đầy đủ cơ sở để tiếp thu.</p>
(3)	<p>Đối với chính sách đặc thù về quản lý, sử dụng tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (khoản 5 Điều 4 dự thảo Nghị quyết): Bộ Tài chính thống nhất với Phương án 2. Theo đó, không áp dụng quy định quản lý tài sản công đối với tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng hoặc tài sản hỗ trợ cho cộng đồng người dân tham gia thực hiện dự án phát triển sản xuất, việc xác định từng loại tài sản cụ thể cho từng đối tượng cụ thể do cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án quyết định khi phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Bên cạnh đó, đối với quy định về ưu tiên thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với các tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng: Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn và khả năng cân đối nguồn lực để thực hiện chính sách.</p>	<p>- Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính, cơ quan quản lý nhà nước về tài sản công, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất đảo Phương án thành Phương án 1 để thể hiện quan điểm ưu tiên của Chính phủ.</p> <p>- Qua rà soát quy định pháp luật hiện hành, chưa có quy định về việc hỗ trợ vay vốn ưu đãi để đầu tư tài sản cho phát triển sản xuất. Tuy nhiên, xuất phát từ thực tiễn và đặc thù triển khai các CTMTQG, đề xuất cơ chế đặc thù chưa được quy định tại các Luật, Nghị quyết của Quốc hội. Hiện tại, chính sách tín dụng ưu đãi cho thực hiện các CTMTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&amp;MN đã được quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP; các địa phương</p>

STT	Tóm tắt ý kiến các Thành viên Chính phủ (Phiếu lấy ý kiến số 37/PLYK/2024 ngày 11/01/2024)	Nội dung giải trình, tiếp thu
		đang cân đối nguồn lực ủy thác sang hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay ưu đãi các đối tượng thuộc CTMTQG. Bên cạnh đó, tại dự thảo Nghị quyết này đang đề xuất bổ sung cơ chế đặc thù sử dụng vốn NSDP ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay các tượng của CTMTQG. Việc cân đối nguồn lực thực hiện chính sách do các địa phương cân đối tính toán để triển khai thực hiện.
(4)	Về cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG (khoản 7 Điều 4 Dự thảo Nghị quyết), đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan chủ trì) lựa chọn phương án trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.	Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cơ quan soạn thảo đã đề xuất làm rõ nội dung tại Tờ trình của Chính phủ.



**BÁO CÁO**  
**TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CÁC THÀNH VIÊN CHÍNH PHỦ VÀO HỒ SƠ TRÌNH**  
**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI TẠI TỜ TRÌNH SỐ 686/TTR-CP NGÀY 08 THÁNG 12 NĂM 2023**  
*(Kèm theo Tờ trình số 13/TTr-CP ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ)*

STT	Tóm tắt ý kiến các Thành viên Chính phủ (Phiếu lấy ý kiến số 497/PLYK/2023 ngày 07/12/2023)	Nội dung giải trình, tiếp thu
<b>I</b>	<b>Các Thành viên Chính phủ đồng ý hoàn toàn với Hồ sơ dự thảo Nghị quyết</b>	
	18 ý kiến các Thành viên Chính phủ đồng ý hoàn toàn với Hồ sơ dự thảo Nghị quyết.	
<b>II</b>	<b>Các Thành viên Chính phủ đồng ý thông qua Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và có ý kiến tham gia góp ý</b>	
1	Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà đồng ý thông qua sau khi tiếp thu, giải trình toàn bộ ý kiến các Thành viên Chính phủ.	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, giải trình các ý kiến Thành viên Chính phủ.
2	Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang đề nghị bổ sung các quy định: (1) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện sau khi điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn kéo dài phải báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp (tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị quyết); (2) Nguyên tắc chuyển giao tài sản cho cộng đồng người dân phải trên cơ sở sự thống nhất và đề nghị cụ thể của chủ trì liên kết, cộng đồng.	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, bổ sung, hoàn chỉnh tại điểm b khoản 2 và điểm b, điểm c khoản 5 Điều 4 dự thảo Nghị quyết.
3	Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái đề nghị tại khoản 8 Điều 4 dự thảo Nghị quyết sửa thành cơ chế đặc thù áp	Cơ quan soạn thảo đã giải trình như sau: - Việc đề xuất cơ chế đặc thù không bắt buộc giao danh mục đầu tư công trung hạn đối với dự án đầu tư quy mô

STT	Tóm tắt ý kiến các Thành viên Chính phủ (Phiếu lấy ý kiến số 497/PLYK/2023 ngày 07/12/2023)	Nội dung giải trình, tiếp thu
	<p>dụng cho tất cả dự án đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia.</p>	<p>nhỏ, kỹ thuật không phức tạp tại khoản 8 Điều 4 dự thảo Nghị quyết để thống nhất với chủ trương đề xuất cơ chế đặc thù đã được Chính phủ thông qua tại các Tờ trình số 444/TTr-CP ngày 12 tháng 9 năm 2023, số 557/TTr-CP ngày 16 tháng 10 năm 2023 trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.</p> <p>- Trong triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương đã được áp dụng cơ chế đặc thù không phải phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư cụ thể theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 18 Luật Đầu tư công. Bên cạnh đó, nhiều dự án, công trình đầu tư thực hiện các chương trình có quy mô lớn (như: các dự án đầu tư các trường đào tạo về công tác dân tộc trực thuộc Ủy ban Dân tộc, Bộ Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;...). Do vậy, nếu ban hành cơ chế cho phép không cần xác định danh mục đối với tất cả dự án trong trung hạn sẽ vừa không phù hợp với quy định Luật Đầu tư công hiện hành, vừa có thể dẫn đến tình trạng tùy tiện trong phê duyệt, bố trí vốn thực hiện dự án, ảnh hưởng tới mục tiêu thực hiện của từng Chương trình mục tiêu quốc gia.</p> <p>Từ những lý do nêu trên, Cơ quan soạn thảo kiến nghị, trong giai đoạn này chỉ đề xuất cơ chế đặc thù đối với dự án đầu tư quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp. Việc mở rộng đối tượng áp dụng cơ chế đặc thù sẽ được nghiên</p>

STT	<b>Tóm tắt ý kiến các Thành viên Chính phủ</b> (Phiếu lấy ý kiến số 497/PLYK/2023 ngày 07/12/2023)	<b>Nội dung giải trình, tiếp thu</b>
		cứu, đề xuất sau khi có kết quả đánh giá tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 2021-2025.

## BÁO CÁO

### TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP VÀO HỒ SƠ TRÌNH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI TẠI TỜ TRÌNH SỐ 686/TTR-CP NGÀY 08 THÁNG 12 NĂM 2023 (Kèm theo Tờ trình số 13/TTr-CP ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ)

STT	Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)	Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)
I	<b>Về Sự cần thiết ban hành Nghị định, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng</b>	
1	<b>Về sự cần thiết:</b> Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm thực hiện một số cơ chế đặc thù để tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 là cần thiết, có cơ sở đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đã được đặt ra tại Nghị quyết số 120/2020/QH15; Nghị quyết số 24/2021/QH15; Nghị quyết số 25/2021/QH15.	
2	<b>Về phạm vi điều chỉnh:</b> - Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết đã trên cơ sở các chính sách đã được Chính phủ đề xuất tại các Tờ trình số 444/TTr-CP và Tờ trình số 557/TTr-CP và trong bối cảnh nhằm giải quyết các vướng mắc, bất cập khi triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 theo phản ánh của các Bộ, ngành, địa phương là có cơ sở.	

STT	Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)	Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)
	<p>- Dự thảo Nghị quyết <b>chưa thể hiện nội dung xử lý một số kiến nghị của địa phương liên quan đến việc thực hiện kết luận kiểm toán của Kiểm toán nhà nước</b> đối với việc thu hồi kinh phí, hoàn trả ngân sách nhà nước trong triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo yêu cầu tại Nghị quyết số 108/2023/QH15.</p> <p>Tại Mục IV Tờ trình số 10035/TTr-BKHĐT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận định “chưa có đầy đủ cơ sở để tổng hợp, đề xuất cơ chế đặc thù, thí điểm xử lý các vấn đề liên quan đến thực hiện kết luận kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngay tại Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Quốc hội tại Kỳ họp tháng 01 năm 2024” và kiến nghị Chính phủ chưa báo cáo Quốc hội xem xét cơ chế thí điểm xử lý kiến nghị của các địa phương liên quan đến thực hiện các kết luận kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước tại Kỳ họp tháng 01 năm 2024.</p> <p>Như vậy, cho đến nay <b>chưa có cơ sở, căn cứ đề xuất chính sách về nội dung này nên đề xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là hợp lý.</b> Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, hoàn thiện nội dung giải trình và chịu trách nhiệm về vấn đề này.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, bổ sung làm rõ tại dự thảo Tờ trình của Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.</p>
3	<p><b>Về đối tượng áp dụng:</b></p> <p>Điều 2 dự thảo Nghị quyết (đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết) đang theo hướng liệt kê các đối tượng tham gia hoặc liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Tuy nhiên, các liệt kê như quy định tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết có thể chưa đầy đủ các đối tượng có liên quan đến chương trình. Vì vậy,</p>	<p>Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, hoàn thiện quy định về đối tượng áp dụng tại dự thảo Nghị quyết của Quốc hội.</p>

STT	Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)	Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)
	đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, thể hiện lại đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết cho phù hợp.	
II	<b>Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết đã thông qua</b>	
	Bộ Tư pháp nhận thấy các nội dung tại dự thảo Nghị quyết <b>co bản thống nhất, phù hợp với phạm vi điều chỉnh và các chính sách đã được đề cập tại Tờ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 444/TTr-CP và Tờ trình Quốc hội số 557/TTr-CP; đồng thời, có bổ sung chính sách về cơ chế phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Đối với chính sách mới (chưa được đề cập tại Tờ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 444/TTr-CP và Tờ trình Quốc hội số 557/TTr-CP), nhưng đây là nội dung đã được Quốc hội giao tại Nghị quyết số 100/2023/QH15 và Nghị quyết số 108/2023/QH15.</b>	
III	<b>Về sự phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước</b>	
	Dự thảo Nghị quyết quy định một số cơ chế đặc thù nhằm để thể chế hóa các chính sách về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 theo hướng tăng cường phân cấp, trao quyền, tạo điều kiện thuận lợi cho các bộ, ngành, địa phương đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện, hoàn thành mục tiêu từng chương trình <b>theo yêu cầu của Quốc hội; phù hợp Văn kiện Đại</b>	

STT	Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)	Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)
	<b>hội Đảng khóa XIII</b> (nội dung Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030 liên quan đến triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia); <b>phù hợp với chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia</b> tại các Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020, Nghị quyết số 24/2021/QH15 và Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội.	
<b>IV</b>	<b>Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, thống nhất, đồng bộ của dự thảo Nghị quyết trong hệ thống pháp luật</b>	
<b>1</b>	<b>Ý kiến chung:</b>	
<b>1.1</b>	Nội dung dự thảo Nghị quyết <b>không trái với quy định tại Hiến pháp năm 2013</b> . Việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 <b>phù hợp các quy định của Hiến pháp</b> , như: “chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước” (khoản 4 Điều 5 Hiến pháp năm 2013); về quyền được bảo đảm an sinh xã hội (Điều 34 Hiến pháp năm 2013)...	
<b>1.2</b>	Về tính hợp pháp, thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật, Bộ Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết có một số quy định khác với các luật hiện hành có liên quan như Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đấu thầu, Luật Ban hành văn bản quy	

STT	Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)	Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)
	<p>phạm pháp luật.... Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Quốc hội có thẩm quyền ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”. Do đó, <b>việc trình Quốc hội ban hành Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 là phù hợp về thẩm quyền.</b></p>	
1.3	<p>Hiện nay, dự thảo Nghị quyết có quy định “Chính phủ quy định cơ chế đặc thù trong xác định giá trị còn lại và xử lý tài sản được hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước theo nguyên tắc công khai, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành chính” (điểm đ khoản 5 Điều 4); giao Chính phủ “Ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù để triển khai Nghị quyết này đảm bảo kịp thời, đồng bộ và theo hướng cải cách thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp cho các địa phương” (điểm b khoản 1 Điều 5). Đề nghị cân nhắc lại để bảo đảm đúng thẩm quyền vì nếu là cơ chế đặc thù thì cần có quy định khác luật nên không thể giao Chính phủ ban hành mà cần có quy định trong Nghị quyết, ít nhất là các nguyên tắc để Chính phủ hướng dẫn chi tiết. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh sửa lại.</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, bổ sung hoàn thiện nội dung tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết. Theo đó, không đề xuất Chính phủ quy định các cơ chế đặc thù.</p> <p>- Đối với nội dung “Chính phủ quy định cơ chế đặc thù trong xác định giá trị còn lại và xử lý tài sản được hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước theo nguyên tắc công khai, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành chính” (điểm đ khoản 5 Điều 4), Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất giữ nguyên nội dung tại dự thảo. Lý do:</p>



STT	Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)	Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)
		<p>(1) Việc xác định giá trị còn lại và xử lý tài sản theo quy định của pháp luật hiện hành có nhiều quy trình, nhiều phương pháp chỉ áp dụng cho tài sản được hình thành từ ngân sách nhà nước, không thực sự phù hợp với đánh giá các tài sản sản được hình thành từ cả vốn hỗ trợ của nhà nước, vốn tự có của đối tượng ngoài nhà nước. Do vậy, nếu không cho phép Chính phủ quy định cơ chế đặc thù thì sẽ không có cơ sở để Chính phủ quy định một quy trình khác so với các quy định hiện hành.</p> <p>(2) Việc giao Chính phủ quy định các chính sách đặc thù đã từng được Quốc hội quyết nghị tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 (giao Chính phủ trong quản lý, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp; Chính phủ đã ban hành Nghị định số 27/2022/NĐ-CP để quy định chi tiết cơ chế đặc thù này).</p>
2	<b>Ý kiến cụ thể:</b>	
2.1	Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định: “Nghị quyết này quy định thí điểm thực hiện các cơ chế đặc thù để tháo gỡ một số khó khăn, vướng	Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, bổ sung hoàn

STT	<p style="text-align: center;"><b>Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp</b> (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)</p>	<p style="text-align: center;"><b>Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết</b> (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)</p>
	<p>mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 2021 - 2025”; khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị quyết quy định: “Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày tháng 01 năm 2024 đến hết thời gian thực hiện, giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025”. Theo quy định tại các Nghị quyết của Quốc hội: Nghị quyết số 120/2020/QH15; Nghị quyết số 24/2021/QH15 thì thời gian thực hiện các các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030. Mặt khác, hiện nay đã gần cuối năm 2023, dự thảo Nghị quyết nếu được ban hành thì các quy định thí điểm thực hiện các cơ chế đặc thù chỉ được áp dụng trong 02 năm (là năm 2024 và năm 2025). Như vậy, nếu quy định như tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết có thể hiểu Nghị quyết này áp dụng cả giai đoạn 2021-2025 (đến hết 31/12/2025); nếu quy định như tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị quyết “đến hết thời gian thực hiện, giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia” là chưa cụ thể, rõ ràng. Do đó, để đảm bảo tính khả thi, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, quy định rõ tại dự thảo Nghị quyết thời gian cụ thể áp dụng đối với các cơ chế đặc thù đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho phù hợp.</p>	<p>thiện nội dung tại Điều 6 dự thảo Nghị quyết. Theo đó, thời hạn áp dụng các cơ chế đặc thù theo thời gian thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia được Quốc hội quyết nghị.</p>

STT	<p style="text-align: center;"><b>Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp</b> (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)</p>	<p style="text-align: center;"><b>Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết</b> (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)</p>
2.2	<p>Để có căn cứ, cơ sở thực hiện tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết (giải thích từ ngữ) đề nghị rà soát, thể hiện lại:</p>	
a)	<p>Khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định “Dự án đầu tư đặc thù là dự án, công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, có sự tham gia của người dân...”. Quy định như vậy đang theo hướng dùng khái niệm “dự án, công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp” để giải thích “Dự án đầu tư đặc thù” là chưa rõ ràng, cụ thể. Mặt khác, hiện nay, khái niệm dự án đầu tư quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp được quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020. Tuy nhiên, khái niệm nêu trên chỉ được áp dụng trong giai đoạn 2016 - 2020. Vì vậy, để có căn cứ triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025, đề nghị bổ sung quy định về “dự án đầu tư quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp”.</p>	<p>- Đối với các “dự án đầu tư quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp” đã được Quốc hội quyết nghị tại Nghị quyết số 25/2021/QH15; đồng thời, giao Chính phủ quy định cơ chế đặc thù quản lý, thực hiện loại dự án này.</p> <p>- Trên cơ sở đó, Chính phủ đã quy định tiêu chí xác định “dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp” tại Điều 14 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.</p> <p>Do vậy, không cần quy định khái niệm về “dự án đầu tư quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp” tại Nghị quyết đặc thù. Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, hoàn chỉnh tên loại dự án này đảm bảo thống nhất với tên dự án đã được quy định tại Nghị quyết số 25/2021/QH15.</p>
b)	<p>Điều 3 dự thảo Nghị quyết đang sử dụng cụm từ “được cấp có thẩm quyền phê duyệt” (khoản 3, khoản 4). Quy định như vậy có thể gây khó khăn trong quá trình xác định cơ quan nào là “cấp có thẩm quyền”. Vì vậy, đề nghị rà soát, quy định rõ tại dự thảo Nghị quyết.</p>	<p>Cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đã được quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, bao gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Giám đốc sở, ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Bộ</p>

STT	Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)	Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)
		trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ; hoặc Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc các bộ, cơ quan trung ương.
c)	<p>Một số khái niệm quy định tại dự thảo Nghị quyết (Điều 3) đã được quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 38/2023 ngày 24/6/2023 của Chính phủ) như: dự án thành phần (khoản 1); chủ trì liên kết, đối tượng liên kết (khoản 3)... do đó, đề nghị cân nhắc sự cần thiết quy định lại tại dự thảo Nghị quyết. Đồng thời, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, thể hiện cho thống nhất, tránh việc đưa ra khái niệm mới không rõ ràng, có thể không khả thi, gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện giữa dự thảo Nghị quyết và Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ví dụ: “Đơn vị chủ trì liên kết là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã” (khoản 4 Điều 3) với khái niệm “chủ trì liên kết” tại dự thảo Nghị quyết (khoản 3 Điều 3).</p>	<p>Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, bổ sung hoàn thiện nội dung quy định một số khái niệm tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết để đảm bảo sự thống nhất với các thuật ngữ đã quy định tại các Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, số 38/2023/NĐ-CP.</p>
2.3	Về các cơ chế đặc thù trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 (Điều 4)	
a)	<p>Liên quan đến điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước của từng chương trình mục tiêu quốc gia (khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị quyết). Đây là nội dung bổ sung so với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết (kèm theo Công văn 9044/BKHĐT-TCTT ngày 31/10/2023) và hồ</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, bổ sung hoàn thiện nội dung quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị quyết và dự thảo Tờ trình của</p>

STT	<p align="center"><b>Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp</b> (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)</p>	<p align="center"><b>Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết</b> (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)</p>
	<p>sơ dự thảo Nghị quyết (kèm theo Công văn 9045/BKHĐT-TCTT ngày 31/10/2023); vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo, thuyết minh sự cần thiết khi bổ sung quy định này.</p> <p>Ngoài ra, việc điều chỉnh dự toán ngân sách của từng chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (điểm b khoản 2 Điều 4) đều thực hiện đối với các dự án không có khả năng giải ngân trong khi đã được phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, kế hoạch vốn đầu tư hằng năm. Quy định như vậy chưa phân biệt được trường hợp nào do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh, trường hợp nào do Hội đồng nhân dân cấp huyện điều chỉnh. Vì vậy, để đảm bảo tính khả thi, đề nghị quy định cụ thể tại dự thảo Nghị quyết thẩm quyền điều chỉnh của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Hội đồng nhân dân cấp huyện. Việc phân cấp cho địa phương được điều chỉnh dự toán ngân sách là cần thiết nhưng cần có quy định rõ tiêu chí, căn cứ để giám sát, bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu, chỉ tiêu của các chương trình. Ngoài ra đề nghị cần nhắc làm rõ khái niệm “không có khả năng giải ngân” để áp dụng thống nhất, tránh lạm dụng.</p>	<p>Chính phủ, Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.</p> <p>- Tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) đã quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ đến dự án đầu tư công.</p> <p>Tại khoản 6 Điều 67 Luật Đầu tư công quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn hằng năm theo nguyên tắc không vượt tổng mức vốn giao kế hoạch.</p> <p>Do vậy, việc quy định cả Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Hội đồng nhân dân cấp huyện đều quyết định việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước; quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn hằng năm từ dự án đầu tư không có khả năng giải ngân vốn cho các dự án đầu tư khác trong tổng mức vốn đã được giao là phù hợp.</p>
b)	Về thẩm quyền ban hành trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa	Theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 4 Điều 14), Hội đồng

STT	<p align="center"><b>Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp</b> (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)</p>	<p align="center"><b>Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết</b> <b>(Bộ Kế hoạch và Đầu tư)</b></p>
	<p>chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (khoản 3 Điều 4)</p> <p>Dự thảo Nghị quyết đang được dự kiến theo hai hướng: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định (bao gồm cả nội dung chưa ban hành và nội dung điều chỉnh). Tuy nhiên, dự thảo Tờ trình chưa lý giải khi cùng một lúc vừa giao cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cùng cấp đều ban hành trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất. Mặt khác, theo thông tin thì, các địa phương này đều phản ánh mất nhiều thời gian hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật làm chậm tiến độ triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất tại địa phương...; khi phát sinh vấn đề cần điều chỉnh, cũng mất nhiều thời gian xây dựng trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định; hầu hết các địa phương đề xuất, kiến nghị giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyết định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất bao gồm cả ban hành mới và điều chỉnh các quy định đã ban hành. Quy định như vậy thì các địa phương vẫn phải trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết phân cấp cho Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất nên vẫn mất thời gian. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa cho phù hợp, có thể quy định cho phép Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định này.</p>	<p>nhân dân cấp tỉnh mới có thẩm quyền ban hành quy định liên quan đến thủ tục hành chính; đồng thời, quy định những hành vi bị nghiêm cấm “4. Quy định thủ tục hành chính trong.. quyết định của Ủy ban nhân dân..”.</p> <p>Bên cạnh đó, đến thời điểm hiện tại đã có 53 địa phương có Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh ban hành quy định này. Việc quy định đồng thời cả HĐND và UBND cấp tỉnh đều được ban hành quy định mới, hoặc điều chỉnh quy định cũ sẽ khó khăn cho các địa phương trong tổ chức áp dụng.</p> <p>Do vậy, trong giai đoạn này vẫn thực hiện quy định HĐND cấp tỉnh quyết định, đồng thời, bổ sung cơ chế đặc thù cho phép HĐND cấp tỉnh được giao cho UBND cấp tỉnh quyết định chính sách mới, điều chỉnh chính sách cũ.</p>

STT	<p style="text-align: center;"><b>Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp</b> (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)</p>	<p style="text-align: center;"><b>Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết</b> (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)</p>
c)	<p>Về quản lý, sử dụng tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (khoản 5 Điều 4)</p> <p>- Khoản 5 Điều 4 dự thảo Nghị quyết quy định về quản lý, sử dụng tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; sau khi kết thúc dự án hỗ trợ phát triển sản xuất sẽ xuất hiện: giá trị còn lại của tài sản sau khi kết thúc dự án và tài sản được hình thành sau khi dự án kết thúc từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết chỉ mới đề cập tới quản lý, sử dụng tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất từ nguồn ngân sách mà chưa đề cập tới cách thức xử lý, giải quyết giá trị còn lại của tài sản sau khi kết thúc dự án. Vì vậy, để đảm bảo tính khả thi, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát bổ sung cách thức quản lý, sử dụng phần giá trị còn lại tài sản sau khi dự án hỗ trợ phát triển sản xuất kết thúc.</p> <p>- Dự thảo Nghị quyết đang thiết kế theo hướng: Tất cả các tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất mặc nhiên (như đối với tài sản là trang thiết bị, công cụ có giá trị nhỏ) hoặc được giao lại nếu đơn vị liên kết, người dân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tài sản được hình thành đó, các tài sản được giao lại đó không còn là tài sản công. Tuy nhiên, cách thiết kế nêu trên có thể chưa dự phòng được trường hợp tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ sản xuất có giá trị lớn; đề nghị làm rõ cơ sở đề xuất “Giá trị trang thiết bị, công cụ hỗ trợ cho 01 hộ gia đình không vượt quá 50 triệu đồng”; tránh lạm dụng tài sản công khi thực hiện giao lại tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất... Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát</p>	<p>- Tại dự thảo Nghị quyết đề xuất giao Chính phủ quy định cơ chế xử lý tài sản sau khi kết thúc dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.</p> <p>- Tại dự thảo Nghị quyết đã đề xuất cơ chế quản lý tài sản hình thành từ dự án (không phân biệt tài sản giá trị lớn hay giá trị nhỏ), trong đó: (1) Chủ dự án sẽ quản lý, sử dụng tài sản trong vòng đời dự án; (2) Cơ quan quản lý dự án theo dõi, giám sát việc sử dụng tài sản; (3) Kết thúc dự án phải tiến hành quy trình xử lý tài sản.</p> <p>Bên cạnh đó, dự thảo Nghị quyết đề xuất trường hợp đặc thù, cho phép thực hiện chính</p>

STT	Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)	Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)
	<p>bổ sung các nội dung nêu trên.</p> <p>- Đề nghị cân nhắc bỏ quy định “Trường hợp có nhiều người dân tham gia dự án cùng có nhu cầu sử dụng tài sản, việc quyết định chuyển giao chỉ được thực hiện khi có sự thống nhất trong tổ, nhóm cộng đồng người dân (bằng biên bản) về phương án quản lý, sử dụng tài sản” (điểm c khoản 5 Điều 4). Quy định này có khả năng gây vướng mắc khi áp dụng trên thực tế.</p>	<p>sách hỗ trợ (cho không) đối với tài sản có giá trị nhỏ.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, bỏ nội dung này.</p>
d)	<p>Về ủy thác vốn tự cân đối của ngân sách địa phương qua hệ thống ngân hàng chính sách xã hội (khoản 6 Điều 4)</p> <p>Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước đều chưa quy định cụ thể về bố trí vốn đầu tư công tự cân đối của địa phương để ủy thác qua ngân hàng chính sách. Vì vậy, đề xuất quy định bổ sung vốn đầu tư công nguồn ngân sách tự cân đối của địa phương qua ủy thác hệ thống ngân hàng chính sách để cho vay hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo... tương tự chính sách hỗ trợ cho vay từ nguồn vốn đầu tư công quy định tại Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh là hợp lý. Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định điều kiện, mức, nội dung, hình thức và thời gian hỗ trợ các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, huyện nghèo vay vốn tín dụng ưu</p>	<p>Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và trên cơ sở trao đổi với các địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, hoàn chỉnh nội dung chính sách theo hướng: (1) Bỏ nội dung quy định về giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định về mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ; (2) Giữ nguyên nội dung giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ để đảm bảo đủ cơ sở cho các địa phương thực hiện.</p>



STT	<p align="center"><b>Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp</b> (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)</p>	<p align="center"><b>Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết</b> (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)</p>
	<p>đãi” (điểm b khoản 6 Điều 4) cần cân nhắc hoặc giải trình rõ thêm, vì hiện nay hệ thống các quy định pháp luật về cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số... đã được ban hành (như: Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025...) đều đã quy định đầy đủ tiêu chí, điều kiện, nội dung, hình thức và thời gian hỗ trợ.</p>	
2.4	<p>Đối với các nội dung khác thuộc vấn đề kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành, không thuộc phạm vi thẩm định của Bộ Tư pháp theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cũng như không thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp theo quy định tại Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp và do hạn chế về thời gian nên Bộ Tư pháp không có ý kiến chi tiết. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp các Bộ, ngành, địa phương liên quan rà soát, làm rõ sự cần thiết, đánh giá tác động chính sách để trình Chính phủ xem xét, quyết định; đảm bảo không vi phạm Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (trong đó không được: “Chỉ đạo, ban hành thể chế, cơ chế, chính sách có nội dung trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cài cắm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ” (điểm d khoản 2 Điều 9)); tuân thủ đúng</p>	<p>Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, hoàn chỉnh Hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo quy định.</p>

STT	<p align="center"><b>Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp</b> (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)</p>	<p align="center"><b>Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết</b> (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)</p>
	<p>Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.</p>	
V	<p><b>Về tính tương thích với các điều ước quốc tế</b></p>	
	<p>Nội dung chính sách trong dự thảo Nghị quyết của Quốc hội không có nội dung trái cam kết quốc tế mà CHXHCN Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, Tờ trình Chính phủ số 10035/TTr-BKHĐT ngày 30/11/2023 chưa đề cập tới nội dung này. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung tính tương thích của dự thảo Nghị quyết với điều ước quốc tế liên quan tại Tờ trình Chính phủ số 10035/TTr-BKHĐT. Đặc biệt lưu ý đối với các khoản kinh phí của chương trình là nguồn vốn vay nước ngoài theo các hiệp định, thỏa thuận vay thì phải tuân thủ các hiệp định, thỏa thuận này; do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, hoàn chỉnh làm rõ các nội dung tại dự thảo Nghị quyết không liên quan đến việc thực hiện các điều ước quốc tế.</p>
VI	<p><b>Về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị quyết</b></p>	
1	<p><b>Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính:</b> Dự thảo Nghị quyết không chứa đựng các thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của</p>	<p>Như đã giải trình nêu trên, theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 4 Điều 14), HĐND cấp tỉnh mới có thẩm</p>

STT	<p style="text-align: center;"><b>Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp</b> (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)</p>	<p style="text-align: center;"><b>Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết</b> (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)</p>
	<p>Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ, do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo không có Báo cáo đánh giá tác động về thủ tục hành chính.</p> <p>Khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết có quy định “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc giao Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định (hoặc quyết định điều chỉnh) trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch, mô hình phát triển sản xuất trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia”; theo quy định này có phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành thủ tục hành chính (trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch, mô hình phát triển sản xuất trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất). Theo quy định của Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nghiêm cấm “Quy định thủ tục hành chính trong thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này”. Vì vậy, như ý kiến nêu tại Mục 2.3.b Mục III Báo cáo này và để bảo đảm đúng quy định</p>	<p>quyền ban hành quy định liên quan đến thủ tục hành chính; đồng thời, quy định những hành vi bị nghiêm cấm “4. Quy định thủ tục hành chính trong.. quyết định của Ủy ban nhân dân..”. Bên cạnh đó, đến thời điểm hiện tại đã có 53 địa phương có Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh ban hành quy định này. Việc quy định đồng thời cả HĐND và UBND cấp tỉnh đều được ban hành quy định mới, hoặc điều chỉnh quy định cũ sẽ khó khăn cho các địa phương trong tổ chức áp dụng.</p>

STT	Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)	Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)
	của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân hay Ủy ban nhân dân ban hành thủ tục hành chính cần quy định rõ trong dự thảo Nghị quyết; không quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	
2	<b>Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo văn bản:</b> Nội dung dự thảo Nghị quyết không có quy định tạo ra sự phân biệt về giới. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo rõ vấn đề này trong Tờ trình dự thảo Nghị quyết.	
VII	<b>Điều kiện đảm bảo về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành Nghị định</b>	
	Cơ quan chủ trì soạn thảo chưa có thuyết minh về nguồn lực (nhân lực, tài chính) của các cơ quan nhà nước cũng như các đối tượng chịu tác động có liên quan để bảo đảm thi hành Nghị quyết. Do đó, để bảo đảm tính khả thi, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung vấn đề này trong Tờ trình dự thảo Nghị quyết để Chính phủ có căn cứ rõ ràng trong việc xem xét, quyết định.	Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu, bổ sung vào Tờ trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, dự thảo Tờ trình của Chính phủ.
VIII	<b>Về trình tự, thủ tục xây dựng Nghị quyết; kỹ thuật xây dựng văn bản</b>	
1	<b>Về trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết:</b>	Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiếp thu toàn bộ ý kiến

STT	<p align="center"><b>Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp</b> (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)</p>	<p align="center"><b>Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết</b> (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)</p>
	<p>Trên cơ sở tổng hợp khó khăn, vướng mắc theo phản ánh của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương; rà soát các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã báo cáo Chính phủ có Tờ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 444/TTr-CP ngày 12/9/2023 và Tờ trình Quốc hội số 557/TTr-CP ngày 16/10/2023 báo cáo các khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và đề xuất giải pháp, cơ chế đặc thù để tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025, đề xuất đưa vào Nghị quyết của Quốc hội. Căn cứ Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV; Thông báo số 2901/TB-TTKQH ngày 19/10/2023 của Tổng Thư ký Quốc hội thông báo Kết luận của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XV tại Phiên họp thứ 27 ngày 13/10/2023 và các chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ động xây dựng và lấy ý kiến đối với Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 (gửi kèm Công văn số 9044/BKHĐT-TCTT ngày 31/10/2023); Hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế đặc thù trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Gửi kèm Công văn số 9045/BKHĐT-TCTT ngày 31/10/2023).</p>	<p>tham gia tại các cuộc họp do Lãnh đạo Chính phủ chủ trì, tiếp thu ý kiến thành viên Chính phủ để hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị quyết.</p>

STT	<p style="text-align: center;"><b>Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp</b> (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)</p>	<p style="text-align: center;"><b>Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết</b> (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)</p>
	<p>Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã triển khai xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội thí điểm thực hiện một số cơ chế đặc thù để tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 theo trình tự, thủ tục rút gọn, bám sát các chính sách nêu trong Tờ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 444/TTr-CP và Tờ trình Quốc hội số 557/TTr-CP, gửi Bộ Tư pháp thẩm định. Trình tự, thủ tục xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) về xây dựng văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn để kịp thời tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. <b>Trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục tổ chức lấy ý kiến, hoàn thiện hồ sơ dự thảo xây dựng dự thảo Nghị quyết báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định.</b></p>	
2	<p><b>Về hồ sơ xây dựng Nghị quyết</b></p> <p>Hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi thẩm định gồm: Tờ trình Chính phủ số 10035/TTr-BKHĐT ngày 30/11/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p>	<p>Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, bổ sung hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị quyết.</p>

STT	<p align="center"><b>Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp</b> (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)</p>	<p align="center"><b>Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết</b> <b>(Bộ Kế hoạch và Đầu tư)</b></p>
	<p>Dự thảo Tờ trình của Chính phủ; Dự thảo Nghị quyết; Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách; Bảng tổng hợp ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương kèm bản sao ý kiến tham gia là đầy đủ theo quy định tại Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cập nhật, giải trình tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo quy định trước khi trình Chính phủ.</p> <p>Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết bảo đảm thể hiện đầy đủ các nội dung: sự cần thiết ban hành Nghị quyết; tính thống nhất của dự thảo văn bản với các văn bản quy phạm pháp luật trong cùng lĩnh vực và các lĩnh vực có liên quan đến nội dung dự thảo; tính tương thích của dự thảo văn bản với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị quyết...</p>	
3	<p><b>Về kỹ thuật xây dựng văn bản:</b></p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa lại nội dung dự thảo Nghị quyết để bảo đảm chuẩn xác về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020), Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH ngày 14/3/2017 về thể thức kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc</p>	<p>Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, bổ sung hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị quyết.</p>

STT	<p align="center"><b>Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp</b> (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)</p>	<p align="center"><b>Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết</b> (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)</p>
	<p>hội, Chủ tịch nước và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ). Ví dụ: đề nghị quyền quy định “Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật khác có quy định cơ chế, chính sách thuận lợi hơn Nghị quyết này thì được lựa chọn áp dụng chính sách thuận lợi nhất cho việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia” tại khoản 3 Điều 6 lên Điều 1 dự thảo Nghị quyết cho phù hợp.</p>	
<b>IX</b>	<b>Kết luận</b>	
	<p>Căn cứ hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi thẩm định, ý kiến của Hội đồng thẩm định, Bộ Tư pháp nhận thấy, hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội thí điểm thực hiện một số cơ chế đặc thù để tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 <b>đáp ứng yêu cầu của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi tiếp thu, chỉnh lý và giải trình đầy đủ ý kiến của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định này.</b> Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến của</p>	



<b>STT</b>	<b>Tóm tắt ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Văn bản số 262/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2023)</b>	<b>Nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo Nghị quyết (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)</b>
	các bộ, ngành, địa phương cơ quan, tổ chức có liên quan, để hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết trước khi trình Chính phủ xem xét, quyết định.	

**BỘ TƯ PHÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 262/BCTĐ-BTP

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**

**Hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội thí điểm thực hiện một số cơ chế đặc thù để tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025**

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Văn phòng Chính phủ.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ) và theo đề nghị tại Công văn số 10036/BKHĐT-TCTT ngày 30/11/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ Tư pháp nhận ngày 04/12/2023), trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ thẩm định dự thảo Nghị định và ý kiến tại cuộc họp ngày 05/12/2023 của Hội đồng thẩm định (được thành lập theo Quyết định số 2851/QĐ-BTP ngày 04/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp), Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội thí điểm thực hiện một số cơ chế đặc thù để tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 (dưới đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết) như sau:

**I. VỀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT; PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

**1. Về sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

Quốc hội ban hành Nghị quyết số 120/2020/QH15 ngày 19/6/2020 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương

trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực 03 chương trình mục tiêu quốc gia đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc, bất cập ảnh hưởng đến việc triển khai và tiến độ giải ngân của các chương trình này. Tại Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV có nêu “*nghiên cứu, đề xuất thực hiện thí điểm việc phân cấp cho cấp huyện chủ động quyết định, điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn, danh mục dự án đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn, báo cáo Quốc hội khi tiến hành giám sát tối cao chuyên đề về 03 chương trình mục tiêu quốc gia tại Kỳ họp thứ 6*”; Thông báo số 2901/TB-TTKQH ngày 19/10/2023 của Tổng Thư ký Quốc hội thông báo Kết luận của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XV tại Phiên họp thứ 27 ngày 13/10/2023 có nêu “*Về nội dung giám sát các Chương trình mục tiêu quốc gia: Đối với đề xuất những chính sách khác với quy định của luật, đề nghị Chính phủ chuẩn bị hồ sơ tài liệu bảo đảm theo quy định của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất*”.

Trên cơ sở đó, Chính phủ đã có Tờ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 444/TTr-CP ngày 12/9/2023 và Tờ trình Quốc hội số 557/TTr-CP ngày 16/10/2023 báo cáo các khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và đề xuất giải pháp, cơ chế đặc thù để tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025, đề xuất đưa vào Nghị quyết của Quốc hội. Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025” quy định: “*Giao Chính phủ khẩn trương xây dựng dự thảo nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trình Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp gần nhất theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trong đó có cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện quyết định danh mục, cơ cấu, phân bổ sử dụng vốn ngân sách nhà nước, xử lý một số kiến nghị của địa phương liên quan đến việc thực hiện kết luận kiểm toán của Kiểm toán nhà nước đối với việc thu hồi kinh phí, hoàn trả ngân sách nhà nước trong triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia*” (khoản 2 Điều 1).

Do đó, việc xây dựng dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm thực hiện một số cơ chế đặc thù để tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 là cần thiết, có cơ sở đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đã được đặt ra tại Nghị quyết số 120/2020/QH15; Nghị quyết số 24/2021/QH15; Nghị quyết số 24/2021/QH15.

## **2. Về phạm vi điều chỉnh**

Nội dung của dự thảo Nghị quyết bao gồm các quy định: phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên nguồn ngân sách trung ương hằng năm; điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước của từng chương trình mục tiêu quốc gia; ban hành quy định về trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất; sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp giao chủ dự án tự thực hiện việc mua sắm hàng hóa phục vụ hoạt động phát triển sản xuất; quản lý, sử dụng tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; ủy thác vốn tự cân đối của ngân sách địa phương qua hệ thống ngân hàng chính sách xã hội; cơ chế phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Về cơ bản các nội dung đề cập tại dự thảo Nghị quyết cũng là các nội dung được đề cập tại Tờ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 444/TTr-CP và Tờ trình Quốc hội số 557/TTr-CP.

Tại Thông báo số 2901/TB-TTKQH đã nêu: đối với đề xuất những chính sách khác với quy định của luật, đề nghị Chính phủ chuẩn bị hồ sơ tài liệu bảo đảm theo quy định của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất. Hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định (kèm Công văn số 10036/BKHĐT-TCTT) đã bao gồm dự thảo Báo cáo đánh giá tác động các chế đặc thù tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; trong đó, đã xác định được các vấn đề bất cập, mục tiêu giải quyết, giải pháp đề xuất giải quyết, đánh giá tác động tích cực, tiêu cực, tính hợp lý... của từng chính sách. Vì vậy, việc xây dựng dự thảo Nghị quyết trên cơ sở các chính sách đã được đề xuất Tờ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 444/TTr-CP và Tờ trình Quốc hội số 557/TTr-CP trong bối cảnh nhằm giải quyết các vướng mắc, bất cập khi triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 theo phản ánh của các Bộ, ngành, địa phương là có cơ sở.

Tuy nhiên, như đã nêu trên, Nghị quyết số 108/2023/QH15 giao Chính phủ khẩn trương xây dựng dự thảo Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó có cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện quyết định danh mục, cơ cấu, phân bổ sử dụng vốn ngân sách nhà nước, xử lý một số kiến nghị của địa phương liên quan đến việc thực hiện kết luận kiểm toán của Kiểm toán nhà nước đối với việc thu hồi kinh phí, hoàn trả ngân sách nhà nước trong triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết chưa thể hiện nội dung xử lý một số kiến nghị của địa phương liên quan đến việc thực hiện kết luận kiểm toán của Kiểm toán nhà nước đối với việc thu hồi kinh phí, hoàn trả ngân sách nhà nước trong triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Tại Mục IV Tờ trình số 10035/TTr-BKHĐT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận định *“hiện tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan chủ chương trình chưa nhận được đề xuất, kiến nghị của các địa phương liên quan đến thực hiện kết luận kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước<sup>1</sup>. Do vậy, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các chủ chương trình chưa có đầy đủ cơ sở để tổng hợp, đề xuất cơ chế đặc thù, thí điểm xử lý các vấn đề liên quan đến thực hiện kết luận kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngay tại Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Quốc hội tại Kỳ họp tháng 01 năm 2024”* và kiến nghị Chính phủ chưa báo cáo Quốc hội xem xét cơ chế thí điểm xử lý kiến nghị của các địa phương liên quan đến thực hiện các kết luận kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước tại Kỳ họp tháng 01 năm 2024. Như vậy, cho đến nay chưa có cơ sở, căn cứ đề xuất chính sách về nội dung này nên đề xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là hợp lý; do đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, hoàn thiện nội dung giải trình và chịu trách nhiệm về vấn đề này.

### 3. Về đối tượng áp dụng

Điều 2 dự thảo Nghị quyết (đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết) đang theo hướng liệt kê các đối tượng tham gia hoặc liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Tuy nhiên, các liệt kê như quy định tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết có thể chưa đầy đủ các đối tượng có liên quan đến chương trình. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, thể hiện lại đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết cho phù hợp.

<sup>1</sup> Tại Hội đồng thẩm định, đại diện Kiểm toán nhà nước cũng có ý kiến chưa nhận được các phản ánh vướng mắc cụ thể của các địa phương liên quan nội dung này.

## **II. VỀ SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT ĐÃ THÔNG QUA**

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm thực hiện một số cơ chế đặc thù để tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện 02 bước bao gồm: (i) Lập đề nghị xây dựng Nghị quyết; (ii) xây dựng thảo Nghị quyết. Trên cơ sở chỉ đạo của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động xây dựng và lấy ý kiến đối với Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 (gửi kèm Công văn số 9044/BKHĐT-TCTT ngày 31/10/2023); Hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế đặc thù trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Gửi kèm Công văn số 9045/BKHĐT-TCTT ngày 31/10/2023)<sup>2</sup>. Tuy nhiên, trên cơ sở Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 và căn cứ Tờ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 444/TTr-CP và Tờ trình Quốc hội số 557/TTr-CP, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội thí điểm thực hiện một số cơ chế đặc thù để tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 theo trình tự, thủ tục rút gọn gửi Bộ Tư pháp thẩm định<sup>3</sup>. Trường hợp xác định các chính sách nêu trong Tờ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 444/TTr-CP và Tờ trình Quốc hội số 557/TTr-CP là đề nghị xây dựng Nghị quyết được Chính phủ, Quốc hội thông qua, Bộ Tư pháp nhận thấy các nội dung tại dự thảo Nghị quyết cơ bản thống nhất, phù hợp với phạm vi điều chỉnh và các chính sách đã được đề cập tại Tờ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 444/TTr-CP và Tờ trình Quốc hội số 557/TTr-CP. So với Tờ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 444/TTr-CP và Tờ trình Quốc hội số 557/TTr-CP, dự thảo Nghị quyết có bổ sung chính sách về cơ chế phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Đối với chính sách mới (chưa được

<sup>2</sup> Bộ Tư pháp đã có Công văn số 5699/BTP-PLDSKT ngày 22/11/2023 và Công văn số 5844/BTP-PLDSKT ngày 29/11/2023 trả lời Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

<sup>3</sup> Bộ Kế hoạch và Đầu tư không gửi Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết

đề cập tại Tờ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 444/TTr-CP và Tờ trình Quốc hội số 557/TTr-CP), nhưng đây là nội dung đã được Quốc hội giao tại Nghị quyết số 100/2023/QH15 và Nghị quyết số 108/2023/QH15.

### **III. VỀ SỰ PHÙ HỢP VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC**

Dự thảo Nghị quyết quy định một số cơ chế đặc thù nhằm để thể chế hóa các chính sách về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 theo hướng tăng cường phân cấp, trao quyền, tạo điều kiện thuận lợi cho các bộ, ngành, địa phương đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện, hoàn thành mục tiêu từng chương trình theo yêu cầu của Quốc hội; phù hợp Văn kiện Đại hội Đảng khóa XIII (nội dung Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 liên quan đến triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia).

### **IV. VỀ TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT, ĐỒNG BỘ CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT**

1. Nội dung dự thảo Nghị quyết không trái với quy định tại Hiến pháp năm 2013. Việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 phù hợp các quy định của Hiến pháp như: *“chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước”* (khoản 4 Điều 5 Hiến pháp năm 2013); về quyền được bảo đảm an sinh xã hội (Điều 34 Hiến pháp năm 2013)...

Về tính hợp pháp, thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật, Bộ Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết có một số quy định khác với các luật hiện hành có liên quan như Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đấu thầu, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.... Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Quốc hội có thẩm quyền ban hành Nghị quyết để quy định *“Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”*. Do đó, việc trình Quốc hội ban hành Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 là phù hợp về thẩm quyền.

Hiện nay, dự thảo Nghị quyết có quy định “*Chính phủ quy định cơ chế đặc thù trong xác định giá trị còn lại và xử lý tài sản được hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước theo nguyên tắc công khai, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành chính*” (điểm đ khoản 5 Điều 4); giao Chính phủ “*Ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù để triển khai Nghị quyết này đảm bảo kịp thời, đồng bộ và theo hướng cải cách thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp cho các địa phương*” (điểm b khoản 1 Điều 5). Đề nghị cần nhắc lại để bảo đảm đúng thẩm quyền vì nếu là cơ chế đặc thù thì cần có quy định khác luật nên không thể giao Chính phủ ban hành mà cần có quy định trong Nghị quyết, ít nhất là các nguyên tắc để Chính phủ hướng dẫn chi tiết. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh sửa lại.

2. Về nội dung cụ thể, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa một số vấn đề như sau:

**2.1.** Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định: “*Nghị quyết này quy định thí điểm thực hiện các cơ chế đặc thù để tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 2021 - 2025*”; khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị quyết quy định: “*Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng 01 năm 2024 đến hết thời gian thực hiện, giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025*”. Theo quy định tại các Nghị quyết của Quốc hội: Nghị quyết số 120/2020/QH15; Nghị quyết số 24/2021/QH15 thì thời gian thực hiện các các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025. Mặt khác, hiện nay đã gần cuối năm 2023, dự thảo Nghị quyết nếu được ban hành thì các quy định thí điểm thực hiện các cơ chế đặc thù chỉ được áp dụng trong 02 năm (là năm 2024 và năm 2025). Như vậy, nếu quy định như tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết có thể hiểu Nghị quyết này áp dụng cả giai đoạn 2021 – 2025 (đến hết 31/12/2025); nếu quy định như tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị quyết “*đến hết thời gian thực hiện, giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia*” là chưa cụ thể, rõ ràng. Do đó, để đảm bảo tính khả thi, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, quy định rõ tại dự thảo Nghị quyết thời gian cụ thể áp dụng đối với các cơ chế đặc thù đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho phù hợp.



**2.2.** Để có căn cứ, cơ sở thực hiện tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết (giải thích từ ngữ) đề nghị rà soát, thể hiện lại:

a) Khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định “*Dự án đầu tư đặc thù là dự án, công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, có sự tham gia của người dân...*”. Quy định như vậy đang theo hướng dùng khái niệm “*dự án, công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp*” để giải thích “*Dự án đầu tư đặc thù*” là chưa rõ ràng, cụ thể. Mặt khác, hiện nay, khái niệm dự án đầu tư quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp được quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020. Tuy nhiên, khái niệm nêu trên chỉ được áp dụng trong giai đoạn 2016 - 2020. Vì vậy, để có căn cứ triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025, đề nghị bổ sung quy định về “*dự án đầu tư quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp*”.

b) Điều 3 dự thảo Nghị quyết đang sử dụng cụm từ “*được cấp có thẩm quyền phê duyệt*” (khoản 3, khoản 4). Quy định như vậy có thể gây khó khăn trong quá trình xác định cơ quan nào là “*cấp có thẩm quyền*”. Vì vậy, đề nghị rà soát, quy định rõ tại dự thảo Nghị quyết.

c) Một số khái niệm quy định tại dự thảo Nghị quyết (Điều 3) đã được quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 38/2023 ngày 24/6/2023 của Chính phủ) như: dự án thành phần (khoản 1); chủ trì liên kết, đối tượng liên kết (khoản 3)... do đó, đề nghị cân nhắc sự cần thiết quy định lại tại dự thảo Nghị quyết. Đồng thời, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, thể hiện cho thống nhất, tránh việc đưa ra khái niệm mới không rõ ràng, có thể không khả thi, gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện giữa dự thảo Nghị quyết và Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ví dụ: “*Đơn vị chủ trì liên kết là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã*” (khoản 4 Điều 3) với khái niệm “*chủ trì liên kết*” tại dự thảo Nghị quyết (khoản 3 Điều 3).

**2.3.** Về các cơ chế đặc thù trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 (Điều 4)

a) Liên quan đến điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước của từng chương trình mục tiêu quốc gia (khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị quyết). Đây là nội dung bổ sung so với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết (kèm theo Công văn 9044/BKHĐT-

TCTT ngày 31/10/2023) và hồ sơ dự thảo Nghị quyết (kèm theo Công văn 9045/BKHĐT-TCTT ngày 31/10/2023); vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo, thuyết minh sự cần thiết khi bổ sung quy định này.

Ngoài ra, việc điều chỉnh dự toán ngân sách của từng chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp huyện (điểm b khoản 2 Điều 4) đều thực hiện đối với các dự án không có khả năng giải ngân trong khi đã được phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, kế hoạch vốn đầu tư hằng năm. Quy định như vậy chưa phân biệt được trường hợp nào do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh, trường hợp nào do Hội đồng nhân dân cấp huyện điều chỉnh. Vì vậy, để đảm bảo tính khả thi, đề nghị quy định cụ thể tại dự thảo Nghị quyết thẩm quyền điều chỉnh của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Hội đồng nhân dân cấp huyện. Việc phân cấp cho địa phương được điều chỉnh dự toán ngân sách là cần thiết nhưng cần có quy định rõ tiêu chí, căn cứ để giám sát, bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu, chỉ tiêu của các chương trình. Ngoài ra đề nghị cần nhắc làm rõ khái niệm “*không có khả năng giải ngân*” để áp dụng thống nhất, tránh lạm dụng.

b) Về thẩm quyền ban hành trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (khoản 3 Điều 4)

Dự thảo Nghị quyết đang được dự kiến theo hai hướng: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định (bao gồm cả nội dung chưa ban hành và nội dung điều chỉnh). Tuy nhiên, dự thảo Tờ trình chưa lý giải khi cùng một lúc vừa giao cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cùng cấp đều ban hành trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất. Mặt khác, theo thông tin thì, các địa phương này đều phản ánh mất nhiều thời gian hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật làm chậm tiến độ triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất tại địa phương...; khi phát sinh vấn đề cần điều chỉnh, cũng mất nhiều thời gian xây dựng trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định; hầu hết các địa phương đề xuất, kiến nghị giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyết định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất bao gồm cả ban hành mới và điều chỉnh các quy định đã ban hành. Quy định như vậy thì các địa phương vẫn phải trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết phân cấp cho Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất nên vẫn mất thời gian. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh

sửa cho phù hợp, có thể quy định cho phép Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định này.

c) Về quản lý, sử dụng tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (khoản 5 Điều 4)

- Khoản 5 Điều 4 dự thảo Nghị quyết quy định về quản lý, sử dụng tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; sau khi kết thúc dự án hỗ trợ phát triển sản xuất sẽ xuất hiện: giá trị còn lại của tài sản sau khi kết thúc dự án và tài sản được hình thành sau khi dự án kết thúc từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết chỉ mới đề cập tới quản lý, sử dụng tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất từ nguồn ngân sách mà chưa đề cập tới cách thức xử lý, giải quyết giá trị còn lại của tài sản sau khi kết thúc dự án. Vì vậy, để đảm bảo tính khả thi, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát bổ sung cách thức quản lý, sử dụng phần giá trị còn lại tài sản sau khi dự án hỗ trợ phát triển sản xuất kết thúc.

- Dự thảo Nghị quyết đang thiết kế theo hướng: tất cả các tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất mặc nhiên (như đối với tài sản là trang thiết bị, công cụ có giá trị nhỏ) hoặc được giao lại nếu đơn vị liên kết, người dân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tài sản được hình thành đó, các tài sản được giao lại đó không còn là tài sản công. Tuy nhiên, cách thiết kế nêu trên có thể chưa dự phòng được trường hợp tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ sản xuất có giá trị lớn; đề nghị làm rõ cơ sở đề xuất “Giá trị trang thiết bị, công cụ hỗ trợ cho 01 hộ gia đình không vượt quá 50 triệu đồng”; tránh lạm dụng tài sản công khi thực hiện giao lại tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất... Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát bổ sung các nội dung nêu trên.

- Đề nghị cân nhắc bỏ quy định “*Trường hợp có nhiều người dân tham gia dự án cùng có nhu cầu sử dụng tài sản, việc quyết định chuyển giao chỉ được thực hiện khi có sự thống nhất trong tổ, nhóm cộng đồng người dân (bằng biên bản) về phương án quản lý, sử dụng tài sản*” (điểm c khoản 5 Điều 4). Quy định này có khả năng gây vướng mắc khi áp dụng trên thực tế.

d) Về ủy thác vốn tự cân đối của ngân sách địa phương qua hệ thống ngân hàng chính sách xã hội (khoản 6 Điều 4)

Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước đều chưa quy định cụ thể về bố trí vốn đầu tư công tự cân đối của địa phương để ủy thác qua ngân hàng chính sách. Vì vậy, đề xuất quy định bổ sung vốn đầu tư công nguồn ngân sách tự cân đối của địa phương qua ủy thác hệ thống ngân hàng chính sách để cho vay hỗ trợ hộ

nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo... tương tự chính sách hỗ trợ cho vay từ nguồn vốn đầu tư công quy định tại Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh là hợp lý. Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết quy định “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định điều kiện, mức, nội dung, hình thức và thời gian hỗ trợ các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, huyện nghèo vay vốn tín dụng ưu đãi*” (điểm b khoản 6 Điều 4) cần cân nhắc hoặc giải trình rõ thêm, vì hiện nay hệ thống các quy định pháp luật về cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số... đã được ban hành (như: Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025...) đều đã quy định đầy đủ tiêu chí, điều kiện, nội dung, hình thức và thời gian hỗ trợ.

**2.4.** Đối với các nội dung khác thuộc vấn đề kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành, không thuộc phạm vi thẩm định của Bộ Tư pháp theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cũng như không thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp theo quy định tại Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp các Bộ, ngành, địa phương liên quan rà soát, làm rõ sự cần thiết, đánh giá tác động chính sách để trình Chính phủ xem xét, quyết định; đảm bảo không vi phạm Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (trong đó không được: “*Chỉ đạo, ban hành thể chế, cơ chế, chính sách có nội dung trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cài cắm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ*” (điểm d khoản 2 Điều 9)); tuân thủ đúng Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

## **V. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ LIÊN QUAN MÀ CHXHCN VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN**

Nội dung chính sách trong dự thảo Nghị quyết của Quốc hội không có nội dung trái cam kết quốc tế mà CHXHCN Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, Tờ trình Chính phủ số 10035/TTr-BKHĐT ngày 30/11/2023 chưa đề

cập tới nội dung này. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung tính tương thích của dự thảo Nghị quyết với điều ước quốc tế liên quan tại Tờ trình Chính phủ số 10035/TTr-BKHĐT. Đặc biệt lưu ý đối với các khoản kinh phí của chương trình là nguồn vốn vay nước ngoài theo các hiệp định, thỏa thuận vay thì phải tuân thủ các hiệp định, thỏa thuận này; do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại.

## **VI. VỀ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ VÀ CHI PHÍ TUÂN THỦ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT; VIỆC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính**

Dự thảo Nghị quyết không chứa đựng các thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ, do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo không có Báo cáo đánh giá tác động về thủ tục hành chính. Khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết có quy định "*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc giao Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định (hoặc quyết định điều chỉnh) trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch, mô hình phát triển sản xuất trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia*"; theo quy định này có phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành thủ tục hành chính (trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch, mô hình phát triển sản xuất trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất). Theo quy định của Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nghiêm cấm "*Quy định thủ tục hành chính trong thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này*". Vì vậy, như ý kiến nêu tại Mục 2.3.b Mục III Báo cáo này và để bảo đảm đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân hay Ủy ban nhân dân ban hành thủ tục hành chính cần quy định rõ trong dự thảo Nghị quyết; không quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

### **2. Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo văn bản**

Nội dung dự thảo Nghị quyết không có quy định tạo ra sự phân biệt về giới. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo rõ vấn đề này trong Tờ trình dự thảo Nghị quyết.

## **VII. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỀ NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ BẢO ĐẢM THI HÀNH LUẬT**

Cơ quan chủ trì soạn thảo chưa có thuyết minh về nguồn lực (nhân lực, tài chính) của các cơ quan nhà nước cũng như các đối tượng chịu tác động có liên quan để bảo đảm thi hành Nghị quyết. Do đó, để bảo đảm tính khả thi, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung vấn đề này trong Tờ trình dự thảo Nghị quyết để Chính phủ có căn cứ rõ ràng trong việc xem xét, quyết định.

## **VIII. VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT; KỸ THUẬT XÂY DỰNG VĂN BẢN**

### **1. Về trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Trên cơ sở tổng hợp khó khăn, vướng mắc theo phản ánh của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương; rà soát các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã báo cáo Chính phủ có Tờ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 444/TTr-CP ngày 12/9/2023 và Tờ trình Quốc hội số 557/TTr-CP ngày 16/10/2023 báo cáo các khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và đề xuất giải pháp, cơ chế đặc thù để tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025, đề xuất đưa vào Nghị quyết của Quốc hội. Căn cứ Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV; Thông báo số 2901/TB-TTKQH ngày 19/10/2023 của Tổng Thư ký Quốc hội thông báo Kết luận của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XV tại Phiên họp thứ 27 ngày 13/10/2023 và các chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ động xây dựng và lấy ý kiến đối với Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 (gửi kèm Công văn số 9044/BKHĐT-TCTT ngày 31/10/2023); Hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế đặc thù trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Gửi kèm Công văn số 9045/BKHĐT-TCTT ngày 31/10/2023).

Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 –

2025 và thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ<sup>4</sup>, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã triển khai xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội thí điểm thực hiện một số cơ chế đặc thù để tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 theo trình tự, thủ tục rút gọn, bám sát các chính sách nêu trong Tờ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 444/TTr-CP và Tờ trình Quốc hội số 557/TTr-CP, gửi Bộ Tư pháp thẩm định. Trình tự, thủ tục xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) về xây dựng văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn để kịp thời tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia<sup>5</sup>. Trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục tổ chức lấy ý kiến, hoàn thiện hồ sơ dự thảo xây dựng dự thảo Nghị quyết báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

## 2. Về hồ sơ xây dựng Nghị quyết

Hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi thẩm định gồm: Tờ trình Chính phủ số 10035/TTr-BKHĐT ngày 30/11/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Dự thảo Tờ trình của Chính phủ; Dự thảo Nghị quyết; Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách; Bảng tổng hợp ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương kèm bản sao ý kiến tham gia là đầy đủ theo quy định tại Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật<sup>6</sup>. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cập nhật, giải trình tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo quy định trước khi trình Chính phủ.

Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết bảo đảm thể hiện đầy đủ các nội dung: sự cần thiết ban hành Nghị quyết; tính thống nhất của dự thảo văn bản với các văn bản quy phạm pháp luật trong cùng lĩnh vực và các lĩnh vực có liên quan đến nội dung dự thảo; tính tương thích của dự thảo văn bản với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị quyết...

3. Về kỹ thuật xây dựng văn bản, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa lại nội dung dự thảo Nghị quyết để bảo đảm chuẩn xác về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020), Nghị quyết số

<sup>4</sup> Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại văn bản số 9409/VPCP-QHĐP ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ

<sup>5</sup> Bộ Kế hoạch và Đầu tư không gửi Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết nên Bộ Tư pháp không có ý kiến về quy trình lập đề nghị xây dựng Nghị quyết; Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm về nội dung này

<sup>6</sup> Theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật “*Hồ sơ gửi thẩm định gồm tờ trình, dự thảo văn bản, bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp lấy ý kiến*”.

351/2017/UBTVQH ngày 14/3/2017 về thể thức kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ). Ví dụ: dự thảo Nghị quyết quy định “*Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật khác có quy định cơ chế, chính sách thuận lợi hơn Nghị quyết này thì được lựa chọn áp dụng chính sách thuận lợi nhất cho việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia*” tại khoản 3 Điều 6 lên Điều 1 dự thảo Nghị quyết cho phù hợp.

## IX. KẾT LUẬN

Căn cứ hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi thẩm định, ý kiến của Hội đồng thẩm định, Bộ Tư pháp nhận thấy, hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội thí điểm thực hiện một số cơ chế đặc thù để tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 đáp ứng yêu cầu của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi tiếp thu, chỉnh lý và giải trình đầy đủ ý kiến của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định này. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến của các bộ, ngành, địa phương cơ quan, tổ chức có liên quan, để hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết trước khi trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội thí điểm thực hiện một số cơ chế đặc thù để tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, xin gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ CVĐCXDPL (để theo dõi);
- Lưu: VT, PLDSKT (LĐAS&TH, Nhân).





## BÁO CÁO

### TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG VÀO HỒ SƠ TRÌNH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI TẠI TỜ TRÌNH SỐ 686/TTR-CP NGÀY 08 THÁNG 12 NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 13/TTr-CP ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ)

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
I	<b>Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương thống nhất hoàn toàn với Hồ sơ dự thảo Nghị quyết</b>			
	<p>- 19 địa phương: Tỉnh Thái Nguyên (4370/SKHĐT-KTN ngày 16/11/2023); tỉnh Phú Thọ (2162/SKH&amp;ĐT-KGVX ngày 13/11/2023); tỉnh Hòa Bình (2032/UBND-KTN ngày 13/11/2023); thành phố Hải Phòng (2801/UBND-NN ngày 10/11/2023); tỉnh Hải Dương (3413/SKHĐT-KTN ngày 14/11/2023); tỉnh Hà Nam (2646/SKHĐT-THQH ngày 13/11/2023); tỉnh Thừa Thiên Huế (12389/UBND-XDCB ngày 15/11/2023); thành phố Đà Nẵng (6556/UBND-SKHĐT ngày 27/11/2023); tỉnh Bình Định (3069/SKHĐT-KGVX ngày 10/11/2023); tỉnh Ninh Thuận (4466/SKHĐT-QLN ngày 13/11/2023); tỉnh Lâm Đồng (2588/KHĐT-KTN ngày 10/11/2023); tỉnh Bình Dương (5993/UBND-KT ngày 17/11/2023); tỉnh Tây Ninh (3707/UBND-KT ngày 15/11/2023); tỉnh Long An (5043/SKHĐT-TH ngày 14/11/2023); tỉnh Bến Tre (7014 /UBND-KT ngày 15/11/2023); tỉnh Trà Vinh (2430/SKHĐT-ĐT ngày 09/11/2023); tỉnh Vĩnh Long (6651/UBND-KTNV ngày 22/11/2023); tỉnh An Giang (1519/UBND-KTTH ngày 14/11/2023); tỉnh Bạc Liêu (4651/UBND-TH ngày 17/11/2023).</p> <p>- 07 cơ quan trung ương: Bộ Giao thông vận tải (12603/ BGTVT- KHĐT ngày 07/11/2023); Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (867/LMHTXVN-KHHT ngày 10/11/2023); Bộ Tài nguyên và Môi trường (9706/BTNMT-KHTC ngày 15/11/2023); Bộ Thông tin và truyền thông (5759/BTTTT-KHTC ngày 16/11/2023); Bộ Quốc phòng (4485/BQP-Kte ngày 16/11/2023); Bộ Ngoại giao (5974/BNG-THKT ngày 17/11/2023); Bộ Xây dựng (5581/BXD-GĐ ngày 05/12/2023).</p>			
II	<b>Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương thống nhất và có ý kiến tham gia vào dự thảo Nghị quyết</b>			

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
1	Hà Giang	3843/UBN D-KTTH ngày 21/11/2023	<p>1. Đối với dự thảo Nghị quyết của Quốc hội</p> <p>1.1. Đối với khoản 3 Điều 3 về sử dụng NSNN hỗ trợ phát triển sản xuất: Đề nghị bỏ điểm b “Giao Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, quy trình, thủ tục thanh toán phần hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho chủ trì liên kết, người dân để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất trong trường hợp nêu trên.</p> <p>1.2. Đối với khoản 5 Điều 3 về cơ chế ủy thác: Đề nghị xem xét không quy định cơ chế đặc thù về ủy thác vốn tự cân đối của ngân sách địa phương qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội.</p>	<p>- Tiếp thu.</p> <p>- Giải pháp chính sách nhằm mục tiêu bổ sung cơ chế để tạo điều kiện thuận lợi, đáp ứng mong muốn của 22 địa phương có khả năng cân đối nguồn lực để thực hiện một số chính sách tín dụng ưu đãi cho một số đối tượng chính sách do địa phương ban hành. Lý do:</p> <p>+ Luật ĐTC, Luật NSNN chưa quy định cụ thể việc bố trí NSNN, vốn đầu tư công nguồn tự cân đối của ngân sách địa phương để ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội. Cơ chế này mới được quy định thí điểm áp dụng cho Thành phố Hồ Chí Minh (khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội).</p> <p>+ Nhiều địa phương tự cân đối được NSNN đề nghị bổ sung quy định cho phép địa phương được bố trí vốn ủy thác qua hệ thống NHCS từ cả kinh phí thường xuyên, vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển khác để các địa phương có đầy đủ cơ sở thực hiện các chính sách tín dụng</p>

STT	PHẢN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p>1.3. Đối với khoản 7 Điều 3 về cơ chế thí điểm phân cấp: Đề nghị xem xét chỉnh sửa Điểm a như sau: “Giao HĐND cấp tỉnh quyết định việc lựa chọn <b>khoảng 2 đơn vị cấp huyện</b> để thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp ...”.</p> <p>1.1. Đề nghị xem xét bổ sung thêm 02 cơ chế đặc thù tương ứng với bổ sung khoản 8 và 9 Điều 3 như sau:</p> <p>- “Hàng năm cho phép được chi chuyển nguồn vốn sự nghiệp thực hiện 03 CTMTQG giai đoạn 2021-2025 sang ngân sách năm sau tiếp tục thực hiện và giải ngân; kết thúc giai đoạn (hết năm ngân sách 2025) nếu các địa phương không thực hiện hết nguồn vốn trung ương giao sẽ hoàn trả nguồn vốn còn tồn cho</p>	<p>cho vay các đối tượng chính sách, các đối tượng khác tại địa phương.</p> <p>Để làm rõ kiến nghị của tỉnh Hà Giang, tại dự thảo Nghị quyết đề xuất giao HĐND các cấp, căn cứ điều kiện thực tiễn, khả năng cân đối ngân sách để quyết định việc ủy thác; không bắt buộc phải thực hiện.</p> <p>- Do cơ chế thí điểm khác quy định của Luật Ngân sách, Luật đầu tư công, việc áp dụng sẽ làm thay đổi các cơ cấu nguồn vốn, phương án phân bổ đã được Quốc hội quyết nghị. Vì vậy, đề xuất theo định hướng của Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, lựa chọn phạm vi 01 đơn vị cấp huyện tại mỗi địa phương để thực hiện thí điểm nhằm hạn chế những tác động tiêu cực (nếu có) trong thực hiện chính sách mới và hạn chế gây ra sự xáo trộn, xung đột với các quy định hiện hành.</p> <p>- Chưa tiếp thu đề xuất của địa phương do:</p> <p>+ Qua quá trình triển khai thực hiện, việc vướng mắc chủ yếu do Trung ương giao chi tiết nhưng không giao cho địa phương thẩm quyền điều chỉnh trong quá trình triển khai thực hiện dẫn đến không giải ngân được kinh phí CTMTQG. Khó khăn này đã được đề xuất xử lý bằng giải pháp cho phép chuyển nguồn các nguồn vốn chưa giải ngân hết trong năm 2023 sang năm 2024 thực hiện; đồng</p>

STT	PHẢN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p>ngân sách trung ương”.</p> <p>- “Hàng năm, UBND các cấp quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước thực hiện các CTMTQG giữa các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc từng CTMTQG theo thẩm quyền và báo cáo HĐND cùng cấp tại kỳ họp gần nhất”.</p>	<p>thời đã đề xuất cho phép các địa phương được chủ động điều chỉnh các nguồn vốn này.</p> <p>+ Bên cạnh đó, dự thảo Nghị quyết đã đề xuất cơ chế đặc thù Trung ương giao tổng kinh phí thực hiện các CTMTQG, địa phương quyết định chi tiết. Nếu cơ chế này được thông qua thì các địa phương được chủ động trong phân bổ, sử dụng ngân sách. Để đảm bảo hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, kịp thời thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình theo tiến độ, các địa phương phải chủ động xây dựng kế hoạch, dự toán, phân bổ nguồn lực theo nhu cầu, điều kiện thực tiễn để khẩn trương triển khai thực hiện các chương trình.</p> <p>+ Việc cho phép chuyển nguồn sẽ tạo tâm lý thiếu quyết liệt, làm chậm tiến độ thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ theo từng năm; không phù hợp với chủ trương của Quốc hội và Chính phủ về hạn chế việc chuyển nguồn các kinh phí không thực hiện trong năm.</p>
			<p>2. Đối với dự thảo Tờ trình của Chính phủ Đề nghị bổ sung nội dung đề xuất của tỉnh Hà Giang tại 1.4 nêu trên vào nội dung tương ứng tại Mục 4 Phần IV. Bộ cục dự thảo Nghị quyết và nội dung cơ chế đặc thù đề xuất đưa vào Nghị quyết.</p>	<p>- Rà soát, tiếp thu.</p>

STT	PHẢN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
2	Cao Bằng	3149/UBN D-TH ngày 15/11/2023	<p>1. Tên Nghị quyết</p> <p>Đề khái quát các nội dung dự thảo Nghị quyết, đề nghị chỉnh sửa tên của Nghị quyết như sau: “Nghị quyết về thí điểm thực hiện các cơ chế đặc thù trong thực hiện các CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025”.</p> <p>2. Dự thảo Nghị quyết</p> <p>- Tại Khoản 2, Điều 3: Đề xuất Chính phủ là cơ quan có thẩm quyền quy định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong thực hiện các chương trình MTQG (mà không phân cấp cho HĐND cấp tỉnh hoặc quy định HĐND cấp tỉnh giao UBND cấp tỉnh quyết định).</p>	<p>- Tên Nghị quyết được lấy theo tên đã được Quốc hội quyết nghị.</p> <p>- Tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã phân cấp cho cấp tỉnh quyết định trình tự thủ tục lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc lĩnh vực khác ngoài lĩnh vực nông nghiệp để đảm bảo phù hợp với phân công, phân cấp tổ chức thực hiện dự án phát triển sản xuất tại từng địa phương.</p> <p>Bên cạnh đó, ở mỗi địa phương, theo đặc điểm, khả năng có sự lựa chọn và tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất khác nhau (trừ lĩnh vực nông nghiệp). Do vậy, việc quy định chung một quy trình áp dụng cho các địa phương sẽ không bao quát hết đặc thù của từng địa phương và có thể phát sinh những bất cập, làm hạn chế sự chủ động của các địa phương.</p> <p>Trên cơ sở kết quả tổng kết, đánh giá và đề xuất cụ thể từ các địa phương, các cơ quan trung ương sẽ nghiên cứu, đề xuất một quy định thống nhất về trình tự, thủ tục, điều kiện lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất áp dụng chung cho cả nước.</p>

STT	PHẢN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Khoản 5, Điều 3 về cơ chế ủy thác: Góp ý kỹ thuật đối với câu từ và cách sắp xếp mục.</li> <li>- Tại Khoản 7, Điều 3 về cơ chế thí điểm phân cấp, đề nghị: (1) Làm rõ HĐND cấp tỉnh có phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện phân cấp theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương không?; đồng thời cần quy định rõ “tiêu chí” lựa chọn đơn vị cấp huyện; (2) Cân nhắc không ban hành cơ chế thí điểm do nhiều tác động tiêu cực có thể xảy ra khi thực hiện cơ chế thí điểm.</li> <li>- Tại Khoản 1, Điều 4: Đề nghị dự thảo quy định rõ hơn thời hạn hết hiệu lực của văn bản, vì quy định như dự thảo “... đến hết thời gian thực hiện, giải ngân vốn các CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025” là chưa xác định được thời hạn cụ thể.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát, tiếp thu.</li> <li>- Theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, HĐND cấp tỉnh ban hành văn bản để quy định chi tiết điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên ban hành.</li> <li>- Việc đề xuất cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện để triển khai nhiệm vụ Quốc hội giao tại Nghị quyết số 100/2023/QH15.</li> <li>- Việc lựa chọn huyện cụ thể để thực hiện thí điểm sẽ do địa phương tự quyết định phù hợp với điều kiện thực tiễn.</li> <li>- Thời hạn hiệu lực của Nghị quyết được tính theo thời gian sử dụng vốn các CTMTQG giai đoạn 2021-2025.</li> </ul>
3	Lạng Sơn	1638/UBND-KT ngày 15/11/2023	<p>1. Dự thảo Tờ trình của Chính phủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiết (2) điểm e, khoản 4, mục IV dự thảo Tờ trình của Chính phủ quy định về ủy thác vốn tự cân đối ngân sách địa phương qua hệ thống ngân hàng chính sách xã hội (trang 6) ghi: “(2) Giao HĐND Thành phố quy định tiêu chí, điều kiện, mức, nội dung, hình thức và thời gian hỗ trợ”. Đề nghị xem xét chỉnh sửa</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát, tiếp thu.</li> </ul>

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p>thành: “(2) Giao HĐND cấp tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, mức, nội dung, hình thức và thời gian hỗ trợ”.</p> <p>2. Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội:</p> <p>- Điểm c, khoản 5, Điều 3: Đề nghị xem xét chỉnh sửa thành: “c) Giao HĐND cấp tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, mức, nội dung, hình thức và thời gian hỗ trợ”.</p> <p>- Điểm c, khoản 1, Điều 3 dự thảo Nghị quyết (trang 2) về cơ chế, chính sách đặc thù về phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên nguồn ngân sách trung ương hằng năm đề nghị xem xét bỏ cụm từ “và lĩnh vực chi”</p>	<p>- Rà soát, tiếp thu.</p> <p>- Tiếp thu.</p>
4	Lào Cai	5807/UBN D-TH ngày 13/11/2023	<p>1. Tại điểm c, khoản 1, điều 3, dự thảo Nghị quyết đề nghị sửa như sau: “... Cho phép HĐND tỉnh điều chỉnh kinh phí giữa các dự án, nội dung thành phần theo nhu cầu thực tế của địa phương trong tổng số dự toán của từng chương trình được trung ương giao.”</p> <p>2. Tại mục a, Khoản 7, Điều 3 dự thảo Nghị quyết của Quốc hội, đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung nội dung theo hướng sau giao HĐND cấp tỉnh tùy theo điều kiện, tình hình thực tế ở địa phương (nếu thấy cần thiết) có</p>	<p>- Tiếp thu, bổ sung một (01) khoản quy định cơ chế điều chỉnh dự toán, kế hoạch.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p>

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p>thể quyết định việc lựa chọn 01 đơn vị cấp huyện ...</p> <p>3. Đề nghị bổ sung nội dung: “riêng đối với thời hạn điều chỉnh dự toán thực hiện các chương trình MTQG ở các cấp địa phương được thực hiện trước thời điểm ngày 31 tháng 12”.</p> <p>4. Đề nghị bổ sung nội dung kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân kinh phí CTMTQG chưa giải ngân hết trong năm 2023 sang năm 2024 theo đề xuất của Chính phủ tại điểm b khoản 7 Tờ trình số 557/TTr-CP ngày 16/10/2023 của Chính phủ vào Nghị quyết này hoặc Nghị quyết giao dự toán NSNN năm 2024.</p>	<p>- Nghiên cứu bổ sung (01) khoản quy định cơ chế điều chỉnh dự toán, kế hoạch và không giới hạn mốc điều chỉnh.</p> <p>- Kiến nghị của địa phương đã được tổng hợp, báo cáo Quốc hội quyết nghị tại Nghị quyết số 104/2023/QH15 và Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề về 03 CTMTQG.</p>
5	Yên Bái	2262/SKH ĐT-TH ngày 10/11/2023	<p>- Tại điểm c khoản 1 Điều 3: Đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa: “<i>Giao HDND cấp tỉnh quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên nguồn ngân sách trung ương hằng năm của từng CTMTQG chi tiết đến từng dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần và lĩnh vực chi</i>”.</p> <p>- Đề nghị nghiên cứu bổ sung điểm d khoản 1 Điều 3 trong dự thảo Nghị quyết như sau: “<i>d) Cho phép HDND tỉnh điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn từ chi thường xuyên của các nội dung, dự án không còn đối tượng chi hoặc</i></p>	<p>- Rà soát, tiếp thu.</p> <p>- Việc cho phép địa phương điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn giữa các chương trình sẽ làm thay đổi chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và kế hoạch đầu tư công trung hạn từng chương trình đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ</p>



STT	PHẢN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p><i>không có khả năng giải ngân để chuyển sang chi đầu tư cơ sở hạ tầng, thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới.</i></p> <p>- Đề nghị nghiên cứu bổ sung khoản 2 Điều 3 trong dự thảo Nghị quyết như sau:  <i>“2. Về phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách trung ương  Giao HĐND cấp tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn thuộc CTMTQG cho các đơn vị, địa phương chi tiết đến các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần, danh mục (nếu có).”</i></p> <p>- Tại khoản 6 Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định: “Về giao danh mục dự án đầu tư công đối với các dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, có sự tham gia của người dân”.  Đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa: <i>“Về giao danh mục dự án đầu tư công đối với các dự án được tổ chức thực hiện theo cơ chế đặc thù”</i>.</p> <p>- Tại điểm a khoản 7 Điều 3, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa: <i>“Giao HĐND cấp tỉnh tùy thuộc vào điều kiện thực tế của địa phương, có thể quyết định việc lựa 01 đơn vị cấp</i></p>	<p>quyết nghị. Do vậy, Quốc hội mới cho chủ trương điều chỉnh ở cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện. Việc mở rộng sẽ nghiên cứu đề xuất sau khi có đánh giá thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp.</p> <p>- Nội dung đề xuất đã được quy định tại Điều 6 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP).</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p>

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<i>huyện để thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp cho HĐND cấp huyện ...”.</i>	
6	Bắc Giang	3290/SKH ĐT-KGVX ngày 10/11/2023	Tại Điều 4 (Điều khoản thi hành): Đề nghị bổ sung điều khoản về hồi quy đối với kế hoạch vốn đã phân bổ, được phép kéo dài thực hiện và giải ngân trong năm 2024.	- Không tiếp thu do địa phương chưa làm rõ nội dung, cơ sở đề xuất chính sách cần bổ sung.
7	Lai Châu	2281/SKH ĐT-KTN ngày 12/11/2023	<p>1. Tại trang số 2, điểm b, mục 1 Điều 3, đề nghị điều chỉnh lại như sau: “Thủ tướng Chính phủ giao dự toán chi thường xuyên nguồn ngân sách trung ương hằng năm cho các địa phương theo tổng kinh phí của từng CTMTQG”.</p> <p>2. Đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu sự phù hợp giữa quy định tại điểm b, mục 1 Điều 3 Quy định tại điểm a, mục 7 Điều 3 đã tạo điều kiện cho địa phương linh hoạt trong quá trình triển khai thực hiện để đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện nông thôn mới. Tuy nhiên việc điều chỉnh kế hoạch vốn giữa các CTMTQG của huyện sẽ ảnh hưởng đến cơ cấu vốn giữa các CTMTQG của tỉnh và ảnh hưởng đến tổng kinh phí của từng CTMTQG được Thủ tướng chính phủ giao. Việc giao cố định dự</p>	<p>- Tại dự thảo Nghị quyết đã đề xuất Thủ tướng Chính phủ giao chi thường xuyên theo tổng kinh phí từng chương trình như kiến nghị của địa phương.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p> <p>- Phản ánh của địa phương đã được nêu tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách thí điểm phân cấp cấp huyện.</p>

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p>toán chi thường xuyên nguồn ngân sách trung ương hằng năm cho các địa phương theo tổng kinh phí của từng CTMTQG điểm b, mục 1 Điều 3 sẽ không đảm bảo để thực hiện quy định tại điểm a, mục 7 Điều 3.</p> <p>3. Tại trang số 3, điểm a, mục 1 Điều 3. đề nghị điều chỉnh lại như sau: “Chủ dự án phát triển sản xuất quản lý, sử dụng tài sản hình thành trong thời gian thực hiện dự án. Trong thời gian quản lý, sử dụng tài sản, chủ dự án không được bán, chuyển nhượng tài sản; được sử dụng tài sản để thế chấp vốn vay tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Cơ quan quản lý nhà nước chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát quá trình quản lý, sử dụng tài sản”.</p> <p>4. Tại trang số 4, điểm c, mục 1 Điều 4, đề nghị điều chỉnh lại như sau: “Giao HĐND cấp tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, mức, nội dung, hình thức và thời gian hỗ trợ”.</p> <p>5. Đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm vào Điều 3 dự thảo Nghị quyết của Quốc hội hoặc cụ thể hóa tại Nghị định của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội nội dung sau: “Đối với phần vốn hết nhiệm vụ chi của tỉnh hằng</p>	<p>- Rà soát, tiếp thu. đề xuất đưa kiến nghị của địa phương vào Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết cơ chế xử lý tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p>

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			năm được sử dụng để bố trí cho huyện thực hiện cơ chế thí điểm”.	
8	Hưng Yên	3200/SKH ĐT-KTN ngày 15/11/2023	<p>1. Về Tờ trình dự thảo Nghị quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên dự thảo Tờ trình Nghị quyết và tên Nghị quyết của Quốc hội nên thống nhất.</li> <li>- Bổ sung biểu tổng hợp so sánh, đánh giá cơ chế đang thực hiện và cơ chế đặc thù đề xuất với nội dung: Về cơ chế đang thực hiện - Cơ chế đặc thù đề xuất; Thuận lợi, khó khăn cơ chế đang thực hiện - Cơ chế đặc thù đề xuất; Thời gian cơ chế đang thực hiện - Thời gian thực hiện cơ chế đặc thù đề xuất; Giải pháp cụ thể cơ chế đang thực hiện - Giải pháp cụ thể cơ chế đặc thù đề xuất; Đánh giá tác động, hiệu quả cơ chế đang thực hiện - Đánh giá tác động, hiệu quả cơ chế đặc thù đề xuất ...</li> </ul> <p>2. Về dự thảo Nghị quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị nghiên cứu bổ sung điểm b, khoản 5 Điều 3 (nếu có).</li> <li>- Tại điểm c, khoản 5 Điều 3: Đề nghị quy định rõ hơn nội dung này (Giao HĐND Thành phố...).</li> <li>- Đối với nội dung tại khoản 7 Điều 3: Tỉnh Hưng Yên không đề xuất thực hiện thí điểm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu, rà soát theo Tên nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết của Quốc hội.</li> <li>- Đã có phân tích, đánh giá tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát, tiếp thu bổ sung quy định các địa phương có thể lựa chọn hoặc không lựa chọn áp dụng cơ chế.</li> <li>- Tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp theo chủ trương của Quốc hội tại Nghị quyết số 100/2023/QH15. Tại dự</li> </ul>

STT	PHẢN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			việc phân cấp cho cấp huyện trong việc thực hiện các Chương trình MTQG	thảo Nghị quyết đang đề xuất việc áp dụng cơ chế thí điểm tùy theo điều kiện thực tiễn của từng địa phương.
9	Vĩnh Phúc	3440/SKH ĐT-QLN ngày 10/11/2023	<p><b>1. Chính sách số 06</b> về cơ chế giao danh mục dự án đầu tư công đối với dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, có sự tham gia của người dân, đề nghị nghiên cứu điều chỉnh để áp dụng cho toàn bộ các dự án đầu tư công thực hiện các CTMTQG, không thu hẹp phạm vi chỉ áp dụng đối với các dự án quy mô nhỏ thực hiện theo cơ chế đặc thù.</p> <p><b>2. Chính sách số 07</b> về cơ chế phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG, đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng, chỉ áp dụng đối với các tỉnh nhận hỗ trợ từ vốn ngân sách trung ương và đã đăng ký thực hiện thí điểm (tỉnh Vĩnh Phúc không đăng ký thí điểm).</p>	<p>Theo quy định pháp luật về quản lý đầu tư công, việc thực hiện dự án đầu tư công phải theo kế hoạch trung hạn, đảm bảo việc phê duyệt, thực hiện dự án đầu tư công phải gắn với khả năng cân đối, huy động, bố trí nguồn lực, không để phát sinh tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản tràn lan như giai đoạn trước. Do vậy, trước mắt chỉ xem xét cơ chế đặc thù đối với những dự án quy mô rất nhỏ, gắn liền với sự tham gia của người dân, khó xác định ngay cho cả giai đoạn 5 năm.</p> <p>- Việc thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp theo chủ trương của Quốc hội tại Nghị quyết số 100/2023/QH15. Tại dự thảo Nghị quyết đang đề xuất việc áp dụng cơ chế thí điểm tùy theo điều kiện thực tiễn của từng địa phương.</p>
10	Nam Định	3368/SKH &ĐT-QLN ngày 13/11/2023	<p>1. Tại khoản 1 Điều 3 về cơ chế giao dự toán chi thường xuyên, đề nghị điều chỉnh, bổ sung bao gồm cả vốn đầu tư và chi thường xuyên; đồng thời, bỏ nội dung giao HĐND cấp tỉnh phân bổ đến lĩnh vực chi.</p> <p>2. Tại khoản 6 Điều 3, đề nghị xem xét chỉnh sửa như sau: “Giao kế hoạch vốn đầu tư công</p>	<p>- Luật ĐTC, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP đã quy định giao kế hoạch, dự toán chi đầu tư theo chương trình.</p> <p>- Tiếp thu.</p> <p>- Để có cơ sở xác định tổng mức vốn trung hạn thực hiện các dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, có sự</p>

STT	PHẢN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p>cả giai đoạn (nếu có) theo tổng vốn để thực hiện các dự án đầu tư quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, có sự tham gia của người dân; không bắt buộc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với các dự án này.”.</p> <p>3. Để quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội được diễn ra thuận lợi, địa phương không phải ban hành thêm thể chế đề nghị gộp điểm a, b khoản 7 Điều 3 của dự thảo thành điểm a (một điểm) và sửa lại như sau: “a) Trường hợp cần thiết, UBND cấp tỉnh báo cáo HĐND cấp tỉnh quyết định lựa chọn 01 đơn vị cấp huyện để thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp cho HĐND cấp huyện được điều chỉnh kế hoạch vốn giữa các CTMTQG; điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn từ vốn thường xuyên của các nội dung, dự án không còn đối tượng, hoặc không có khả năng giải ngân để tập trung vốn cho đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện xây dựng nông thôn mới.”</p>	<p>tham gia của người dân thì phải tiến hành các bước lập kế hoạch. Bên cạnh đó, tại dự thảo Nghị quyết đã đề xuất không bắt buộc giao Danh mục dự án đầu tư công đối với loại dự án này.</p> <p>- Việc thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp theo chủ trương của Quốc hội tại Nghị quyết số 100/2023/QH15. Tại dự thảo Nghị quyết đang đề xuất việc áp dụng cơ chế thí điểm tùy theo điều kiện thực tiễn của từng địa phương.</p>
11	Thái Bình	2417/SKH ĐT-KTXH ngày 13/11/2023	1. Tại điểm a khoản 7 dự thảo Nghị quyết của Quốc hội, đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau: “...các nội dung, dự án không phù hợp	- Rà soát, tiếp thu.

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p>với tình hình thực tế, không có khả năng giải ngân...”.</p> <p>2. Đề nghị xem xét, bổ sung quy định cho phép UBND cấp tỉnh điều chỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các CTMTQG và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.</p>	<p>- Không tiếp thu do vấn đề liên quan đến ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW thực hiện theo quy định Luật Ngân sách nhà nước.</p>
12	Thanh Hóa	17283/UBND-THKH ngày 15/11/2023	<p>1. Nội dung nghiên cứu chỉnh sửa tại Chính sách 2 về cơ chế giao UBND cấp tỉnh quy định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ sản xuất, đề nghị nghiên cứu bỏ cụm từ “hoặc quyết định điều chỉnh” để đảm bảo tính thống nhất cơ quan nào ban hành chính sách thì cơ quan đó điều chỉnh chính sách.</p> <p>2. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết cho phép điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách Trung ương hằng năm được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau giữa các dự án, trong nội bộ các dự án thành phần để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn và đảm bảo đúng mục tiêu, nhiệm vụ các chương trình MTQG đề ra.</p>	<p>- Không tiếp thu. Lý do, việc đề xuất cho phép HĐND cấp tỉnh giao UBND cấp tỉnh điều chỉnh nhằm đáp ứng nguyện vọng của nhiều địa phương và tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong việc ban hành các chính sách sửa đổi, bổ sung (nếu có). Bên cạnh đó, địa phương vẫn có thể lựa chọn trình HĐND cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh chính sách của HĐND cấp tỉnh ban hành.</p> <p>- Tiếp thu.</p>

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
13	Nghệ An	9948/UBN D-VX ngày 21/11/2023	<p>1. Đối với Tờ trình Dự thảo Nghị quyết : Tại mục IV.4 Về nội dung cơ chế đặc thù, đề nghị:</p> <p>- Sửa mục IV.4.h như sau: “Khoản 7 Điều 3 quy định về phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG. Trong đó quy định: (1) Giao HĐND cấp tỉnh chủ động quyết định việc điều chỉnh vốn hàng năm giữa các CTMTQG (bao gồm cả điều chỉnh kế hoạch vốn thuộc kế hoạch năm trước được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân trong các năm sau)...”.</p> <p>- Bổ sung mục IV.4.g như sau: “Khoản 8 Điều 3 quy định về kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn các CTMTQG. Trong đó quy định: Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến hết 31/12/2024 đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện 03 CTMTQG đã được phân bổ trong năm 2022 và năm 2023, chưa giải ngân hết.</p> <p>2. Đối với dự thảo Nghị quyết</p> <p>- Đề nghị điều chỉnh khoản 7 Điều 3 Dự thảo như sau:</p>	<p>- Việc cho phép địa phương điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn giữa các chương trình sẽ làm thay đổi chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và kế hoạch đầu tư công trung hạn từng chương trình đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết nghị và ảnh hưởng lớn đến việc tổ chức thực hiện các CTMTQG giai đoạn 2021-2025. Do vậy, thực hiện chủ trương của Quốc hội mới nghiên cứu cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện được điều chỉnh vốn. Việc mở rộng sẽ nghiên cứu đề xuất sau khi có đánh giá thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp.</p> <p>- Kiến nghị của địa phương đã được Quốc hội quyết nghị tại Nghị quyết số 104/2023/QH15 và Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề 03 CTMTQG.</p> <p>- Việc cho phép địa phương điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn giữa các chương trình sẽ làm thay đổi chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và kế hoạch đầu tư công trung hạn từng</p>



STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p>“7. Về phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG:</p> <p>a) Giao HĐND cấp tỉnh chủ động quyết định việc điều chỉnh vốn vốn hàng năm giữa các CTMTQG (bao gồm cả điều chỉnh kế hoạch vốn thuộc kế hoạch năm trước được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân trong các năm sau).</p> <p>- Đề nghị bổ sung khoản 8 Điều 3 chính sách về kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn các CTMTQG.</p>	<p>Chương trình đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết nghị và ảnh hưởng lớn đến việc tổ chức thực hiện các CTMTQG giai đoạn 2021-2025. Do vậy, thực hiện chủ trương của Quốc hội mới nghiên cứu cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện được điều chỉnh vốn. Việc mở rộng sẽ nghiên cứu đề xuất sau khi có đánh giá thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp.</p> <p>- Kiến nghị của địa phương đã được Quốc hội quyết nghị tại Nghị quyết số 104/2023/QH15 và Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề 03 CTMTQG.</p>
14	Hà Tĩnh	3612/SKH ĐT-KTN ngày 15/11/2023	<p>1. Tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết, đề nghị bỏ các nội dung: (1) Thủ tướng Chính phủ giao danh mục tên các dự án, nội dung thành phần; (2) HĐND cấp tỉnh phân bổ chi tiết đến từng dự án thành phần và lĩnh vực chi.</p> <p>2. Bổ sung nội dung vào khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết: HĐND cấp huyện quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hằng năm của từng CTMTQG chi tiết từng dự án thành phần, lĩnh vực chi.</p> <p>3. Đề nghị làm rõ đơn vị được giao tại điểm c Khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị quyết: “Giao</p>	<p>- Rà soát, tiếp thu.</p> <p>- HĐND cấp huyện phân bổ chi thường xuyên NSNN theo thẩm quyền theo quy định Luật NSNN.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p>

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			HĐND Thành phố quy định tiêu chí, điều kiện, mức, nội dung, hình thức và thời gian hỗ trợ”. (“HĐND Thành phố” ở đây là HĐND cấp huyện hay là cụ thể cấp địa phương nào?).	
15	Quảng Trị	2667/SKH ĐT-KGVX ngày 10/11/2023	<p>1. Tại khoản 5, Điều 3 dự thảo Nghị quyết của Quốc hội: đề nghị sửa cụm từ “HĐND Thành phố” thành “HĐND tỉnh” và sửa điểm c, thành điểm b.</p> <p>2. Tại khoản 7, Điều 3 dự thảo Nghị quyết của Quốc hội:          Đề nghị quy định đối với trường hợp quyết định lựa chọn 01 đơn vị cấp huyện để thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp cho HĐND cấp huyện thì giao nhiệm vụ cho UBND cấp huyện chủ động xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, yêu cầu cụ thể; quy định về cơ chế khen thưởng, kỷ luật, đánh giá cán bộ đối với cá nhân, đơn vị có liên quan trong thực hiện cơ chế phân cấp.          Đối với nguồn vốn thường xuyên của các nội dung, dự án không còn đối tượng, hoặc không có khả năng giải ngân thì đề nghị Trung ương thu hồi để cấp lại qua nguồn vốn đầu tư phát</p>	<p>- Rà soát, tiếp thu.</p> <p>- Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ từng CTMTQG cho UBND cấp tỉnh. Việc cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ giao cấp huyện thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh. Do vậy, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ giao cho huyện được lựa chọn thực hiện cơ chế thí điểm.</p> <p>- Việc thu hồi và cấp lại phải thực hiện theo quy trình quyết toán và cấp dự toán theo quy định của Luật NSNN; không đảm bảo tính kịp thời, chủ động cho địa phương.</p>

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			triển để đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý trong triển khai thực hiện	
16	Quảng Ngãi	2235/SKH ĐT-KTN ngày 13/11/2023	<p>1. Về dự thảo Nghị quyết</p> <p>- Tại điểm b, khoản 3, Điều 3, đề nghị xem xét bổ sung cụm từ: “Trường hợp, đối tượng ngoài nhà nước đã tự thực hiện mua sắm hàng hoá phục vụ hoạt động phát triển sản xuất trước ngày Chính phủ quy định nội dung nêu trên thì điều kiện, quy trình, thủ tục thanh toán là hoá đơn, chứng từ mua sắm hàng, hợp đồng ký kết với cơ quan, đơn vị được giao dự toán thực hiện dự án, kế hoạch và quyết định phê duyệt dự án của cấp thẩm quyền”.</p> <p>- Tại điểm a, khoản 5, Điều 3, đề nghị xem xét, bổ sung “...hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số vay vốn tín dụng ưu đãi thực hiện một số hoạt động phát triển sản xuất, tạo việc làm, xây dựng, sửa chữa nhà ở, ổn định sinh kế, trong triển khai nội dung, dự án thành phần thuộc các Chương trình MTQG”.</p>	<p>- Trong trường hợp giao chủ trì liên kết, cộng đồng tự thực hiện hoạt động mua sắm các hàng hóa, dịch vụ được nhà nước hỗ trợ: Việc sử dụng kinh phí hỗ trợ của nhà nước để mua sắm hàng hóa không thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13. Tuy nhiên, việc sử dụng kinh phí này thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15; nhưng tại Luật chưa quy định cụ thể trình tự, thủ tục, yêu cầu về đấu thầu mua sắm hàng hóa trong trường hợp vừa sử dụng vốn hỗ trợ từ NSNN, vừa có vốn tự có của các đối tượng ngoài nhà nước. Do vậy, nhiều địa phương đã kiến nghị quy định rõ cơ chế sử dụng vốn NSNN trong trường hợp này.</p> <p>- Chính sách tín dụng cho các đối tượng chính sách vay vốn xây nhà, sửa chữa nhà ở đã được quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP. Tại cơ chế đặc thù, đang đề xuất cho phép cấp tỉnh được ban hành chính sách tín dụng ưu đãi của địa phương, sử dụng nguồn vốn tự cân đối của địa phương để ủy thác qua NHCSXH chi nhánh tại địa phương để thực hiện chính sách ưu đãi đó. Do vậy, cơ chế đặc thù thí điểm giới hạn vào một số đối tượng đặc thù, gắn với mục tiêu hỗ trợ phát triển sản xuất, việc làm, tạo</p>

STT	PHẢN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại điểm c, khoản 5, Điều 3, đề nghị xem xét, sửa đổi cụm từ “Thành phố” thành “cấp tỉnh”</li> <li>- Tại điểm a, khoản 7, Điều 3 Dự thảo Nghị quyết đề nghị nghiên cứu bỏ việc điều chỉnh kế hoạch vốn giữa các CTMTQG, vì sẽ gây ra khó khăn trong công tác quản lý kế hoạch vốn của từng chương trình.</li> </ul> <p>2 Đối với các dự thảo: Tờ trình, Báo cáo rà soát văn bản, Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề nghị xem xét, sửa đổi các nội dung tương ứng như ý kiến đã tham gia Dự thảo Nghị quyết.</p>	<p>sinh kế cho người dân để tập trung nguồn lực thực hiện các mục tiêu của từng CTMTQG.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu.</li> <li>- Việc thực hiện cơ chế thí điểm trên cơ sở định hướng giao tổng số vốn chung cho các CTMTQG để cấp huyện tự quyết định việc sử dụng. Căn cứ điều kiện thực tiễn, HĐND cấp tỉnh quyết định có áp dụng hay không áp dụng.</li> <li>- Rà soát, tiếp thu.</li> </ul>
17	Phú Yên	3190/SKH ĐT-QLN ngày 13/11/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với cơ chế số 5 về ủy thác vốn, đề nghị quy định rõ trình tự, thủ tục và phải đơn giản nhất để địa phương chuyển vốn sang Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương; xác định rõ vốn đầu tư công, vốn chi thường xuyên hay cả hai nguồn áp dụng cùng một cơ chế và cấp trực tiếp theo đề án, nghị quyết xác định hay được cấp có thẩm quyền thông qua.</li> <li>- Đề nghị bổ sung cơ chế cho phép kéo dài thời gian thực hiện giải ngân vốn sự nghiệp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu, tiếp thu.</li> <li>- Kiến nghị kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn của địa phương đã được Quốc hội quyết nghị tại Nghị quyết</li> </ul>

STT	PHẢN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p>đối với các Chương trình MTQG đến hết năm 2025 và được phép điều chỉnh giữa các Dự án, Tiểu dự án để đảm bảo thực hiện giải ngân hết vốn cho các mục tiêu của Chương trình giai đoạn 2021-2025 (gồm các điều chỉnh vốn sự nghiệp sang vốn đầu tư công cùng một Chương trình).</p> <p>- Kiến nghị Bộ xem xét, hướng dẫn xử lý các quy định chậm về mức hỗ trợ, cơ chế hỗ trợ, hồ sơ thủ tục để làm cơ sở hỗ trợ đối với Dự án 1 về hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất thuộc CTMTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</p>	<p>số 104/2023/QH15 và Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề 03 CTMTQG.</p> <p>- Tiếp thu kiến nghị cho phép địa phương điều chỉnh vốn.</p> <p>- Không tiếp thu vào dự thảo Nghị quyết. Lý do, nội dung kiến nghị của địa phương thuộc thẩm quyền xử lý của Chính phủ và các bộ, ngành.</p>
18	Bình Thuận	4480/UBN D-KT ngày 17/11/2023	<p>Tại điểm c khoản 1 Điều 3, đề nghị bổ sung: “Trong trường hợp cần thiết phân cấp cho HĐND cấp huyện phân bổ dự toán chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước hằng năm của từng CTMTQG chi tiết đến từng dự án thành phần và lĩnh vực chi.”.</p>	<p>- Không tiếp thu. Lý do, việc phân cấp cho cấp huyện thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh quyết định theo quy định.</p>
19	Đắk Lắk	3078/SKH ĐT-KGVX ngày 15/11/2023	<p>- Tại điểm b khoản 1 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết, đề nghị bổ quy định Thủ tướng Chính phủ giao danh mục dự án thành phần nhằm</p>	<p>- Rà soát, tiếp thu.</p>

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p>đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, khả năng thực hiện của từng địa phương.</p> <p>- Tại khoản 2 Điều 3, đề nghị xem xét, bổ sung nội dung “cho phép HĐND tỉnh giao UBND tỉnh quyết định mẫu hồ sơ, thủ tục lựa chọn dự án được liệu quý thuộc Chương trình MTQG 1719 giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025”</p> <p>- Kiến nghị bổ sung một số cơ chế đặc thù, bao gồm: (i) Cho phép tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân nguồn vốn giao thực hiện các chương trình MTQG năm 2022 sang năm 2024 để triển khai thực hiện; (ii) Cho phép điều chỉnh dự toán, kế hoạch vốn đã giao thực hiện các chương trình MTQG năm 2022 vào Điều 3 Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội.</p>	<p>- Nội dung chính sách đã bao gồm nội dung triển khai cho dự án trồng cây dược liệu quý thuộc CTMTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&amp;MN.</p> <p>- Kiến nghị kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn của địa phương đã được Quốc hội quyết nghị tại Nghị quyết số 104/2023/QH15 và Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề 03 CTMTQG.</p> <p>- Tiếp thu kiến nghị cho phép địa phương điều chỉnh vốn.</p>
20	Đắk Nông	7150/UBND-KT ngày 23/11/2023	<p>1. Tại điểm b và c khoản 1 Điều 3, đề nghị xem xét, điều chỉnh như sau:</p> <p>“b) Thủ tướng Chính phủ giao dự toán chi thường xuyên nguồn ngân sách trung ương hằng năm cho các địa phương theo tổng kinh phí của từng CTMTQG.</p> <p>“c) Giao HĐND cấp tỉnh quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên nguồn ngân sách</p>	<p>- Rà soát, tiếp thu.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p>

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p><i>nhà nước hằng năm của từng CTMTQG chi tiết đến từng dự án thành phần và lĩnh vực chi cho cơ quan, đơn vị thực hiện cấp tỉnh và dự toán chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước hằng năm của từng CTMTQG cho cấp huyện. HĐND cấp huyện phân bổ chi tiết cho từng nội dung, dự án thành phần triển khai thực hiện trên địa bàn phù hợp với thực tế của địa phương”.</i></p> <p>2. Tại điểm c khoản 5 Điều 3, đề nghị chỉnh sửa như sau: “b) Giao UBND cấp tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, mức, nội dung, hình thức và thời gian hỗ trợ.”</p>	- Tiếp thu.
21	Gia Lai	3150/UBN D-KTTH ngày 14/11/2023	<p>1. Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất về phạm vi và đối tượng áp dụng.</li> <li>- Tại điểm b khoản 1 Điều 3, đề nghị chỉnh sửa: “b. Thủ tướng Chính phủ giao dự toán chi thường xuyên nguồn ngân sách trung ương hằng năm cho các địa phương theo tổng kinh phí của từng CTMTQG; danh mục tên các dự án, nội dung thành phần (không giao chi tiết vốn của từng dự án thành phần).</li> <li>- Tại điểm c khoản 1 Điều 3, đề nghị bổ sung, chỉnh sửa: “c. Giao HĐND cấp tỉnh quyết</li> </ul>	<p>- Rà soát, tiếp thu.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p>

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p>định phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hằng năm cho từng chương trình MTQG (không giao chi tiết vốn của từng dự án thành phần và lĩnh vực chi), giao cho HĐND cấp dưới quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước hằng năm của từng chương trình MTQG chi tiết đến từng dự án thành phần và lĩnh vực chi”.</p> <p>- Tại khoản 7 Điều 3, đề nghị bổ sung nội dung: “Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công và vốn sự nghiệp hằng năm đến ngày 31 tháng 12 năm sau”.</p> <p>- Tại mục b khoản 7 Điều 3, đề nghị bổ sung nội dung: “Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh kế hoạch vốn (bao gồm cả vốn kéo dài) giữa các nội dung, dự án thành phần thuộc CTMTQG, giữa các CTMTQG”.</p> <p>2. Dự thảo Tờ trình của Chính phủ</p> <p>- Tại mục b khoản 1 phần IV, đề nghị bổ sung, chỉnh sửa nội dung: “Đồng thời, việc phân cấp, phân quyền cho cấp tỉnh, huyện, xã quyết định chi tiết việc sử dụng kinh phí sự nghiệp.”</p>	<p>- Việc kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn đã được Quốc hội quyết nghị cho các nguồn vốn chưa giải ngân hết trong năm 2023 được chuyển sang thực hiện trong năm 2024; chưa có cơ sở đề xuất cho 2024, 2025.</p> <p>- Việc quyết định phương án phân bổ dự toán NSNN, kế hoạch đầu tư công trung hạn, đầu tư vốn hằng năm của phần vốn hỗ trợ của NSTW thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p>



STT	PHẢN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			- Đề nghị Quý Bộ rà soát các nội dung đã tham gia tại Dự thảo Nghị quyết của Chính phủ như trên để đảm bảo đồng bộ nội dung với dự thảo Tờ trình của Chính phủ.	
22	Kon Tum	3906/UBN D-KTTH ngày 10/11/2023	<p>Đề nghị tổng hợp, đề xuất Quốc hội cho phép:</p> <p>(i) Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến hết 31 tháng 12 năm 2024 đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện 03 CTMTQG năm 2023 chưa giải ngân hết (bao gồm vốn kế hoạch năm 2022 được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023)</p> <p>(ii) Các địa phương được chủ động quyết định việc điều chỉnh vốn giữa các nội dung, dự án, lĩnh vực chi trong kế hoạch vốn, dự toán ngân sách nhà nước hàng năm như đề xuất tại Tờ trình số 557/TTr-CP ngày 16/10/2023.</p>	<p>- Kiến nghị kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn của địa phương đã được Quốc hội quyết nghị tại Nghị quyết số 104/2023/QH15 và Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề 03 CTMTQG.</p> <p>- Tiếp thu kiến nghị cho phép địa phương điều chỉnh vốn.</p>
23	Đồng Nai	5345/SKH ĐT-QLN ngày 14/11/2023	Đề nghị quy định rõ Danh mục dự án đầu tư có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp cụ thể là những loại công trình nào, để làm cơ sở xác định và đưa vào kế hoạch đầu tư công theo quy định.	Tại khoản 4 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) đã quy định UBND cấp tỉnh quy định danh mục loại công trình, dự án đặc thù.
24	Bình Phước	2900/SKH ĐT-ĐT	Tại khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định về ủy thác, đề nghị điều chỉnh lại là: “b)	- Tiếp thu.

STT	PHẢN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
		ngày 19/11/2023	Giao HĐND cấp tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, định mức, nội dung, hình thức và thời gian hỗ trợ”.	
25	Bà Rịa - Vũng Tàu	16111/UB ND-VP ngày 20/11/2023	Đối với Dự thảo Nghị quyết, tại mục c khoản 5 trang 4, đề nghị điều chỉnh thành “b) Giao HĐND cấp tỉnh...” do khoản 5 chỉ có 02 mục (a và b) và nội dung quy định tại mục này phù hợp với “cấp tỉnh”	- Tiếp thu.
26	Hậu Giang	2316/SKH ĐT-THQH ngày 15/11/2023	Tại Khoản 7, Điều 3 về cơ chế phân cấp cho cấp huyện, đề xuất cơ chế: “- Giao HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh kế hoạch vốn giữa các CTMTQG; điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn từ vốn thường xuyên của các nội dung, dự án không còn đối tượng, hoặc không có khả năng giải ngân để tập trung vốn cho đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện xây dựng nông thôn mới.”.	- Việc cho phép địa phương điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn giữa các chương trình sẽ làm thay đổi chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và kế hoạch đầu tư công trung hạn từng chương trình đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết nghị và ảnh hưởng lớn đến việc tổ chức thực hiện các CTMTQG giai đoạn 2021-2025. Do vậy, thực hiện chủ trương của Quốc hội mới nghiên cứu cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện được điều chỉnh vốn. Việc mở rộng sẽ nghiên cứu đề xuất sau khi có đánh giá thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp.
27	Sóc Trăng	3167/UBN D-KT ngày 17/11/2023	1. Về cơ chế giao dự toán kinh phí thường xuyên hằng năm: - Đề nghị giữ nguyên cơ chế giao vốn như trước đây (giao vốn chi thường xuyên từng CTMTQG chi tiết theo từng dự án thành phần, lĩnh vực sự nghiệp); đồng thời, đề xuất xem xét bổ sung giao địa phương được phép	- Không tiếp thu. Lý do, việc quy định cấp trung ương giao tổng số để tăng cường phân cấp, tính chủ động, tự quyết định, tự chịu trách nhiệm của địa phương.

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p>điều chuyển nguồn vốn từ dự án thừa vốn (do không còn đối tượng thụ hưởng) sang dự án khác cho phù hợp với thực tiễn.</p> <p>- Trường hợp giao HĐND quyết định phân bổ chi tiết đến dự án thành phần, lĩnh vực chi thì phải bổ sung giao Thủ tướng Chính phủ xem xét, sửa đổi Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021, số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01/7/2023 cho phù hợp.</p> <p>Đồng thời, điều chỉnh nội dung như sau:  <i>“Giao HĐND cấp tỉnh quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước hàng năm của từng CTMTQG chi tiết đến từng dự án thành phần và lĩnh vực chi. HĐND tỉnh ủy quyền UBND tỉnh quyết định điều chỉnh nguồn vốn theo quy định nhằm đảm bảo tính kịp thời trong triển khai và giải ngân nguồn vốn ngân sách nhà nước”.</i></p> <p>2. Về cơ chế phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG, đề nghị điều chỉnh, bổ sung tại điểm a khoản 7 nội dung: (1) <i>“Điều chỉnh kế hoạch vốn giữa các nội dung, dự án thành phần thuộc từng CTMTQG”</i>; (2) <i>“Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn từ vốn sự nghiệp của các nội dung, dự án</i></p>	<p>- Rà soát, tiếp thu.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p>

STT	PHẢN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p><i>không còn đối tượng, hoặc không có khả năng giải ngân vốn để tăng vốn cho đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện xây dựng nông thôn mới”.</i></p> <p>3. Đề nghị bổ sung chính sách đặc thù cho phép thực hiện nội dung: “<i>Duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn từ nguồn vốn sự nghiệp CTMTQG xây dựng nông thôn mới”.</i></p> <p>4. Về dự thảo Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật: Tỉnh Sóc Trăng đề xuất 02 nội dung, bao gồm 01 nội dung liên quan về cơ chế phân bổ vốn và 01 nội dung liên quan về cơ chế phân cấp quyền cho địa phương.</p>	<p>- Không tiếp thu do kinh phí để thực hiện duy tu bảo dưỡng đã được quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từng CTMTQG.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p>
28	Đồng Tháp	1256/UBN D-KT ngày 15/11/2023	<p>1. Đối với dự thảo Nghị quyết: Tại khoản 3, Điều 2, đề nghị chỉnh sửa bổ sung thành: “Các tổ chức, cá nhân <i>khác</i> có liên quan.”</p> <p>2. Đối với chính sách 7 về cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện, đề nghị bổ sung nội dung:</p> <p>- “+ Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn từ vốn thường xuyên của các nội dung, dự án không còn đối tượng, hoặc không có khả năng giải ngân để tập trung vốn cho đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện xây dựng nông thôn mới, <i>đảm</i></p>	<p>- Rà soát, tiếp thu.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p>

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p><i>bảo lộ trình thực hiện, phù hợp với khả năng và tình hình thực tiễn của địa phương.”;</i></p> <p>- Giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh <b>“Quy định cơ chế thanh tra, kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện các nhiệm vụ, yêu cầu của các CTMTQG cho cấp huyện được lựa chọn thí điểm.”</b></p>	- Không tiếp thu. Lý do công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với CTMTQG đã có quy định tại Luật chuyên ngành, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP. Do vậy, không cần quy định cơ chế đặc thù.
29	Cà Mau	9277/UBND-NNTN ngày 15/11/2023	Đối với nội dung “Giao HĐND thành phố quy định tiêu chí, điều kiện, mức, nội dung, hình thức và thời gian hỗ trợ” (tại điểm c khoản 5 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết), kiến nghị xem xét điều chỉnh, làm rõ cấp thẩm quyền (cấp tỉnh hay cấp huyện) thực hiện nội dung nêu trên.	- Rà soát, tiếp thu.
30	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	8628/NHN N-TD ngày 08/11/2023	Tại khoản 5 Điều 5 dự thảo Nghị quyết của Quốc hội đề nghị chỉnh sửa nội dung: “c) Giao HĐND Thành phố quy định tiêu chí, điều kiện, mức, nội dung, hình thức và thời gian hỗ trợ.” thành “b) Giao HĐND <u>cấp tỉnh</u> quy định tiêu chí, điều kiện, mức, nội dung, hình thức và thời gian hỗ trợ.”	- Tiếp thu.
31	Bộ Văn hóa, Thể	4954/BVHTTDL-KHTC	1. Về dự thảo Tờ trình: Đề nghị chỉnh sửa lại phần IV theo mẫu (gồm 2 phần chính là Bố cục và nội dung cơ bản	- Rà soát, tiếp thu.

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
	thao và Du lịch	ngày 14/11/2023	của dự thảo Nghị quyết), bỏ phần V dự thảo Tờ trình. 2. Về dự thảo Nghị quyết: - Khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị quy định cụ thể những điều, khoản giao Chính phủ quy định chi tiết	- Rà soát, tiếp thu.
32	Hội Nông dân Việt Nam	6251-CV/HNDT W ngày 14/11/2023	- Tại Khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị quyết, đề nghị rà soát thống nhất <i>tài sản hình thành</i> của dự án, ngoài trang thiết bị, công cụ...; thống nhất tên gọi <i>chủ dự án</i> trong trường hợp này để tránh hiểu nhầm khái niệm <i>chủ dự án</i> tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ. - Về sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng, đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về mức hỗ trợ tối đa cho đối tượng tham gia dự án hoặc giao Chính phủ quy định; giao Chính phủ hướng dẫn bổ sung để đảm bảo tính thống nhất, chặt chẽ trong quy định ràng buộc trách nhiệm của đơn vị chủ trì thực hiện Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.	- Tiếp thu.  - Tại các Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ đã quy định ngân sách nhà nước hỗ trợ theo tỷ lệ cho 01 dự án/kế hoạch liên kết; phân cấp cho cấp tỉnh, thủ trưởng cơ quan trung ương quy định mức hỗ trợ tối đa/hộ tham gia dự án phù hợp với nguồn lực huy động, khả năng, điều kiện của mỗi địa phương.

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
33	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	2698/ĐCT-CSPL ngày 15/11/2023	<p>- Tại điểm c khoản 1 Điều 3, bổ sung phần chữ in đậm sau đây: “Giao HĐND cấp tỉnh quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hằng năm đến cấp xã của từng CTMTQG chi tiết đến từng dự án thành phần và lĩnh vực chi”.</p> <p>- Tại điểm a khoản 7 Điều 3, đề nghị bổ sung như sau “... thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp cho HĐND cấp huyện được quyết định điều chỉnh kế hoạch vốn của các chương trình MTQG chi tiết đến từng dự án thành phần và lĩnh vực trên cơ sở đề xuất của cơ quan chủ trì các dự án...”.</p> <p>- Tại điểm b khoản 7 Điều 3, đề nghị bổ sung như sau: “Giao UBND cấp tỉnh giao mục tiêu, nhiệm vụ, yêu cầu cụ thể đối với từng CTMTQG cho cấp huyện được lựa chọn thí điểm trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu về an sinh, xã hội, chế độ chính sách cho các đối tượng hỗ trợ của CTMTQG...”</p> <p>- Đề nghị nghiên cứu, bổ sung thêm: + Cơ chế tháo gỡ vướng mắc cho các địa phương về địa bàn triển khai Chương trình đến năm 2025 theo hướng điều chỉnh phạm vi, địa bàn của Chương trình thực hiện tại các</p>	<p>- Rà soát, tiếp thu.</p> <p>- Không tiếp thu. Lý do việc xin ý kiến các cơ quan trung ương trước khi điều chỉnh sẽ phát sinh thêm quy trình, chưa tạo điều kiện cho các địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p> <p>- Nội dung kiến nghị của Hội LHPNVN thuộc nội dung nhiệm vụ đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban Dân tộc đề xuất giải pháp xử lý theo thẩm quyền.</p>

STT	PHẢN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p>tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các xã, thôn vùng đồng bào DTTS &amp; MN để tạo cơ chế thuận lợi cho các ngành, địa phương thực hiện Chương trình.</p> <p>+ Cơ chế thưởng đặc thù đối với các địa phương đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.</p>	
34	Ủy ban Dân tộc	2097/UBND T-VPCTMT QG ngày 15/11/2023	<p>1. Đối với dự thảo Tờ trình, đề nghị điều chỉnh thành “<i>Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm thực hiện các cơ chế đặc thù trong triển khai các CTMTQG giai đoạn 2021-2025</i>”</p> <p>2. Đối với dự thảo Nghị quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại điểm b, khoản 2, Điều 4, đề nghị bổ sung nội dung “<i>Quy định rõ trách nhiệm của cấp thẩm quyền về việc tổ chức đánh giá kết quả, hiệu quả, tác động trong thời gian thí điểm của từng cơ chế</i>”.</li> <li>- Đề nghị điều chỉnh nội dung tại điểm b, khoản 1, Điều 3 như sau: “<i>Thủ tướng Chính phủ giao dự toán chi thường xuyên nguồn NSTW hằng năm cho địa phương theo tổng kinh phí của từng chương trình</i>”.</li> <li>- Đề nghị xem lại khoản 5, Điều 3 (thiếu điểm b; nội dung điểm c không rõ).</li> </ul>	<p>- Tên dự thảo Nghị quyết theo quy định tại Nghị quyết số 108/2023/QH15.</p> <p>- Tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết đã quy định.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p> <p>- Tiếp thu.</p>



STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung nội dung vào điểm a, khoản 7, Điều 3 như sau: <i>điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn từ vốn chi thường xuyên của các dự án, tiêu dự án, nội dung, nhiệm vụ không còn đối tượng, hoặc không có khả năng giải ngân để tập trung vốn đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</i></li> <li>- Đề nghị rà soát các văn bản kèm theo Hồ sơ trình, để bảo đảm tính thống nhất giữa các văn bản kèm theo Hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát, tiếp thu theo hướng tổng quát cho cả 03 CTMTQG.</li> <li>- Tiếp thu.</li> </ul>
35	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	4857/LĐT BXH-VPQGGN ngày 10/11/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 3 quy định chuyên tiếp đối với địa phương đã có Nghị quyết của HĐND tỉnh về mô hình mà có nội dung phải sửa đổi bổ sung, giao UBND tỉnh ban hành quy định mới.</li> <li>- Đề nghị bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 3 giao Chính phủ quy định cụ thể quy trình mua sắm để bảo đảm công khai, minh bạch.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát, tiếp thu.</li> <li>- Thực hiện theo cơ chế này, quy trình mua sắm do chủ dự án tự quyết định do việc mua sắm trang thiết bị hàng hóa không chỉ sử dụng vốn hỗ trợ từ NSNN mà còn từ vốn tự có của chủ liên kết.</li> </ul>
36	Bộ Tài chính	12633/BTC-NSNN	Đối với cơ chế quản lý, sử dụng tài sản, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:	

STT	PHẢN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
		ngày 17/11/2023	<p>- Đối với nội dung Quy định hiện hành tại điểm 1 mục IV dự thảo Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan: Đề nghị sửa lại như sau: Pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ) chỉ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản dự án sử dụng vốn nhà nước; không quy định về việc xử lý tài sản của dự án hỗn hợp trong đó có một phần ngân sách nhà nước hỗ trợ cho dự án.</p> <p>- Đối với điểm d khoản 4 mục IV dự thảo Tờ trình Chính phủ; khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị quyết của Quốc hội, đề nghị sửa lại như sau:  <i>“Trong quá trình xây dựng, phê duyệt dự án cần xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng của dự án để việc tổ chức thực hiện được thuận lợi. Việc xác định đối tượng thụ hưởng cần đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, phù hợp với năng lực tổ chức thực hiện; theo đó, đối tượng thụ hưởng được tiếp nhận và quản lý tài sản theo quy định của pháp luật có liên quan.”</i></p>	<p>- Tiếp thu.</p> <p>- Nội dung góp ý chưa làm rõ được giải pháp tháo gỡ vướng mắc của địa phương.</p>

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
37	Bộ Công an	4157/BCA-V01 ngày 15/11/2023	Đối với dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của các cơ chế đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các CTMTQG giai đoạn 2021-2025, ngoài 07 cơ chế được nêu trong dự thảo, đề nghị bổ sung cơ chế sử dụng vốn đầu tư công hỗ trợ trực tiếp số đối tượng chính sách thuộc các CTMTQG, nhất là CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	- Nội dung sử dụng vốn đầu tư công hỗ trợ đối tượng chính sách đã được quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.
38	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8589/BNN-VPĐP ngày 23/11/2023	<p>1. Về chính sách 3: Đề nghị cần làm rõ hơn nội dung “Những phương thức mua sắm hàng hóa do chủ trì liên kết, người dân có thể tự quyết định và tự thực hiện”.</p> <p>2. Về chính sách 4: Nội dung quy định về xử lý tài sản được hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, đề nghị cơ chế đặc thù như sau:  “Đối với tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (bao gồm cả phát triển các sản phẩm OCOP, du lịch nông thôn): Cơ quan nhà nước quản lý dự án và chủ trì liên kết tổ chức kiểm kê, đánh giá giá trị còn lại của tài sản dự án (nguyên giá trừ đi khấu hao tài sản).</p>	<p>- Nội hàm chính sách đã thể hiện rõ giao cho chủ trì liên kết, người dân tự quyết định phương thức mua sắm.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p>

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			Trường hợp chủ trì liên kết có nhu cầu tiếp tục sử dụng tài sản của dự án, chủ trì liên kết có trách nhiệm nộp lại ngân sách nhà nước phần giá trị còn lại của tài sản hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước để được tiếp nhận quyền sở hữu tài sản đó. Hoặc quy đổi giá trị còn lại thành tiền để hỗ trợ cho các đối tượng người dân tham gia dự án, mô hình để tiếp tục thực hiện hoạt động phát triển sản xuất, phương án hỗ trợ do cơ quan quản lý nhà nước dự án phê duyệt.”.	
39	Bộ Khoa học và Công nghệ	4371/BKH CN-CNN ngày 23/11/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với chính sách 1 về phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên, Bộ KH&amp;CN thống nhất với nội dung chính sách đề xuất.</li> <li>- Đối với chính sách 2 về thẩm quyền ban hành quy định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, đề nghị xem xét có quy định chung trong cả nước.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã phân cấp cho cấp tỉnh quyết định trình tự thủ tục lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc lĩnh vực khác ngoài lĩnh vực nông nghiệp để đảm bảo phù hợp với phân công, phân cấp tổ chức thực hiện dự án phát triển sản xuất tại từng địa phương.</li> <li>Bên cạnh đó, ở mỗi địa phương, theo đặc điểm, khả năng có sự lựa chọn và tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất khác nhau (trừ lĩnh vực nông nghiệp). Do vậy, việc quy định chung một quy trình áp dụng cho các địa phương sẽ không bao quát hết đặc thù của từng địa</li> </ul>

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p>- Đối với chính sách 4 về quản lý, sử dụng tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đề nghị: (1) Làm rõ thêm các tiêu chí như thế nào là “trang thiết bị, công cụ có giá trị nhỏ”, “trang thiết bị, công cụ có giá trị lớn”?; (2) Thí điểm giao quyền sử dụng các sản phẩm hình thành từ các nhiệm vụ, dự án cho tổ chức chủ trì để tiếp nhận và nhân rộng ra sản xuất đáp ứng được tính cấp thiết và nhu cầu sản xuất.</p> <p>- Đối với chính sách 6 về giao danh mục dự án đầu tư công, đề nghị xem xét bổ sung giao Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí, quy trình xác định dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp và mức tham gia của người dân.</p>	<p>phương và có thể phát sinh những bất cập, làm hạn chế sự chủ động của các địa phương.</p> <p>Trên cơ sở kết quả tổng kết, đánh giá và đề xuất cụ thể từ các địa phương, các cơ quan trung ương sẽ nghiên cứu, đề xuất một quy định thống nhất về trình tự, thủ tục, điều kiện lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất áp dụng chung cho cả nước.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p> <p>- Không tiếp thu do việc quyết định loại danh mục công trình đặc thù đã được Chính phủ giao UBND cấp tỉnh xác định theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.</p>
40	Bộ Tư pháp	5844/BTP-PLDSKT	1. Dự thảo Nghị quyết đề xuất áp dụng các cơ chế đặc thù trong 02 năm (2024-2025). Do vậy, đề nghị quy định rõ tại dự thảo thời gian	- Rà soát, tiếp thu.

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
		ngày 29/11/2023	<p>áp dụng cơ chế đặc thù đối với từng CTMTQG.</p> <p>2. Tại Điều 2 Nghị quyết, đề nghị rà soát, thể hiện lại đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết cho phù hợp, đảm bảo đầy đủ các đối tượng có liên quan đến các CTMTQG.</p> <p>3. Dự thảo Tờ trình chưa đưa ra lý do, sự cần thiết khi đề xuất từng cơ chế đặc thù, ưu - nhược điểm, tính khả thi. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung các báo cáo đánh giá tác động đầy đủ theo quy định Luật Ban hành VBQPPL, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.</p> <p>4. Dự thảo Tờ trình chưa lý giải khi cùng một lúc vừa giao cho HĐND cấp tỉnh, UBND cấp tỉnh đều ban hành trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ PTSX.</p> <p>5. Đề nghị thể hiện các cụm từ “đối tượng ngoài nhà nước”, “chủ trì liên kết” thống nhất với quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, tránh việc đưa ra khái niệm mới không rõ ràng, gây khó khăn cho quá trình tổ chức thực hiện. Đồng thời, đề nghị làm rõ khái niệm “cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án”.</p>	<p>- Rà soát, tiếp thu.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu và hoàn thiện dự thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết số 108/2023/QH15.</p> <p>- Dự thảo Nghị quyết đang đề xuất HĐND cấp tỉnh ban hành hoặc được giao cho UBND cấp tỉnh ban hành; <b>không quy định đồng thời</b> cả hai chủ thể HĐND, UBND cùng ban hành quy định.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p>

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p>6. Đề nghị bổ sung cách thức quản lý, sử dụng phần giá trị còn lại tài sản sau khi dự án hỗ trợ phát triển sản xuất kết thúc. Đồng thời, đề nghị rà soát thiết kế làm rõ đối với trường hợp tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất có giá trị lớn để tránh lạm dụng tài sản công khi thực hiện giao lại tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ PTSX.</p> <p>7. Đề nghị cân nhắc giao HĐND cấp tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, mức, nội dung, hình thức và thời gian cho vay do hiện nay hệ thống pháp luật quy định về cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số... đã được ban hành đã quy định đầy đủ những nội dung này.</p> <p>8. Đề nghị bổ sung quy định rõ khái niệm “dự án đầu tư quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp”.</p> <p>9. Đề nghị thống nhất HĐND, hoặc UBND cấp tỉnh quyết định lựa chọn huyện thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp.</p> <p>10. Đề nghị rà soát tổng thể dự thảo Nghị quyết đảm bảo không vi phạm Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm,</p>	<p>- Dự thảo Nghị quyết đã quy định rõ sau khi kết thúc dự án phải đánh giá lại tài sản và xử lý tài sản. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện Nghị quyết.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu theo hướng giao UBND cấp tỉnh ban hành chính sách tín dụng chung áp dụng tại địa phương do Nghị định số 28/2022/NĐ-CP quy định thực hiện chính sách tín dụng của Trung ương, chưa bao quát hết đối tượng của các CTMTQG: xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p>

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p>trong đó không được “Chỉ đạo, ban hành thể chế, cơ chế, chính sách có nội dung trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cài cắm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ (điểm d khoản 2 Điều 9)”; tuân thủ đúng Nghị quyết số 126/QĐ-TW ngày 14/8/2022 của Chính phủ.</p> <p>11. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản, đề nghị rà soát, chỉnh sửa theo quy định Luật Ban hành văn bản quy pháp luật; Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017.</p>	- Rà soát, tiếp thu.
41	Bộ Công thương	8559/BCT-CTĐP ngày 01/12/2023	<p>I. Đối với Dự thảo Tờ trình:</p> <p>1. Tại Điểm 1, Mục I, đề nghị làm rõ cơ sở đề xuất “Kiến nghị của cử tri và đại biểu Quốc hội tại các kỳ họp Quốc hội” bao gồm nội dung kiến nghị, số lượng đại biểu kiến nghị.</p> <p>2. Tại Điểm 2, Mục I, đề nghị làm rõ sự cần thiết của việc đề xuất 07 chính sách đặc thù được đã được nêu tại Dự thảo Nghị quyết.</p> <p>II. Đối với Dự thảo Nghị quyết</p> <p>1. Đề nghị xem xét lại quy định tại Điểm c, Khoản 5, Điều 3 (trang 4 Dự thảo Nghị quyết): “c) Giao HĐND Thành phố quy định</p>	<p>- Nội dung kiến nghị và số lượng kiến nghị thực hiện theo Báo cáo số 3077/BC-TTKQH ngày 15/11/2023 của Tổng Thư ký Quốc hội.</p> <p>- Sự cần thiết đề xuất từng chính sách đã được báo cáo làm rõ tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách kèm theo Tờ trình của Chính phủ.</p> <p>- Rà soát, tiếp thu.</p>



STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p>tiêu chí, điều kiện, mức, nội dung, hình thức và thời gian hỗ trợ”.</p> <p>2. Đề nghị điều chỉnh Khoản 3, Điều 4 thành: “3. HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết này, bảo đảm phát huy vai trò tham mưu của các cơ quan chuyên môn để triển khai hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia.</p> <p>III. Đề xuất, kiến nghị</p> <p>Đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quá trình triển khai thực hiện các CTMTQG cần chú trọng vai trò tham mưu của các sở, ban ngành chức năng và có sự phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai các dự án, nội dung của CTMTQG.</p>	<p>- Rà soát, tiếp thu.</p> <p>- Không tiếp thu vào Hồ sơ dự thảo Nghị quyết. Lý do, đây là nội dung triển khai thực hiện Nghị quyết thuộc thẩm quyền chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và theo quy định Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định có liên quan.</p>
42	Ngân hàng Chính sách xã hội	9875/NHC S-KHNV ngày 07/12/2023	Tại điểm a khoản 6 Điều 4, , đề nghị bổ sung, chỉnh sửa như sau: “ <i>Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương, điều kiện thực tiễn tại địa phương, HĐND các cấp quyết định việc bố trí vốn ngân sách tự cân đối của địa phương (bao gồm một trong các nguồn vốn sau đây: vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển khác, kinh phí thường xuyên) thông qua việc giao UBND cùng cấp ủy thác cho</i>	- Rà soát, tiếp thu.

STT	PHẦN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG			RÀ SOÁT, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TÊN CƠ QUAN	SỐ VĂN BẢN	NỘI DUNG GÓP Ý	
			<p><i>Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tại địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ cá nhân người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động vay vốn ưu đãi thực hiện phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi vay vốn ưu đãi phát triển các sản phẩm thế mạnh, du lịch nông thôn trong triển khai nội dung, dự án thành phần thuộc các CTMTQG.”.</i></p>	

**Phụ lục I**  
**THỐNG KÊ CÁC DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN, NỘI DUNG, NỘI DUNG**  
**THÀNH PHẦN CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**  
**GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Tờ trình số 13/TTr-CP ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ)

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN, NỘI DUNG, NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CƠ QUAN QUẢN LÝ
I	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021-2025 (được phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ)</b>	<b>Ủy ban Dân tộc là chủ chương trình</b>
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Ủy ban Dân tộc là chủ dự án thành phần
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Ủy ban Dân tộc là chủ dự án thành phần
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	
3.1	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân</i>	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ dự án thành phần</i>
3.2	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	<i>Ủy ban Dân tộc là chủ dự án thành phần (quản lý đối với nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất; khởi sự kinh doanh)            Bộ Y tế là chủ dự án thành phần (quản lý đối với nội dung trồng cây dược liệu quý)            Bộ Công Thương là chủ dự án thành phần (quản lý đối với nội dung thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm)</i>

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN, NỘI DUNG, NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CƠ QUAN QUẢN LÝ
3.3	<i>Tiểu dự án 3: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</i>	<i>Bộ Quốc phòng là chủ dự án thành phần</i>
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	
4.1	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	<p><i>Ủy ban Dân tộc là chủ dự án thành phần (quản lý đối với nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng ĐBDTTS&amp;MN)</i></p> <p><i>Bộ Công Thương là chủ dự án thành phần (quản lý đối với nội dung đầu tư xây dựng, cải tạo mạng lưới chợ)</i></p>
4.2	<i>Tiểu dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc</i>	<i>Ủy ban Dân tộc là chủ dự án thành phần</i>
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	
5.1	<i>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.</i>	<i>Bộ Giáo dục và Đào tạo là chủ dự án thành phần</i>
5.2	<i>Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</i>	<i>Ủy ban Dân tộc là chủ dự án thành phần</i>
5.3	<i>Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.</i>	<i>Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là chủ dự án thành phần</i>

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN, NỘI DUNG, NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CƠ QUAN QUẢN LÝ
5.4	<i>Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.</i>	Ủy ban Dân tộc là chủ dự án thành phần
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là chủ dự án thành phần
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Bộ Y tế là chủ dự án thành phần
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là chủ dự án thành phần
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	
9.1	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù</i>	Ủy ban Dân tộc là chủ dự án thành phần
9.2	<i>Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</i>	Bộ Y tế là chủ dự án thành phần
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	
10.1	<i>Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.</i>	Ủy ban Dân tộc là chủ dự án thành phần (quản lý đối với các nội dung biểu dương, tôn vinh điển hình; tuyên truyền) Bộ Thông tin và Truyền thông là chủ dự án thành phần (quản lý đối với nội dung thông tin đối ngoại)

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN, NỘI DUNG, NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CƠ QUAN QUẢN LÝ
		<p>vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)</p> <p>Bộ Tư pháp là chủ dự án thành phần (quản lý đối với nội dung trợ giúp pháp lý)</p>
10.2	<p>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</p>	<p>Ủy ban Dân tộc là chủ dự án thành phần (quản lý đối với nội dung ứng dụng công nghệ thông tin)</p> <p>Bộ Thông tin và Truyền thông là chủ dự án thành phần (quản lý đối với nội dung thiết lập các điểm hỗ trợ ĐBDTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại xã)</p> <p>Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là chủ dự án thành phần (quản lý đối với nội dung “Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”)</p>
10.3	<p>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.</p>	<p>Ủy ban Dân tộc là chủ dự án thành phần</p>
II	<p><b>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (được phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</b></p>	<p><b>Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là chủ chương trình</b></p>
1	<p>Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo</p>	<p>Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là chủ dự án thành phần</p>

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN, NỘI DUNG, NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CƠ QUAN QUẢN LÝ
1.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	
1.2	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là chủ dự án thành phần
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	
3.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ dự án thành phần
3.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	Bộ Y tế là chủ dự án thành phần
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là chủ dự án thành phần
4.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	
4.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	
4.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	Bộ Xây dựng là chủ dự án thành phần
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	
6.1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	Bộ Thông tin và Truyền thông là chủ dự án thành phần

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN, NỘI DUNG, NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CƠ QUAN QUẢN LÝ
6.2	<i>Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều</i>	<i>Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là chủ dự án thành phần</i>
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là chủ dự án thành phần
7.1	<i>Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình</i>	
7.2	<i>Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá</i>	
III	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (được phê duyệt tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</b>	<b>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ chương trình</b>
1	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá.	
1.1	<i>Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn) và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa theo quy định pháp luật về quy hoạch, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó có quy hoạch khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn. Từng bước lập quy hoạch chi tiết xây dựng (sau quy hoạch chung xây dựng xã) nhằm quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan ở khu vực nông thôn. Tập trung quy hoạch lại các khu cụm dân cư/thôn, bản tại các xã biên giới</i>	<i>Bộ Xây dựng là chủ dự án thành phần</i>
1.2	<i>Nội dung 02: Rà soát, điều chỉnh lập quy hoạch xây dựng vùng huyện gắn với quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM, trong đó, có quy hoạch khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn</i>	<i>Bộ Xây dựng là chủ dự án thành phần</i>



TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN, NỘI DUNG, NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CƠ QUAN QUẢN LÝ
1.3	<i>Nội dung 03: Xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch tỉnh, tạo điều kiện thực hiện Chương trình gắn với phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường</i>	<i>Bộ Kế hoạch và Đầu tư là chủ dự án thành phần</i>
2	<i>Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền.</i>	
2.1	<i>Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên huyện</i>	<i>Bộ Giao thông vận tải là chủ dự án thành phần</i>
2.2	<i>Nội dung 02: Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp xã, huyện, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đến năm 2025:</i>	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ dự án thành phần</i>
2.3	<i>Nội dung 03: Cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan.</i>	<i>Bộ Công Thương là chủ dự án thành phần</i>
2.4	<i>Nội dung 04: Tiếp tục xây dựng, hoàn chỉnh các công trình cấp xã, cấp huyện đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất cho các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</i>	<i>Bộ Giáo dục và Đào tạo là chủ dự án thành phần</i>
2.5	<i>Nội dung 05: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa thể thao cấp xã, thôn, các trung tâm văn hóa - thể thao huyện; tu bổ, tôn tạo các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch nông thôn.</i>	<i>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là chủ dự án thành phần</i>
2.6	<i>Nội dung 06: Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã; các chợ trung tâm, chợ đầu mối, trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn</i>	<i>Bộ Công Thương là chủ dự án thành phần</i>

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN, NỘI DUNG, NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CƠ QUAN QUẢN LÝ
	cấp huyện; trung tâm kỹ thuật nông nghiệp; hệ thống trung tâm cung ứng nông sản hiện đại.	
2.7	Nội dung 07: Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ các vùng nguyên liệu tập trung gắn với liên kết chuỗi giá trị, cơ sở hạ tầng các cụm làng nghề, ngành nghề nông thôn. Đến năm 2025: Có ít nhất 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; có 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ dự án thành phần
2.8	Nội dung 08: Tiếp tục xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện	Bộ Y tế là chủ dự án thành phần
2.9	Nội dung 09: Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn	Bộ Thông tin và Truyền thông là chủ dự án thành phần
2.10	Nội dung 10: Xây dựng, hoàn thiện các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, đảm bảo chất lượng đạt chuẩn theo quy định.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ dự án thành phần
2.11	Nội dung 11: Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; thu hút các doanh nghiệp đầu tư các khu xử lý chất thải tập trung quy mô liên huyện, liên tỉnh; đầu tư hạ tầng các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng các mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô tập trung (cấp huyện và liên huyện), ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường; đầu tư, cải tạo, nâng cấp đồng bộ hệ thống thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung và tại chỗ phù hợp; trong đó có phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn.	Bộ Tài nguyên và Môi trường là chủ dự án thành phần
3	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương	

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN, NỘI DUNG, NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CƠ QUAN QUẢN LÝ
	trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững.	
3.1	<i>Nội dung 01: Tập trung triển khai cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ theo hướng kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên và hạ tầng kinh tế xã hội.</i>	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ dự án thành phần</i>
3.2	<i>Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.</i>	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ dự án thành phần</i>
3.3	<i>Nội dung 03: Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách đầu tư bảo vệ, phát triển rừng, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025; chú trọng đẩy mạnh phát triển các mô hình liên kết trồng rừng gỗ lớn tập trung, gắn với cấp chứng chỉ rừng bền vững; phát triển lâm sản ngoài gỗ theo thế mạnh của từng vùng.</i>	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ dự án thành phần</i>
3.4	<i>Nội dung 04: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền, thành lập Trung tâm OCOP Quốc gia; phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền</i>	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ dự án thành phần</i>

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN, NỘI DUNG, NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CƠ QUAN QUẢN LÝ
	<i>thống ở nông thôn; đẩy mạnh sản xuất, chế biến muối theo chuỗi giá trị.</i>	
3.5	<i>Nội dung 05: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị; thu hút khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy thực hiện bảo hiểm trong nông nghiệp.</i>	<i>Bộ Kế hoạch và Đầu tư là chủ dự án thành phần</i>
3.6	<i>Nội dung 06: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản; đa dạng hoá hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ đảm bảo bền vững trước các biến động của thiên tai, dịch bệnh, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn gắn với việc đáp ứng các tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và đáp ứng nhu cầu thị trường.</i>	<i>Bộ Công Thương là chủ dự án thành phần</i>
3.7	<i>Nội dung 07: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025.</i>	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ dự án thành phần</i>
3.8	<i>Nội dung 08: Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững, bao trùm và đa giá trị.</i>	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ dự án thành phần</i>
3.9	<i>Nội dung 09: Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn.</i>	<i>Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội là chủ dự án thành phần</i>
4	<i>Nội dung thành phần số 04: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.</i>	
4.1	<i>Nội dung 01: Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc</i>	<i>Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội là chủ dự án thành phần (quản lý</i>

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN, NỘI DUNG, NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CƠ QUAN QUẢN LÝ
	gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.	đối với CTMTQG giảm nghèo bền vững). Ủy ban Dân tộc là chủ dự án thành phần (quản lý đối với CTMTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN).
4.2	Nội dung 02: Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nhà ở, xóa nhà tạm, dột nát; nâng cao chất lượng nhà ở dân cư.	Bộ Xây dựng là chủ dự án thành phần
5	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.	
5.1	Nội dung 1: Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn, trong đó, chú trọng duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở. Duy trì, củng cố chất lượng biết chữ mức độ 1; từng bước nâng cao tỷ lệ biết chữ mức độ 2 cho người lớn trong độ tuổi 15-60 tuổi.	Bộ Giáo dục và Đào tạo là chủ dự án thành phần
5.2	Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	Bộ Y tế là chủ dự án thành phần
6	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là chủ dự án thành phần
6.1	Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng	

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN, NỘI DUNG, NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CƠ QUAN QUẢN LÝ
	<i>đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi). Phát động các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, văn hóa, văn nghệ quần chúng phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.</i>	
6.2	<i>Nội dung 02: Tăng cường kiểm kê, ghi danh các di sản văn hóa; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; nghiên cứu, mở rộng mô hình kết nối văn hóa truyền thống và văn hóa mới, đảm bảo đa dạng về văn hóa vùng miền, dân tộc phục vụ phát triển du lịch.</i>	
7	<i>Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam.</i>	
7.1	<i>Nội dung 01: Xây dựng và tổ chức hướng dẫn thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh</i>	<i>Bộ Tài nguyên và Môi trường là chủ dự án thành phần</i>
7.2	<i>Nội dung 02: Thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải (phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, chất thải nhựa...) theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở Việt Nam; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa</i>	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ dự án thành phần</i>
7.3	<i>Nội dung 03: Đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên</i>	<i>Bộ Tài nguyên và Môi trường là chủ dự án thành phần</i>

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN, NỘI DUNG, NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CƠ QUAN QUẢN LÝ
7.4	<i>Nội dung 04: Cải tạo nghĩa trang phù hợp với cảnh quan môi trường; xây dựng mới và mở rộng các cơ sở mai táng, hỏa táng phải phù hợp với các quy định và theo quy hoạch</i>	<i>Bộ Xây dựng là chủ dự án thành phần</i>
7.5	<i>Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu;</i>	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ dự án thành phần</i>
7.6	<i>Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; cải thiện vệ sinh hộ gia đình</i>	<i>Bộ Y tế là chủ dự án thành phần</i>
7.7	<i>Nội dung 07: Triển khai hiệu quả Chương trình “Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025”</i>	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ dự án thành phần</i>
8	<i>Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới.</i>	
8.1	<i>Nội dung 01: Triển khai đề án về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho cán bộ,</i>	<i>Bộ Nội vụ là chủ dự án thành phần</i>

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN, NỘI DUNG, NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CƠ QUAN QUẢN LÝ
	<i>công chức xã theo quy định, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM.</i>	
8.2	<i>Nội dung 02: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp (xã, huyện, tỉnh); gắn mã, cập nhật, thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã; phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn.</i>	<i>Bộ Thông tin và Truyền thông là chủ dự án thành phần</i>
8.3	<i>Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2021 - 2025.</i>	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ dự án thành phần</i>
8.4	<i>Nội dung 04: Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn.</i>	<i>Bộ Tư pháp là chủ dự án thành phần</i>
8.5	<i>Nội dung 05: Nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý.</i>	<i>Bộ Tư pháp là chủ dự án thành phần</i>
8.6	<i>Nội dung 06: Tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.</i>	<i>Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là chủ dự án thành phần</i>
9	<i>Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM.</i>	
9.1	<i>Nội dung 01: Tiếp tục tổ chức triển khai Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh"; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng</i>	<i>Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là chủ dự án thành phần</i>



TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN, NỘI DUNG, NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CƠ QUAN QUẢN LÝ
	<i>NTM; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM</i>	
9.2	<i>Nội dung 02: Triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”</i>	<i>Trung ương Hội nông dân Việt Nam là chủ dự án thành phần</i>
9.3	<i>Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”</i>	<i>Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là chủ dự án thành phần</i>
9.4	<i>Nội dung 04: Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng NTM</i>	<i>Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là chủ dự án thành phần</i>
9.5	<i>Nội dung số 05: Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”.</i>	<i>Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là chủ dự án thành phần</i>
10	<i>Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.</i>	
10.1	<i>Nội dung 01: Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh ngay từ đầu, từ nơi xuất phát và ngay tại cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại chỗ”, hạn chế để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự...; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; củng cố, xây dựng, nhân rộng các mô hình tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng tự phòng, tự</i>	<i>Bộ Công an là chủ dự án thành phần</i>

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN, NỘI DUNG, NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CƠ QUAN QUẢN LÝ
	<i>quản, tự vệ, tự hòa giải...; triển khai hiệu quả Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025</i>	
10.2	<i>Nội dung 02: Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng NTM.</i>	Bộ Quốc phòng là chủ dự án thành phần
11	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.	
11.1	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng</i>	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ dự án thành phần
11.2	<i>Nội dung 02: Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở</i>	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ dự án thành phần
11.3	<i>Nội dung 03: Đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng NTM</i>	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ dự án thành phần
11.4	<i>Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây</i>	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ dự án thành phần

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN, NỘI DUNG, NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CƠ QUAN QUẢN LÝ
	<i>dụng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM</i>	
11.5	<i>Nội dung 05: Tiếp tục triển khai rộng khắp phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”</i>	<i>Bộ Nội vụ là chủ dự án thành phần</i>

**Phụ lục II**  
**TỔNG HỢP KẾT QUẢ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG**  
**NHÂN DÂN CẤP TỈNH QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN**  
**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG**  
*(Kèm theo Tờ trình số 13/TTr-CP ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Tên địa phương</b>	<b>Văn bản ban hành</b>
1	Hà Giang	Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 12/10/2023
2	Tuyên Quang	Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022
3	Cao Bằng	Nghị quyết số 73/2023/NQ-HĐND ngày 18/10/2023
4	Lạng Sơn	Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023
5	Lào Cai	Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 15/9/2023
6	Yên Bái	Nghị quyết số 52/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022
7	Thái Nguyên	Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023
8	Bắc Kạn	Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023
9	Phú Thọ	Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023
10	Bắc Giang	Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022
11	Hòa Bình	Nghị quyết số 303/2023/NQ-HĐND ngày 30/10/2023
12	Sơn La	Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 02/6/2023
13	Lai Châu	Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023
14	Điện Biên	Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2023
15	Quảng Ninh	Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 30/3/2023
16	Nam Định	Nghị quyết số 74/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023
17	Ninh Bình	Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 27/10/2022
18	Thanh Hóa	Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022
19	Nghệ An	Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 12/11/2022
20	Hà Tĩnh	Nghị quyết số 79/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022
21	Quảng Bình	Nghị quyết số 42/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023
22	Quảng Trị	Nghị quyết số 99/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022
23	Thừa Thiên Huế	Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 4/1/2023
24	Quảng Nam	Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023
25	Quảng Ngãi	Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023

TT	Tên địa phương	Văn bản hành
26	Bình Định	Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 23/3/2023
27	Phú Yên	Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 18/10/2023
28	Khánh Hòa	Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022
29	Ninh Thuận	Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 20/10/2022
30	Đắk Lắk	Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023
31	Đắk Nông	Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 25/04/2023
32	Gia Lai	Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022
33	Kon Tum	Nghị quyết số 60/2022/NĐ-HĐND ngày 29/8/2022
34	Lâm Đồng	Nghị quyết số 118/2022/NQ-HĐND ngày 13/10/2022
35	Bình Phước	Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022
36	Tây Ninh	Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022
37	Long An	Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023
38	Trà Vinh	Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 31/7/2023
39	Vĩnh Long	Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 15/6/2023
40	Sóc Trăng	Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022
41	An Giang	Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022
42	Kiên Giang	Nghị quyết số 340/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020
43	Bạc Liêu	Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/07/2023
44	Cà Mau	Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 10/10/2023